

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN



LÊ THỊ HÀ

**BỘ PHẬN VĂN CHƯƠNG TRONG TRƯỚC TÁC
CỦA PHAN HUY CHÚ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

HÀ NỘI - 10/2009

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN



LÊ THỊ HÀ

**BỘ PHẬN VĂN CHƯƠNG TRONG TRƯỚC TÁC CỦA
PHAN HUY CHÚ**

CHUYÊN NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM
MÃ SỐ: 60.22.32

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HỌC

**Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS TRẦN NGỌC VƯƠNG**

HÀ NỘI - 10/2009

MỤC LỤC

	Trang
Phần mở đầu.....	1
CHƯƠNG 1 TRƯỚC TÁC CỦA PHAN HUY CHÚ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XVIII ĐẦU THẾ KỶ XIX	6
1.1. Phan Huy Chú và ảnh hưởng của truyền thống gia đình đến sự nghiệp trước tác của ông	6
1.1.1. <i>Vài nét về tác giả</i>	6
1.1.2 <i>Gia đình và dòng họ</i>	11
1.2 Ảnh hưởng của xu hướng biến đổi quan niệm <i>Văn sử triết bất phân</i> trong giai đoạn cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX đến quá trình biên soạn khảo cứu của Phan Huy Chú.....	15
1.3. “ <i>Lịch triều hiến chương loại chí</i> ” bộ bách khoa toàn thư của dân tộc	20
1.3.1 <i>Vài nét về thể loại chí</i>	20
1.3.2. <i>Tác phẩm Lịch triều hiến chương loại chí</i>	22
1.3.3. <i>Tổng quan về những đóng góp của Phan Huy Chú</i>	29
CHƯƠNG 2. BỘ PHẬN SƯU TẦM BIÊN KHẢO VĂN HỌC TRONG LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG LOẠI CHÍ	33
2.1 <i>Văn tịch chí</i> thể hiện tư duy phân loại của nhà biên khảo sưu tầm	33
2.1.1 <i>Tư duy khoa học</i>	33
2.1.2 <i>Tính hệ thống</i>	40
2.2 Văn học là bộ phận quan trọng trong trước tác.....	44
2.2.1 <i>Đính chính sửa chữa những lỗi sai, bổ sung vào những tác phẩm còn thiếu</i>	45
2.2.2 <i>Những nhận xét đánh giá phê bình văn chương của Phan Huy Chú</i>	51
CHƯƠNG 3. SÁNG TÁC THƠ VĂN CỦA PHAN HUY CHÚ	66
3.1 <i>Vài nét về dòng văn Phan Huy</i>	66

3.2 Giá trị văn học trong sự nghiệp sáng tác của Phan Huy Chú	70
3.2.1 <i>Quan niệm sáng tác thơ văn của Phan Huy Chú</i>	70
3.2.2 <i>Thơ văn của Phan Huy Chú</i>	75
KẾT LUẬN	84
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	87

BẢNG KÊ NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

PHC: Phan Huy Chú

LTHCLC: Lịch triều hiến chương loại chí

LQĐ: Lê Quý Đôn

BS: Bổ sung

ĐVTS: Đại việt thông sử

KR: không rõ số quyển

Tr: trang

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài .

Như chúng ta đã biết nửa cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX đã để lại dấu ấn hết sức đậm nét trong lịch sử phát triển nền văn hoá, văn học của dân tộc. Giai đoạn này không chỉ xuất hiện nhiều nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, nhà chính trị quân sự tài ba, mà còn xuất hiện những nhà bác học.

Trong lĩnh vực văn học đã đạt được những thành tựu quan trọng với nhiều tác phẩm lớn như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, *Chinh phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc*... và một số truyện Nôm nổi tiếng như *Sơ kính tân trang*, *Hoa tiên*... thể hiện một tư duy văn học mới. Đặc biệt là tác phẩm *Hoàng lê nhất thống chí* tuy chưa đạt đến mức độ hoàn chỉnh của một tiểu thuyết chương hồi nhưng dù sao nó cũng đánh dấu cho sự phát triển của tư duy văn học khác với tư duy sử học.

Về mặt sử học cũng có nhiều biến đổi. Thời kỳ này xuất hiện nhiều tác phẩm khảo sử, không chỉ về chất lượng mà đặc biệt có những biểu hiện mới về phương pháp khảo cứu lẫn tư tưởng chi phối công việc biên khảo. Thêm nữa, vấn đề *Văn sử triết* tiếp tục bất phân nhưng khi khảo sát cụ thể thì xu thế vận động tiến tới hình thành các quỹ đạo độc lập đã có những bước tiến (so với các nhà khảo chứng trước đó). *Lịch triều hiến chương loại chí* là một trong những tác phẩm được Phan Huy Chú biên khảo sưu tầm có nội dung rộng lớn, bao quát nhiều mặt trong xã hội, được coi là bộ bách khoa toàn thư của dân tộc. Tác phẩm thể bước tiến mới mẽ về tư duy khoa học của nhà biên soạn sử học..

Bên cạnh tác phẩm trước thuật Phan Huy Chú còn có những sáng tác thơ văn, những vần thơ kỷ sự cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa hai lĩnh vực khác nhau trong một con người. Qua đó làm nổi bật quan niệm mới mẽ của ông về văn chương và trước thuật.

Bước tiến mới ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm? Vì sao

Phan Huy Chú lại có được những bước tiến đó? Cái gì đã tác động đến ông? Đặc biệt với tư cách là nhà sử học, nhà sưu tầm biên khảo ông đã có đóng góp như thế nào đối với nền văn học Việt Nam? Nghiên cứu đề tài này sẽ làm rõ hơn những bước tiến của Phan Huy Chú trong trước thuật cũng như trong sáng tác văn chương. Đồng thời còn cung cấp cho người đọc một vốn tư liệu vô cùng phong phú, đặc biệt là đối với những người nghiên cứu văn học trung đại cũng như những người yêu thích văn học cổ Việt Nam. Đó cũng là những lý do chính mà chúng tôi lựa chọn đề tài này.

2. Mục đích ý nghĩa của đề tài

Phan Huy Chú là một trong những nhà sử học nhà nghiên cứu biên khảo sưu tầm. Tìm hiểu Phan Huy Chú cũng như tác phẩm *Lịch triều hiến chương loại chí* giúp chúng ta thấy được giá trị *đa chiều* của bộ sách như: kinh tế chính trị, quân sự, ngoại giao, giáo dục, văn hoá, tư tưởng, đặc biệt là những quan điểm mới mẻ cùng với một phương pháp tư duy khoa học của ông.

Văn học là một bộ phận quan trọng trong tác phẩm do vậy chúng tôi chọn đề tài ***Bộ phận văn chương trong trước tác của Phan Huy Chú*** nhằm nghiên cứu một cách tổng thể những giá trị văn học của nhà trước thuật kiêm sử học làm được đối với nền văn học Việt Nam, đồng thời cũng cho thấy những giá trị văn hoá, văn hiến của dân tộc ta trong việc sưu tầm, biên khảo và đánh giá của ông.

Bên cạnh *Lịch triều hiến chương loại chí* thì những tác phẩm sáng tác cũng góp phần làm rõ hơn về tư tưởng quan niệm văn chương, cũng như tâm tư tình cảm của nhà trước thuật trong vai trò là nhà thơ nhà văn.

3. Lịch sử vấn đề

Phan Huy Chú không chỉ là nhà khoa học nhà nghiên cứu sưu tầm, biên khảo mà còn là một trong những hiện tượng nổi bật của thế kỷ XVIII - XIX, do vậy có rất nhiều bài viết, bài nghiên cứu, tham luận với những đề tài thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau xoay quanh con người và tác phẩm của ông.

Dương Quảng Hàm trong cuốn *Việt Nam văn học sử yếu* (1943) đã có những nhận xét chung đánh giá về cuốn *Lịch triều hiến chương loại chí*, ngoài ra, còn giới thiệu những tác phẩm của Phan Huy Chú và trích lời tựa của bộ sách sử này. Nhìn chung, tác giả chỉ mới khái quát qua những nét chính, mang tính chất sơ lược về tác phẩm và tác giả chứ chưa đi sâu vào một vấn đề cụ thể.

Năm 1961 Nhà xuất bản Sử học đã in bộ sách *Lịch triều hiến chương loại chí* do tổ biên dịch của viện sử học Việt Nam đã biên dịch và chú giải toàn bộ tác phẩm này (được chia làm 4 tập gồm 49 quyển). Có thể nói đây là một trong những văn bản có giá trị lớn đầu tiên mà những người trong tổ biên dịch lịch sử đã làm được. Đến năm 1992 bộ sách được Nhà xuất bản Khoa học Xã hội tái bản gộp lại thành 3 tập. Năm 2007 Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội tái bản bộ sách phân thành 2 tập. Bộ sách được biên dịch và tái bản liên tục cho thấy được nhu cầu và tính thiết thực của bộ sách trong đời sống xã hội của chúng ta hiện nay.

Một số các nhà biên chép, soạn sử như Trần Văn Giáp đã viết những cuốn sách như *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm...* sử dụng những tư liệu về tác phẩm của Phan Huy Chú, các sách này chỉ mang tính khảo lược nên chỉ khái quát qua về tác giả, tác phẩm chứ chưa đi sâu vào nghiên cứu một lĩnh vực riêng.

Nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh của Phan Huy Chú, năm 1983 sở văn hoá thông tin Hà Sơn Bình đã xuất bản cuốn *Phan Huy Chú và dòng văn Phan Huy*. Đây là cuốn sách tập trung những bài viết của các giáo sư, các nhà nghiên cứu, của các cơ quan khoa học về những vấn đề xoay quanh con người, gia đình dòng họ và giá trị của tác phẩm... Cuốn sách tập hợp bài viết, tham luận ở nhiều mặt khác nhau nên chưa có tính thống nhất, và tập trung vào đi sâu một vấn đề cụ thể.

Vũ Tiến Quỳnh trong tác phẩm *Phê bình và bình luận văn học của các nhà văn nhà nghiên cứu Việt Nam* (Nhà xuất bản văn nghệ – TP. Hồ Chí

Minh, năm 1989) đã viết bài về Phan Huy Chú, trong đó tác giả đã khẳng định được giá trị của *Văn tịch chí* đồng thời cũng có đánh giá một số điểm mà ông làm được so với người đi trước.

Trong cuốn *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học* (Nhà xuất bản Văn hoá thông tin năm 2002) Phương Lựu đã trích dẫn những quan niệm viết văn, chép sử của nhiều tác gia từ trung đại đến hiện đại trong đó có trích dẫn những quan niệm về văn cũng như chép sử của Phan Huy Chú.

Cuốn *Văn học Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá* của Trần Nho Thìn (Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2003) có bài viết: “Một vài vấn đề đặt ra xung quanh việc phân loại thư tịch của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú.” Tác giả đã phân tích đánh giá việc phân loại thư tịch của hai ông để đưa ra nhận xét về quan niệm văn của thời xưa cũng như tư duy phân loại của các học giả này. Bài viết chủ yếu nghiêng về nghiên cứu thể loại văn học nhiều hơn.

Nhìn chung còn nhiều những cuốn sách, những bài tham luận nghiên cứu dưới góc độ khác nhau có liên quan đến tác giả tác phẩm hay một mặt nào đó như tư tưởng, chính trị, xã hội, lịch sử... Song về cơ bản các bài viết, các cuốn sách trên chủ yếu chỉ dừng lại ở một khía cạnh cụ thể mà hầu như chưa có một nghiên cứu nào đi sâu vào vấn đề văn học mang tính toàn diện trong tác phẩm của ông. Luận văn ***Bộ phận văn chương trong trước tác của Phan Huy Chú*** sẽ góp phần làm phong phú hơn, và có cách nhìn tổng thể, toàn diện hơn về phần văn học trong tác phẩm của nhà trước thuật này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Theo nội dung của đề tài đưa ra, chúng tôi xác định đối tượng và phạm vi nghiên cứu chính của là văn bản *Lịch triều hiến chương loại chí*, cụ thể là phần *Văn tịch chí* trong trước tác của Phan Huy Chú và những tác phẩm sáng tác thơ văn tiêu biểu là các tập thơ làm khi đi sứ.

Thứ hai là những tác phẩm khảo cứu biên soạn của những tác gia trước và sau Phan Huy Chú. Ngoài ra chúng tôi còn sử dụng những bài viết, bài tham luận, những bài nghiên cứu phê bình có liên quan ít nhiều đến đề tài

của luận văn.

Luận văn tập trung nghiên cứu phần văn chương trong tác phẩm của Phan Huy Chú ở hai mảng cụ thể là trước thuật và sáng tác.

5. Phương pháp thực hiện

Để thực hiện luận văn này chúng tôi thực hiện các phương pháp như mô tả, phân tích, đánh giá trước tác trên cơ sở dữ liệu. Ngoài ra còn sử dụng phương pháp so sánh văn bản học và những phương pháp thường dùng khác.

6. Đóng góp của luận văn

Trước tiên với những vấn đề được đưa ra và giải quyết ở luận văn sẽ là một đóng góp không nhỏ về việc nghiên cứu tổng thể những giá trị văn chương trong trước tác của Phan Huy Chú.

Thứ hai là luận văn giúp người đọc có thêm những tư liệu tổng hợp khi nghiên cứu hay tìm hiểu về những vấn đề liên quan đến văn học trong trước thuật cũng như trong sáng tác của tác giả này. Đặc biệt là những quan niệm mới mẻ được thể hiện ngay trong tác phẩm của ông.

Luận văn còn cho chúng ta thấy những đóng góp về mặt phương pháp nghiên cứu khoa học với một tư duy mới của nhà trước thuật cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX .

7. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1. Trước tác của Phan Huy Chú trong đời sống văn hóa Việt Nam cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX.

Chương 2. Bộ phận sưu tầm biên khảo văn học trong “Lịch triều hiến chương loại chí”

Chương 3. Sáng tác thơ văn của Phan Huy Chú

Tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1. TRƯỚC TÁC CỦA PHAN HUY CHÚ TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỶ XVIII NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX.

1.1 Phan Huy Chú và ảnh hưởng của truyền thống gia đình đến sự nghiệp trước tác của ông.

1.1.1 Vài nét về tác giả.

Khi nói đến giai đoạn cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX chúng ta không thể không nói đến một người đã làm rạng danh dòng họ của mình đồng thời cũng làm rạng danh cho nền văn hoá dân tộc, đó là Phan Huy Chú. Ông sinh vào mùa đông năm Nhâm Dần 1782, lúc đầu tên là Hạo sau đổi thành Chú tự là Lâm Khanh hiệu Mai Phong. Ông có nguồn gốc ở Hà Tĩnh, sau di cư đến Sài Sơn, còn gọi là làng thầy thuộc phủ Quốc Oai, Hà Tây này thuộc Hà Nội.

Phan Huy Chú sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống khoa cử, cho nên ông có đủ điều kiện để học tập và sự giáo dục, rèn luyện nghiêm túc của người thân đặc biệt là sớm được tắm mình trong kho tàng sách vở mà dòng họ bao đời lưu giữ được, nên ngay từ nhỏ đã nổi tiếng khắp vùng Quốc Oai Sơn Tây. Cha ông đã có những vần thơ miêu tả nét thanh tú của ông:

Mặt đẹp mà thanh khác trẻ thường,

Phúc âm đức nên hòn ngọc báu

Giống dòng bồi mãi nếp thư hương.

Phan Huy Chú cũng như tất cả các bậc nho sĩ đương thời sớm có “chí” dùi mài kinh sử tham thi cử, nhưng số mệnh đã không dành sự ưu ái như gia đình dành cho ông, nên hai lần đi thi chỉ đỗ tú tài. (Ở đây chúng ta hiểu rằng từ đời vua Gia Long (1802 – 1820) chế độ khoa cử đổi khác đó là chỉ một kỳ thi Hương và cứ 6 năm mới có một khoa thi. Đến đời Minh Mệnh có sự thay đổi trở lại trong thi cử tức là cứ 3 năm thi một khoa, *năm Tí, Ngọ, Mão, Dậu*, thi Hương; *năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi*, thi Hội, thi Đình). Phan Huy Chú đã

tham gia vào kỳ thi Hương năm 1807 và năm 1819 thời vua Gia Long. Nhưng ông đã chưa thể hiện được mình trước những cơ hội tiên thân. Là người thông minh sáng suốt và có ý chí, Phan Huy Chú đã sớm có hướng làm trước thuật nên ông xây nhà trong núi để ở, (Tuy nhiên hướng đi này còn nhiều yếu tố khác liên quan) mang theo trong mình một hi vọng mới với những gì tích góp, chất lọc từ điển chương sách vở sẽ giúp ông có *danh phận*. Mặc dù xây nhà trong núi để ở nhưng lòng ông vẫn không nguôi chí hướng ra *nhập thế*. Bằng sự kiên trì trong suốt mười năm nghiên cứu, tìm tòi nhằm biên soạn một tác phẩm “đề đời”. Cơ hội rồi cũng mỉm cười với ông khi thế cuộc luôn thay đổi, sau khi Minh Mệnh lên ngôi, đã rất quan tâm đến điển chương sử sách, khích lệ những người làm sách mới, ban thưởng cho những ai dâng sách. Năm 1821 nhờ người quen tiến cử, Phan Huy Chú được Minh Mạng triệu vào kinh giữ chức biên tu ở viện Hàn lâm, đây là một bước khởi đầu trên con đường “lập nghiệp” của ông, lúc này đã 39 tuổi, cái tuổi xấp xỉ tứ tuần, mà theo như Khổng Tử người đàn ông ở cái tuổi *Tam thập nhi lập* nên so với ông là hơi muộn. Trên thực tế, quan trường thường là nơi tiên thân của các nhà nho, mà Nho giáo là giáo lý đã ăn sâu vào tâm thức của họ trong đó có “danh phận” cho nên bất kì một nhà nho nào cũng mong muốn mình phải *có danh gì với núi sông*, Phan Huy Chú càng không phải là trường hợp ngoại lệ. Khát vọng nơi quan trường đã trở thành thường trực trong lòng và càng mãnh liệt hơn khi nhà nho này lại được sinh trưởng trong những gia tộc lớn. Cũng chính năm đó Phan Huy Chú đã dâng *Lịch triều hiến chương loại chí*, bộ sách sử có tính chất tổng hợp mà ông đã dày công nghiên cứu từ năm 27 tuổi cho đến năm 37 tuổi (1809 - 1819).

Theo dòng thời gian, cùng với những thành quả của bao năm tháng lao động miệt mài Phan Huy Chú cũng như các nhà nho khác *học nhi ưu tắc sĩ* học thành đạt để làm quan, ông không muốn dừng lại mà luôn mong muốn mình được cất nhắc, được gần đức thánh quân. Năm 1823 theo một tư liệu cho rằng ông đã dâng lên vua một bản điều trần nhưng không được Minh

Mệnh chấp nhận, trong *Đại Nam thực lục chính biên* đệ nhị kỉ chép vào năm Minh Mệnh thứ tư (1823) ghi : “Lang trung bộ Lại là Phan Huy Chú dâng sớ điều trần bốn việc nói nhiều điều viển vông, bậy bạ, không thiết việc đời. Vua xem cười bảo rằng: Chú cầu tiến thân mong được hợp ý cũng như Mao Toại tự tiến vậy. Bèn trả sớ lại”. Cách thức đề tiến thân này không thành, bởi không phải ai cũng là người đủ tài để thuyết phục vị vua có nhiều biểu hiện “thực sự cầu thị” này. Ở đây chúng ta không thể phán xét một cách rõ ràng đó là đúng hay sai, hợp lý hay không mà đưa ra những điều này chỉ nhằm làm rõ hơn cái *chí* của Phan Huy Chú mà thôi. Năm 1825 Phan Huy Chú chính thức được sung vào sứ bộ Trung Quốc làm phó đoàn đi sứ, đến năm 1828 thăng phủ thừa phủ Thừa Thiên, năm sau tức năm 1829 lại được điều làm hiệp trấn (Quảng Nam), chẳng bao lâu ông lại bị giáng chức. Đến năm 1831 lại được cử làm phó đoàn sang sứ Trung Quốc lần thứ 2, lần này đi sứ tâm trạng Phan Huy Chú cũng chẳng lấy gì làm vui, trong bài tựa của tập thơ làm khi đi sứ có ghi : “*Ta lần này đội ơn được trát lại vâng đi sứ khi nghe lệnh giạt mình kinh hãi thật là ngoài ý liệu tính...*”. Khi trở về bị cắt chức vì tội “lộng quyền” (cả sứ đoàn đều bị tội). Con đường công danh của ông cũng thật lắm gian truân, đến năm 1832 lại bị Minh Mệnh bắt đi hiệu lực ở Giang Lưu Ba thuộc Indônêxia. Trong *Đại Nam thực lục chính biên* có chép: “ Năm Quý Mùi (1832) sai Phan Mâu, Nguyễn Tiến Khoan, Nguyễn Văn Chất đem theo mấy người bị cắt chức là Hoàng Văn Đản, Phan Huy Chú và Trương Hảo Hợp chia nhau cưỡi ba chiếc thuyền lớn Phấn Bằng, Thụy Long và An Dương đi công cán ở Giang Lưu Ba.” Sau chuyến đi này trở về được khôi phục giữ chức Tư vụ bộ Công. Làm được một thời gian cảm thấy nơi quan trường có nhiều điều ngang trái, đổi thay khiến bản thân mình mệt mỏi chán ngán, nên bèn lấy cớ đau yếu xin về quê dạy học và sau mất tại quê nhà năm (1840). Mộ của ông được chôn ở xã Thanh Mai, huyện Tiên Phong, Sơn Tây, hiện nay là xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Hà Nội.

Có lẽ tiểu sử và cuộc đời làm quan của con người này cũng không có

gì phức tạp: hai lần đi thi đỗ tú tài, hai lần đi sứ Trung Quốc và một lần đi hiệu lực. Vài lần làm quan, rồi bị cắt chức rồi lại làm quan...chỉ vậy thôi cũng đủ thấy sự long đong của cuộc đời ông. Song để cắt nghĩa, tại sao một người có tài văn như Phan Huy Chú mà con đường hoạn lộ lại gặp ghềnh trắc trở, đi thi đỗ không cao, khi làm quan thì lúc thăng lúc giáng, nhưng con đường trước thuật lại làm rạng danh tên tuổi của ông đến muôn đời sau. Có nhiều điều cần bàn nhưng một thực tế rằng: những nhà nho mà nhất là những người thuộc dòng tộc lớn thì cái *chí* của họ càng lớn, họ luôn ôm ấp trong mình những cao vọng, muốn được *trí quân trạch dân* hết lòng thờ vua chúa, vồ về chúng dân, luôn trong tư thế sẵn sàng lao vào cuộc để được *thể hiện mình* nhưng có phải ai cũng có đủ *tài năng* và *gặp thời* để thực hiện được ước vọng đó đâu. Con đường thi cử không phải là phương thức xác định một cách chuẩn xác và đầy đủ nhất tài năng thực thụ của họ, ở đây chúng ta không kể đến những trường hợp mua quan bán tước. Trong *Kiến văn tiểu lục* Lê Quý Đôn có viết: “Đặt ra khoa cử tuy có thi từ phú sách luận dùng lời nói suông ứng đối lại thực ra ..., và lại căn cứ vào văn chương mấy bài thi nơi trường ốc làm gì có thể xét hết nhân tài” [22, tr.93]. Phan Huy Chú là một trong những trường hợp như vậy. Con đường làm quan của ông không phải qua thi cử đỗ đạt mà là qua con đường học thuật. Tài năng của con người không phải là vô hạn, thực tế lịch sử đã minh chứng có người tài văn, có người tài võ, có người tài ở mưu trí... nên sự thiếu hụt một trong những năng lực trên của một nhà nho chân chính là đương nhiên. Được bồi đắp bởi những mối quan hệ, tư tưởng trong những gia tộc *tâm cỡ* Phan Huy Chú cũng muốn phát huy truyền thống gia đình tiếp bước cha anh làm rạng danh không chỉ cho dòng họ Phan mà cả dòng họ ngoại Ngô Thì nữa. Nhưng ông chỉ có thể làm được những gì trong khả năng của mình, do đó cũng không có gì khó hiểu khi ông hay mắc phải những sai lầm và bị trách phạt.

Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX là giai đoạn đầy biến động của lịch sử dân tộc, thời kỳ chứng kiến tình trạng khủng hoảng và sụp đổ của chế độ phong kiến Lê - Trịnh - Nguyễn, sự bùng phát của chiến tranh nông dân đưa đến đỉnh cao chưa từng thấy của phong trào Tây Sơn và công cuộc phục hồi chế độ phong kiến chuyên chế của nhà Nguyễn. Một thời kỳ có thể nói là có những đổi thay lớn không chỉ về mặt chính trị mà cả về văn hoá tư tưởng. Chính sự biến đổi này đã ảnh hưởng sâu sắc đến tầng lớp trí thức đương thời, Phan Huy là một trong những gia tộc lớn có truyền thống khoa bảng nên sự ảnh hưởng của xã hội cũng không loại biệt. Như chúng ta đã biết, ông nội của Phan Huy Chú sau khi làm quan cho Lê Chiêu Thống đã cáo quan về quê thì cha là Phan Huy Ích và chú là Phan Huy Sảng lại theo Tây Sơn và phục vụ cho chính quyền Tây Sơn. Trong khi đó 2 chú là Phan Huy Thự và Phan Huy Tân vẫn giữ thái độ phò Lê chống Tây Sơn. Ngay trong một gia đình trí thức nhưng cũng đã có những tư tưởng khác nhau, những xu hướng khác nhau. Có thể coi đó là một trong những hệ quả lịch sử của “lưỡng đầu chế” thời Lê - Trịnh kéo dài trong hai thế kỷ XVI - XVIII [76]. Một nhà nho *hành xử* không hoàn toàn trung thành với một học thuyết của *nho gia*, nên cũng dễ hiểu khi mà Nho giáo đã thâm nhập vào Việt Nam hàng nghìn năm nay song bên cạnh đó các học thuyết khác như *Lão Trang* vẫn tồn tại, tiềm ẩn trong mỗi cá nhân, khi gặp điều kiện thuận lợi sẽ tự thân bùng phát. Phan Huy Ích là một trong những người *chân nho* ông từng theo và phục vụ cho nhà Lê trong khoảng 15 năm nhưng trước bước ngoặt của lịch sử cùng với sự đổi thay của triều đại mới ông cũng không mấy do dự gì khi có cơ hội thể hiện tài năng của mình, được phục vụ dưới trướng của một vị vua anh minh và trọng dụng mình (điều này chúng tôi sẽ trình bày kỹ ở phần sau). Phan Huy Chú lớn lên trong bối cảnh không mấy thuận lợi đó là lúc triều Tây Sơn suy sụp, triều Nguyễn lên thay và đang có những chính sách trả thù chính quyền cũ cùng những người từng tham gia ủng hộ chính quyền ấy. (Cha của Phan Huy Chú và người bạn thân thiết Ngô Thì Nhậm là những triều thần quan trọng của Tây Sơn nên

không tránh khỏi bị tội) Mặt khác để củng cố ngôi vị, triều Nguyễn cũng không vì thế mà không dùng những người có khả năng, phục vụ lợi ích cho chính quyền non trẻ của mình, bất kể người đó có *quá khứ* như thế nào. Thực tế lịch sử đã chứng minh có những vị vua, chúa đã không ngần ngại sử dụng những người được coi là *trái tuyến* làm cận thần, đặc biệt là trong cuộc nội chiến giữa Lê - Mạc, không ít những người mới đó còn là bề tôi trung thành nhưng trong chốc lát đã trở thành kẻ phản nghịch. Tuy nhiên ít ai khẳng định được những con người đó là trung hay bất trung. Từ thực tế lịch sử cho thấy, cơ hội cho Phan Huy Chú không phải là không có, nhưng khả năng được dùng có hạn nên phần nào cũng lý giải được cuộc đời ông.

Trong khoảng mười năm làm quan dưới triều Nguyễn - triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam, con đường công danh của Phan Huy Chú chẳng có gì vẻ vang mà đúng hơn chỉ đem lại cho ông một sự ngậm ngùi chua xót: “ Sự việc mười năm chẳng nói ra”, gập ghềnh, trắc trở, nặng nợ công danh *Dưới công danh đeo khổ nhục*, đành lòng là thế, khó mà trách ai chỉ ngẫm cho mình mà thôi. Tuy con đường quan trường không có gì nổi bật nhưng chính con đường học thuật lại làm cho tên tuổi của ông sống mãi với dân tộc.

1.1.2 Gia đình và dòng họ

Gia đình và dòng họ là yếu tố trực tiếp ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống cũng như tài năng của Phan Huy Chú. Ở góc độ di truyền học thì đó là sự kết tinh những tinh túy của hai dòng máu tạo nên một tài năng hiếm có.

Dòng họ Phan theo *Phan gia công phả* có nguồn gốc từ Gia Thiện Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau phân nhánh chuyển ra Thụy Khê Sài Sơn mà sự di chuyển này có mối liên hệ với hai người cô ruột của Phan Huy Cận (ông nội Phan Huy Chú): hai bà là Phan Thị Nấm và Phan Thị Lĩnh là cung tần của các chúa Trịnh. Bà Nấm từng xuất tiền ra sửa chữa chùa Hoa Phát ở xã Sài Khê (Sài Sơn) còn bà Lĩnh được Khang Vương (Trịnh Căn)

rất sùng ái và từng theo xe tháp tùng Trịnh Căn đi tuần du phía Tây, có xem phong cảnh Sài Sơn và góp tiền xây dựng chùa ở đây. Sau khi Trịnh Căn mất bà về Thụy Khê sinh sống. Có lẽ vì mối nhân duyên gia đình đó mà sau này Phan Huy Cận có mặt và lập nghiệp ở vùng đất này, tạo thành một chi nhánh riêng của dòng họ Phan Huy.

Cũng theo *Phan gia công phả* thì những thế hệ trước của Phan Huy Chú có rất nhiều người đã theo nghiệp binh và có những công hiến lớn cho đất nước, được phong tước hầu tước bá. Đến đời thứ 8 mới bắt đầu cho một truyền thống khoa bảng. Người đầu tiên đỗ tiến sĩ (1754) chính là Phan Huy Cận (ông nội của Phan Huy Chú), làm quan dưới triều Lê, có nhiều đóng góp cho đất nước. Tiếp theo là các con Phan Huy Ích và Phan Huy Ôn cũng thi đỗ tiến sĩ. Phan Huy Ích đỗ tiến sĩ năm 1775, làm quan thời Lê. Đến năm 1787 khi tướng Tây Sơn là Vũ Văn Nhậm đem quân ra Bắc Hà giết Nguyễn Hữu Chỉnh, đuổi vua Lê Chiêu Thống. Đó cũng là lúc Phan Huy Ích chấm dứt giai đoạn làm quan dưới triều Lê – Trịnh. Sau khi nhà Lê mất, đứng trước thế cục mới với những đổi thay của xã hội, tư tưởng của ông cũng biến chuyển, tâm trạng có nhiều điều đả đo suy nghĩ nhưng rồi khát vọng được cống hiến tài năng và thể hiện tài năng của nhà nho là không thể chối bỏ, *danh phận* đã nhanh chóng kéo ông về với Tây Sơn. Suy cho cùng chỉ khi phục vụ dưới triều Tây Sơn tài năng của Phan Huy Ích mới được thể hiện đầy đủ. Trên thực tế khi làm quan dưới triều Lê ông cũng không có gì nổi trội. Lúc nhận được chức quan nhỏ ở xứ Sơn Nam (năm 1773) ông đã rất vui mừng làm một bài thơ thể hiện chí tiến thủ của mình, có câu:

Ngưu đao thả thí tầm thường sự

Bằng dực tu khan phấn chấn thì

(Dao mổ trâu hãy thử làm việc tầm thường đã

Cánh chim bằng đợi lúc bay bổng lên cao)

Đó cũng chính là khát vọng, hoài bão của mỗi một nhà nho trong con đường quan trường của mình. Trên thực tế, chỉ sang phục vụ dưới triều Tây

Son con đường công danh của ông mới thực sự mở rộng. Phan Huy Ích được trọng dụng, được giao nhiều trọng trách và cũng đã có những đóng góp không nhỏ cho triều đại này. Khi vua Quang Trung mất, Quang Toản lên ngôi lấy niên hiệu là Cảnh Thịnh nhưng mọi việc đều do thái sư Bùi Đắc Tuyên thao túng và điều khiển. Biết là thế, Phan Huy Ích vẫn tham gia triều chính làm các công việc về chính trị, biên soạn thư tịch có tính chất hành chính như sắc luật, biểu, chiếu, thư ... Cho đến tháng 6 năm 1801 khi tập đoàn Nguyễn Ánh được sự giúp sức của tư bản phương Tây đã ngày một lần tới và đánh chiếm kinh đô Phú Xuân, triều Tây Sơn hoàn toàn thất bại, chính quyền Nguyễn Ánh được thiết lập, Nguyễn Ánh lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long (1802), thi hành nhiều chính sách trong đó có chính sách trả thù. Phan Huy Ích là một trong những trọng thần triều Tây Sơn nên cũng không tránh khỏi bị tội. Cảm nhận được thời thế thay đổi, với sự mách bảo của một nhà nho ông liền lui về sống một cuộc đời *an phận* thanh nhàn ở quê hương (làng Thụy Khê) ngày ngày viết sách, làm thơ. Lúc này Phan Huy Chú ở cái tuổi đôi mươi, đây là thời gian ông được ở gần bên “đứa con yêu” sau nhiều năm xa cách mà chỉ có thể chăm sóc và dạy dỗ bằng những dòng thư. Phan Huy Ích đã dùng những kinh nghiệm từng trải trên quan trường, cùng những kiến thức mà ông thu nhận được từ sách vở, từ những tư tưởng mới trong thực tế xã hội để *giáo dưỡng* cho con trong thời gian gần gũi này. Nhằm giúp cho Phan Huy Chú có thêm những nguồn *năng lượng mới* để ông bước vào con đường trước thuật. Phan Huy Ích không chỉ là một danh thần có đóng góp vào việc nội trị và ngoại giao thời Tây Sơn mà ông còn là một nhà thơ. Sự nghiệp sáng tác thơ văn của ông đặc biệt là thơ bang giao - những vần thơ ghi lại cảnh tượng, sự việc mắt thấy tai nghe trên đường đi sứ (cách ghi chép này có ảnh hưởng đến Phan Huy Chú sau này) đã tạo cho dòng họ Phan Huy một lối thơ riêng. Ông mất vào ngày 12 tháng 3 năm 1822 nhưng đã để lại cho đời nhiều đóng góp không chỉ về mặt thơ văn, chính trị mà đặc biệt là đã góp phần tạo nên một tài năng trong lĩnh vực học thuật của nền văn hóa nước nhà đó là Phan Huy Chú.

Bên cạnh người cha giàu có chí hướng, trong phả hệ họ Phan không ít người nổi danh, dù Phan Huy Chú có được gần gũi hay không thì ít nhiều những tư tưởng của họ cũng ảnh hưởng tới ông. Người chú là Phan Huy Ôn đỗ tiến sĩ (1779), làm đốc đồng Tây Sơn, Thái Nguyên, Thị chế Hàn Lâm viện. Năm ông mất cũng là năm Quang Trung kéo quân ra Thăng Long diệt họ Trịnh củng cố lại ngôi vua cho họ Lê. Ông được coi là nhà sử học kiêm toán học của thế kỷ thứ 18. Ngoài ra chúng ta còn thấy một số tên tuổi như Phan Huy Sảng, Phan Huy Thự ...đều theo con đường khoa cử, có người thì ra làm quan có người thì dạy học, làm thơ văn... đa số những người ra làm quan, họ đều trở thành những sứ thần mang trọng trách với dân tộc và dòng họ.

Không chỉ được thừa hưởng những tinh túy của dòng họ Phan Huy bên nội mà Phan Huy Chú còn được thừa hưởng những yếu tố của dòng họ tiếng tăm Ngô Thì bên ngoại. Gia đình bên ngoại cũng là một trong những gia đình dòng dõi, nổi danh, nhiều người làm quan và đỗ đạt. Mẹ ông là bà Ngô Thị Thục, con gái của Ngô Thì Sĩ, em gái Ngô Thì Nhậm, chị gái Ngô Thì Vị. Sự kết nối của hai dòng họ lớn đã có ảnh hưởng đến Phan Huy Chú, nhưng có lẽ người mà ông chịu ảnh hưởng nhiều là Ngô Thì Nhậm. Năm 1798 khi vua Quang Trung mất, Quang Toản lên thay ông về thiên viện ở Bích Câu lúc này Phan Huy Chú đã 16 tuổi, và hay lui tới nơi ở của bác, hai người thường xuyên gặp gỡ, trò chuyện và trao đổi những vấn đề mà họ quan tâm. Dễ hiểu rằng, chẳng có lý gì mà Ngô Thì Nhậm không dạy dỗ kèm cặp cháu mình, khi biết Phan Huy Chú là người có *chí hướng*.

Như vậy có thể thấy, Phan Huy Chú sinh ra trong một môi trường có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tài năng nghệ thuật của ông. Bên cạnh đó là nguồn lực tự thân cũng góp phần tạo nên tài năng này, với bản chất là một người ham đọc, ham tìm hiểu, dễ bắt nhịp với những cái mới, nên kho sách quý giá của gia đình cùng những quan điểm mới mẽ tiến bộ về dân nước, về kinh tế chính trị của Ngô Thì Nhậm đã được Phan Huy Chú lĩnh hội. Thêm nữa là những xu hướng và những trào lưu mới của xã hội đã ảnh hưởng rất

lớn tới tư tưởng cũng như tư duy của ông. Sự lĩnh hội một cách trọn vẹn ấy được ông thể hiện ngay trong chính tác phẩm trước tác của mình.

Trong khuôn khổ gia tộc, Phan Huy Chú thực sự đã được thừa hưởng tất cả những gì tốt đẹp nhất của gia đình và dòng họ. Có lẽ ít có người nào lại có được thuận lợi như ông khi mà các thành viên gia đình có đến chín lần đỗ đầu các kì thi. Bài thơ *Thứ nam Thực sinh hỉ phú* (tức là bài phú mừng sinh con trai thứ là Thực) trong *Dụ Am ngâm lục* Phan Huy Ích có viết rằng:

Văn phái dư lan cụ cứu nguyên

(Dòng văn để lại đủ cả cứu nguyên)

Với lời chú như sau “*phụ thân tôi thi hương, thi hội hai lần đỗ đầu (lưỡng nguyên) Bó vợ tôi (Ngô Thì Sĩ) thi hội, thi đình hai lần đỗ đầu (lưỡng nguyên) Tôi thi hương, thi hội, thi ứng chế ba lần đều đỗ đầu (tam nguyên). Bác Hy Doãn (Ngô Thì Nhậm) và chú Nhã Hiên (Phan Huy Ôn) đều đỗ đầu thi hương. Tất cả cộng lại được chín lần đỗ đầu, gọi là cứu nguyên*”. Đó là niềm tự hào không chỉ của Phan Huy Ích mà còn là niềm tự hào của người con trai yêu quý Phan Huy Chú về dòng họ của mình. Ông có chép trong lời tựa *Lịch triều hiến chương loại chí* rằng: “*Tôi may nhờ được sách vở của các đời để lại và sự dạy dỗ của gia đình nên về điển chương gọi là có biết qua đầu mối*”.

Có thể nói xuất thân của Phan Huy Chú là một trong những điều kiện thuận lợi để ông thực hiện được ước mơ cũng như trách nhiệm của mình trước dòng tộc. Bởi cả hai dòng họ lớn đều có đóng góp không nhỏ cho chính quyền đương thời và văn hóa nước nhà. Chúng ta có thể ngầm hiểu với nhau rằng sự kết tinh của hai dòng họ đã góp phần làm nên một nhà văn hóa nổi danh của thế kỷ thứ XIX - Phan Huy Chú.

1.2 Ảnh hưởng của xu hướng biến đổi quan niệm “*văn sử triết bất phân*” trong giai đoạn cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX tới quá trình biên soạn khảo cứu của Phan Huy Chú.

Có thể nói cuối thế kỷ thứ XVIII đầu thế kỷ XIX xu hướng *văn sử*

triết bất phân vẫn còn tồn tại nhưng cùng với sự phát triển của những xu thế xã hội mới, các bậc thức giả đã đưa khối *văn sử triết* vào một giai đoạn mới. Như đã biết, hiện tượng *văn - sử - triết bất phân* là một trong những đặc trưng của văn học trung đại. Đó là sản phẩm của một trình độ tư duy mà trong đó hai hình thái tư duy lý luận và tư duy hình tượng còn đan xen với nhau chưa tách rời nhau như hiện nay. Một điều chúng ta không thể phủ nhận là trong suốt một giai đoạn phát triển của lịch sử 10 thế kỷ (tức là từ 10 đến đầu thế kỷ 20), các lĩnh vực như *văn sử triết* luôn là bất phân, nó là sự đan xen hoà lẫn vào nhau, trong văn có sử và triết trong sử có triết và văn... Là một nhà thơ, nhà văn có thể cũng là nhà chính trị, nhà sử học... Nói chung, bậc trí thức trong xã hội bấy giờ thường kiêm rộng hơn phạm vi cụ thể nghề nghiệp nào đó như một nhà nho có thể *thao tác nghề nghiệp* trong cả các lĩnh vực y, lý, số... Do vậy mà chính trong mỗi tác giả cũng đã có sự kết hợp, đan xen về mặt tư duy. Tuy nhiên không phải thời kỳ nào sự đan xen ấy cũng tồn tại một cách khăng khít, mà ở từng giai đoạn cụ thể bản thân khối hỗn hợp này có sự dịch chuyển, phân tách.

Trước những thay đổi của xã hội, thì trong tư duy của chính những tác giả này đã có sự đổi mới. Về mặt triết học, trước đây văn học thường là nơi để thể hiện những tư tưởng triết học, nhưng thời kì này văn học không còn là nơi phù hợp để các nhà triết học thể hiện quan điểm của mình nữa, văn chương thơ phú với niêm luật quy định chặt chẽ đã làm hạn chế ý tưởng triết học. Do vậy, nó đã dần tách ra khỏi văn học tìm đến với phương thức thể hiện trực tiếp hơn. Nói như vậy không phải là không khẳng định sự tồn tại của yếu tố triết học ở thơ văn, mà ngược lại nó vẫn còn tồn tại, tuy nhiên lúc này đã có sự khác trước.

Trong lĩnh vực sử học cũng có những bước chuyển biến mới. Như đã biết, từ rất sớm các tác phẩm sử đã được biên chép thể hiện tư duy của các nhà sử học, nhưng dường như trong các bộ sử ấy vẫn có sự chứa đựng phương thức tư duy nguyên hợp giữa *Văn sử triết bất phân* như thơ vịnh sử,

bình sử và các tác phẩm sử biên niên hay kỹ truyện như *Đại Việt sử ký*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.... Cùng với thời gian, các nhà biên soạn lịch sử đã nhận ra rằng sự thật là yếu tố vô cùng quan trọng, khen chê cần có chứng cứ, thật giả cần phân minh. Một số tác phẩm đã được viết theo dạng thức này như *Việt sử tiêu án* của Ngô Thì Sĩ, *Việt sử bị lãm* của Nguyễn Nghiễm, hay *Đại Việt thông sử*, *Kiến văn tiểu lục*, *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn. Trong *Đại Việt thông sử* Lê Quý Đôn có nói đến phép làm sử: “*Mỗi khi cầm bút muốn viết, lại nghĩ đến thận trọng mà thường phải rút rè, đâu dám nghĩ làm cho chóng xong để theo kịp họ Ban, họ Mã. Tạm xin chép đúng năm tháng, nhật nhật những việc mát mát bổ sung vào sử trước chưa đủ, ghi lại việc cũ cho đời sau, may ra văn hiến có đủ chúng có thể kê cứu việc cũ, có thể để lại gương sau...*”[24, tr.21] Như vậy, trong giai đoạn này thì tư tưởng của các nhà soạn sử đã được nâng lên một bước mới, phương pháp chép sử bằng sự phong phú của các sử liệu thực đã được áp dụng. Hẳn cũng còn khó mà đòi hỏi một sự hoàn toàn tách biệt như yêu cầu tư duy của chúng ta ngày nay. Nhưng một mặt nào đó nó đã khẳng định vị trí, vai trò riêng biệt của mình trong mối quan hệ với các môn loại khác. Những quan niệm, tư tưởng mới về chép sử của bậc tiền bối đã được Phan Huy Chú kế thừa và vận dụng một cách sáng tạo.

Sự phát triển theo những hướng đi mới của triết và sử học, dẫn đến văn học cũng phải tìm đường trở lại với chính mình, sao cho văn chương không còn thâm tóm quá rộng các lĩnh vực mà trong quan niệm hiện đại các lĩnh vực ấy không thuộc về nó. Tuy chưa thực sự rạch ròi, nhưng chắc chắn có thể nhận thấy trong tư tưởng của nhiều nhà văn nhà thơ đã hướng tới sự phân biệt giữa văn chương với các môn loại khác. Đến Phan Huy Chú thì sự nhận thức trong việc tách biệt này rõ nét hơn, ông đã có những quan niệm riêng khi viết lời tựa cho tác phẩm *Quế Đường thi tập* của Lê Quý Đôn. [chúng tôi sẽ trình bày kỹ ở phần sau]

Văn học trung đại gồm hai loại hình chính đó là văn xuôi và văn vần nhưng yếu tố *văn sử bất phân* thể hiện rõ nét ở văn xuôi hơn. Bởi vì văn vần mang yếu tố trữ tình nên phần nào hạn chế được sự xâm lấn của sử và triết. Còn trong văn xuôi do yếu tố của thể loại nên dễ có sự đan xen của triết và sử hơn. Sự vận động, tách dần của khối *văn sử triết* không phải là “một sớm một chiều” mà nó có cả một quá trình kéo dài “âm ỉ” dưới sự tác động của nhiều yếu tố, đến một độ nào đó tự thân sẽ chuyển hóa và tách ra.

Riêng về bình diện văn học sử chúng ta có thể nhận thấy những bước vận động của văn được thể hiện tương đối rõ nét. Về đội ngũ sáng tác đã có sự thay đổi, nếu như những thế kỷ trước người sáng tác văn chương là những nhà nho, mà chủ yếu là thơ, phú lục... là ngẫu hứng, vịnh cảnh, tả tình. Đến giai đoạn này đối tượng tác giả ở phạm vi rộng hơn, họ thuộc nhiều tầng lớp khác nhau, hình thành một đội ngũ tác giả thuần túy là những người sáng tác văn chương, đó là các văn nhân, nữ sĩ chuyên về sáng tác văn học như Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du...

Từ sự phát triển mạnh mẽ của văn học, một số thể loại mới cũng ra đời nhằm thể hiện nội dung tư tưởng của các tác phẩm đặc biệt là các tác phẩm viết bằng chữ Nôm. Bên cạnh văn tự chữ Hán, chữ Nôm ra đời và được coi là ngôn ngữ riêng của dân tộc. Trong nhiều thế kỉ, chữ Nôm luôn tồn tại cùng chữ Hán, nhưng từng thời kì sự hưng thịnh của nó có khác nhau. Ngay ở thế kỷ XV Nguyễn Trãi đã có tới 254 bài thơ là Quốc âm, sang thế kỷ XVI - XVII chữ Nôm không chỉ sử dụng trong văn học mà còn được sử dụng ở nhiều lĩnh vực khác. Cùng với sự ra đời của một số thể loại dân tộc như song thất và lục bát thì văn học chữ Nôm đã có những thành tựu đáng lưu ý, là cơ sở cho sự phát triển mạnh mẽ của văn học chữ Nôm những thế kỉ XVIII - XIX. Trên cơ sở những thể loại có sẵn từ trước, các tác giả *chuyên sáng tác văn học* ngày càng đông thì một số thể loại mới “thuần túy văn học” đã được xác lập như *Ngâm khúc*, *Truyện Nôm* hay *Hát nói* (kết hợp giữa văn và nghệ) tạo nên sự phong phú cho văn học giai đoạn này.

Một điều nữa chúng ta cũng phải nhận định rằng thời kỳ này tư duy hình tượng trở thành phong cách tư duy chủ đạo trong các tác phẩm của những tác giả này. Cùng với xu hướng biến đổi *văn sử triết bất phân*, cùng với sự hình thành một loạt những cái mới đã đưa văn học dần tìm về đúng nghĩa của mình. Văn chương là nơi thể hiện tình cảm, cảm xúc cũng như nỗi lòng của nhà văn, nhà thơ trước hiện thực cuộc sống, văn chương cũng không phải là nơi chỉ để *trở đạo* hay để *giáo hóa* mà còn là nơi để thể hiện cảm xúc, tiếng lòng của tác giả. Vì vậy mà tư duy lý tính phần nào lùi lại sau, nhường chỗ cho tư duy hình tượng trở thành vị trí chủ đạo trong văn học. Đây cũng là điều tất yếu của sự phát triển theo quy luật của nó. Lấy ví dụ : Tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái về cơ bản vẫn nằm trong khối văn - sử bất phân vì nó có yếu tố của văn học lại vừa có những yếu tố sử học. “*Với sự kết hợp tài tình giữa tính chân thực của biên niên sử và nghệ thuật tiểu thuyết sinh động, các tác giả của Hoàng Lê nhất thống chí đã đem đến cho chúng ta một tác phẩm văn học có chiều sâu của sự phản ánh hiện thực mang tầm vóc của những trang sử thi... Bản thân tác phẩm đã làm thay đổi một quan niệm trong truyền thống của một nền văn học vốn coi trọng văn vẫn coi nhẹ văn xuôi như văn học Việt Nam.* [11] Bằng phương pháp sáng tác văn học, các tác giả của *Hoàng Lê nhất thống chí* đã tái hiện lịch sử theo lăng kính chủ quan của mình, tạo nên sự khác biệt với các sử gia khi viết sử. Tác phẩm là một cột mốc quan trọng đánh dấu sự phân biệt giữa tư duy sử học và tư duy văn học.

Truyện Kiều là đỉnh cao của văn học giai đoạn này, tác phẩm thuộc về thể loại truyện thơ với 3254 câu thơ Nguyễn Du đã miêu tả được đầy đủ nhất toàn vẹn nhất số phận của nhân vật chính Thúy Kiều trong suốt 15 năm lưu lạc nơi xứ người với bao nhiêu khổ ải, đọa đày. Bằng bút pháp miêu tả cảnh sắc thiên nhiên cũng như miêu tả tâm lý nhân vật, cùng ngôn từ có thần, Nguyễn Du đã làm nên một kiệt tác văn học của thế kỷ thứ 19. Mặc dù trong *Truyện Kiều* không thiếu những câu thơ mang tính triết lý, nhưng đó chỉ là cái

lý cho tác giả thể hiện một cách trọn vẹn hơn tư tưởng của mình. Ngoài ra, còn rất nhiều những tác phẩm văn học khác cũng gặt hái được nhiều thành công như *Chinh Phụ ngâm*, *Cung oán ngâm khúc* và đặc biệt là các truyện thơ Nôm nổi tiếng như *Hoa tiên*, *Sơ kính tân trang*... Tất cả chúng đã góp phần tạo nên một diện mạo văn học mới trong giai đoạn này. Qua đó cho thấy, quá trình tách biệt dần các lĩnh vực *văn sử triết* theo những đường hướng riêng biệt. Tuy nhiên sự tách biệt này là có quá một quá trình dần dần chứ không phải ngay lập tức. Trên thực tế giữa các lĩnh vực vẫn còn sự xen kẽ lẫn nhau, mãi cho đến đầu thế kỷ XX thì mới hình thành một đường ranh giới rõ nét nhất. Như vậy sự phát triển của trào lưu văn học mới đã có những tác động tới quá trình làm trước thuật của Phan Huy Chú.

Nói tóm lại trước sự tác động mạnh mẽ của đời sống văn hóa xã hội đương thời, Phan Huy Chú đã chịu ảnh hưởng sâu sắc những tư tưởng mới không chỉ về mặt chính trị mà cả về văn hóa, cùng sự tác động không nhỏ của gia đình đã giúp ông ngày một trưởng thành và gặt hái được thành công. Với tác phẩm *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú thực sự đã trở thành một nhà bác học nổi tiếng trong nước và còn được nhiều nhà nghiên cứu nước ngoài biết đến. Phải chăng đó là sự bù đắp cho sự kém may mắn trên con đường quan lộ của mình?

1.3 *Lịch triều hiến chương loại chí* bộ bách khoa toàn thư của dân tộc

1.3.1 *Vài nét về thể loại chí*

Lịch triều hiến chương loại chí là một tác phẩm có dung lượng lớn và được viết theo thể loại *chí*. *Chí* thường có mấy nghĩa như ghi chép (ký), văn ghi việc (ký sự chi văn dư). *Chí* có nguồn gốc từ thể tài chính sử Trung Quốc, gồm có hai loại cơ bản là biên niên và ký truyện. Thể biên niên xuất hiện tương đối sớm vào thời Xuân Thu (770 – 403TCN) bắt đầu bằng cuốn *Lỗ Xuân Thu* của Khổng Tử những bộ sách được viết theo thể này như *Xuân*

Thu, Tả truyện, Hán ký, Hậu Hán ký, Tư trị thông giám... Đặc điểm của thể loại này là căn cứ vào ngày tháng năm để ghi chép các sự kiện lịch sử theo thứ tự thời gian nên tiện cho việc khảo xét thời gian cụ thể của các sự kiện lịch sử cũng như việc giải thích các mối quan hệ của sự kiện ấy. Nhưng nhược điểm của nó là ghi chép lộn xộn, không có khả năng mô tả bao quát toàn bộ quá trình của một sự kiện lịch sử (kinh tế, văn hoá...) mà chủ yếu thiên về các sự kiện chính trị. Còn thể *ký truyện* thì xuất hiện muộn hơn, bắt đầu từ Tư Mã Thiên (Tây Hán 202TCN – 8 SCN) với bộ sử ký nổi tiếng: *Sử ký Tư Mã Thiên* được tổ thành năm thể *bản ký, biểu, thư, thế gia, liệt truyện*. Do đặc trưng của thể loại , khi ghi chép phải phân tán trong các thiên nên khả năng miêu tả hoàn chỉnh cả quá trình của một sự kiện bị hạn chế, nhưng ưu điểm lớn nhất là ghi chép thực tại đa dạng đời sống chính trị kinh tế văn hóa xã hội, với nội dung phong phú, bao quát được đầy đủ các mặt. Sau này Ban Cố (năm 32- 92) viết *Hán Thư* đã kế thừa sử ký, nhưng có sáng tạo đổi *bản ký* làm *ký*, đổi *thư* làm *chí*. Đồng thời trên cơ sở *bát thư* của *Sử ký*, Ban Cố tăng bổ *Hình pháp chí, Thực hoá chí, Địa lý chí, Văn nghệ chí...* Từ đó về sau đa số những nhà chép sử đã xem *chí* như một thể loại để ghi chép diện mạo của đời sống xã hội. Có thể nói *chí* có tính chất tổng hợp và khái quát cao, đây cũng là một trong những ưu điểm của nó.

Lưu Tri Cơ nhà sử học lớn đời Đường đã khái quát về đặc điểm của chí rằng: “ Chí tổng quát tất cả những điều rời rớt lại, tới thiên văn địa lý, điển chương của các quốc gia triều chính, người hiền đạt kẻ ẩn dật, hết thảy đều thu tóm không thể mất, đó là lẽ sở trường của chí vậy” [40, tr.72]. Ở Việt Nam từ rất sớm đã có những tác giả dùng thể loại *chí* để biên soạn như *An Nam chí lược* của Lê Tắc, thời Trần và thời Lê Sơ cũng có nhiều tác phẩm *chí*, tiêu biểu nhất là *Dư địa chí* (1435) của Nguyễn Trãi. Sau này có *Hải Dương chí lược* của Ngô Thì Sĩ, nhà soạn sử lớn của Việt Nam như Lê Quý Đôn cũng đã dựa vào cách chép sử của họ Ban, họ Mã để chép về các loại *chí*. Ngoài ra còn có những tác phẩm như *Nhất*

thống dư địa chí của Lê Quang Định , *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức....

Tóm lại *chí* là một thể loại thuộc thể tài Trung Quốc được các nhà soạn sử Việt Nam sử dụng nhờ những ưu điểm của nó, đó là tính khái quát cao, chứa được nội dung xã hội rộng lớn, nhiều mặt, do đó đã được không ít các nhà biên soạn khảo cứu, sử dụng thể loại này trong công việc soạn thuật ghi chép sử của mình. Phan Huy Chú cũng như những nhà biên chép soạn thuật trước đó đã thấy được những ưu điểm của thể loại này trong việc biên soạn, trước thuật của mình, nên ông đã coi nó là một *phương thức để chuyên chở* tất cả những nội dung rộng lớn của xã hội nhằm làm phong phú thêm vốn văn hoá lịch sử của dân tộc.

1.3.2 Tác phẩm “*Lịch triều hiến chương loại chí*”

Lịch triều hiến chương loại chí là bộ sách sử Việt Nam, đây là công trình nghiên cứu xuất sắc của nhà sử học Phan Huy Chú. Nó được coi là bộ bách khoa toàn thư của dân tộc, tính bách khoa ấy không chỉ được thể hiện qua thể loại mà còn được thể thể hiện qua kết cấu và nội dung của tác phẩm.

Trước Phan Huy Chú đã có rất nhiều người biên chép sách sử như *Đại Việt sử ký* (1272) của Lê Văn Hưu soạn vào thời Trần gồm 30 quyển chép sử từ đời Triệu Vũ đế đến Lý Chiêu Hoàng. Năm 1445 Phan Phu Tiên viết *Đại Việt sử ký tục biên* gồm 10 quyển chép tiếp vào bộ *Đại Việt sử ký* kể tiếp từ đời Trần Thái Tông đến đời Lê Sơ - Lê Thái Tổ. Năm 1479 Ngô Sĩ Liên dựa vào các tác phẩm trên viết *Đại Việt sử ký toàn thư* , nội dung bao gồm: Ngoại kỷ gồm 5 quyển từ họ Hồng Bàng đến 12 sứ quân, *Bản kỷ* gồm 19 quyển từ triều Đinh đến 1675, trong *Bản kỷ* gồm có *Bản kỷ toàn thư*, *Bản kỷ thực lục*, *Bản kỷ tục biên*. Những tác phẩm sử trên (kể cả một số tác phẩm sử triều Nguyễn) đều dựa vào phương thức làm sử biên niên của các sử gia Trung Quốc nên nội dung cũng bị hạn chế ở một số mặt cụ thể chứ không bao quát được nhiều vấn đề xã hội. Đến Lê Quý Đôn khi viết *Đại Việt thông sử* thì ông

đã thấy được ưu điểm của thể *kỷ truyện* nên dùng thể tài này để viết. *Đại Việt thông sử* gồm 30 quyển được phân chia thành các mục như: *Bản kỷ* từ Lê Lợi khởi nghĩa (1418) đến năm Thuận thiên thứ sáu (1433); *Nghệ văn chí*; *Liệt truyện* : Hậu Phi, hoàng tử, công thần, gian nghịch; Họ Mạc (1776 - 1677). Sau Lê Quý Đôn khoảng nửa thế kỷ Phan Huy Chú đã dựa vào thể tài *kỷ truyện* của Trung Quốc và tiếp nối cách làm sử của Lê Quý Đôn để làm ra *Lịch triều hiến chương loại chí*. Điều khác biệt của Phan Huy Chú đó là ông không chép các phần *bản kỷ* , *liệt truyện* như trong *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn mà chỉ dùng mình phần *thư* hay là *chí* của thể *kỷ truyện* để ghi chép một cách bao quát nhất lịch sử đất nước về mọi mặt của đời sống chính trị văn hóa xã hội của Việt Nam từ thượng cổ đến triều Lê, được phân thành mười *chí*. Đó là một trong những điểm mới của Phan Huy Chú so với các sử gia khác.

Trong lịch sử Việt Nam, không phải là không có những tác giả viết theo khuynh hướng bách khoa. Lê Quý Đôn đã có những tác phẩm mang khuynh hướng đó như *Kiến văn tiểu lục*, *Vân đài loại ngữ* tuy nhiên phải đến Phan Huy Chú với tác phẩm *Lịch triều hiến chương loại chí* thì mới trở thành bộ bách khoa toàn thư của dân tộc. Chúng ta làm một vài so sánh với tác phẩm *Kiến văn tiểu lục* nhằm làm rõ hơn điều này. Bộ sách gồm 12 quyển, chia làm 9 mục nhưng hiện chỉ còn 8 mục được phân bố như sau:

1. *Châm cảnh*: Ghi chép một số những câu triết ngôn và hành vi của một số nhân vật lịch sử Trung Quốc và Việt Nam nhằm khuyên răn giáo dục người đương thời. Sau mỗi đoạn văn lời nói tác giả có phê phán theo ý của mình.

2. *Thể lệ* gồm có 2 phần thể lệ thượng và thể lệ hạ nhưng phần hạ đã thất lạc, chủ yếu ghi chép các lễ văn, chế độ của các triều đại Lý, Trần, Lê sau thời Hồng Đức, sau thời có sự so sánh với thể lệ của Trung Quốc. Tác giả chia lịch sử Việt Nam thành các giai đoạn khác nhau, đồng thời so sánh sự khác nhau về chế độ của mỗi triều như Lý, Trần, Lê, sau thời trung hưng ... như thế nào. *Thể lệ* gồm có các mục như *Lễ nhạc*, *Khoa mục*, *Chức quan*, *Lương sứ*, *Dư phục* ...

3. *Thiên chương* chủ yếu nói về thơ văn, sách vở, xu hướng văn học, tư tưởng của thi nhân các đời Lý Trần và của các sứ thần Trung Quốc. Lê Quý Đôn dẫn ra tên 5 tác phẩm là tư liệu quý có thể bổ khuyết cho *Việt sử : Tục thuyết phu Thiên Nam hành kỷ* do Tử Minh Thiên nhà Minh biên soạn) xem tập sách này có thể biết được thời Trần; *Nam Ông mộng lục* của Lê Trùng (tức Hồ Nguyên Trùng con trai cả của Hồ Quý Ly) có thể biết được thời Trần và những việc đặc sắc, việc truyền ngôi cho con; *Bình Định Nam giao lục* (Khâu Tấn nhà Minh biên soạn), tác phẩm này cho biết nhà Hồ đã sơ hở, nhầm lẫn, mở đường cho giặc vào cướp nước, đồng thời cho thấy tài năng, khí phách của vua tôi Hậu Trần. *Sứ Giao Châu và thơ An Nam tức sự* (Trần Cương Trung nhà Nguyên) có thể biết được đại khái các mặt của nhà Trần như lễ nhạc, y quan, thuế khoá, hình luật, phong tục, quan ải...Ngoài ra tác giả còn đưa ra tên sách, trích dẫn và nhận xét sách vở thơ văn, đó là những tư liệu quan trọng cho đời sau khảo cứu.

4. *Tài phẩm* ghi lược chuyện các danh nhân Việt Nam ở các triều, trong đó có một số nhân vật ít thấy ghi chép trong sử sách như thời Hán, Đường một số người đã sang Trung Quốc làm quan như Lý Ông Trọng, Khương Công Phụ; thời nhà Minh có những bậc đỗ tiến sĩ như Lê Dung, Trần Nho, Nguyễn Cần...Đời Trần có các nhân vật như Chu An, Đặng Tảo; Đời Tiền Lê có Nguyễn Thiên Tích, Bùi Cầm Hổ, Lý Tử Cấu, Nguyễn Trục, Nguyễn Dữ, Nguyễn Trãi, Đào Công Soạn.... Thời trung Hưng có các danh nhân giỏi cả văn lẫn võ: Nguyễn Văn Giai, Nguyễn Danh ThếCuối đời Sùng Trinh nhà Minh, Trung Quốc loạn, một số nhân sĩ chạy sang trú ngụ nước ta lúc đó Phạm Công Trứ đã có công trị yên trong nước... Nhìn chung, trong mục tài phẩm tác giả có chép sơ lược thân thế cũng như tác phẩm của một số danh thần các đời.

5. *Phong vực* có ba thiên nhưng hiện chỉ còn thiên thượng, thiên trung và thiên hạ đã mất, chủ yếu nói về lịch sử một số phủ huyện, tổng xã, núi sông, đường xá, thuế khoá, sản vật, của ba trấn Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang

đời Lê, nhưng do tác giả chép theo thể ký, gắp đầu ghi đầy nên các dữ liệu không có thứ tự rõ ràng, mang tính chắp vá nhiều.

6. *Thiền dật* chủ yếu nói về sự tích và thơ của các nhà sư thuộc phái thiền tôn Việt Nam từ thời bắc, mở đầu nói chung về Phật giáo theo một số sách như *Pháp uyển châu lâm*, *Kim Cương kinh*, *Lăng Già kinh*, *Pháp tạng toái kinh lục* của Côn Quỳnh đời Tống, *Kim cương kinh* của Vương An Thạch chú giải. Tiếp theo tác giả liệt kê tên các vị sư có liên quan đến chính trị của các triều đại như Vô Ngại thượng nhân ở chùa Sơn tĩnh thuộc Cửu Chân, pháp sư Phụng Định, pháp sư Đặng Huyền Quang, thiền sư Hương Hải, ...

7. *Linh tích* nói về sự tích của các vị thần linh, các đền miếu thờ các thiên thần, nhân thần, và hai mươi sáu chuyện nhỏ.

8. *Tùng đàm* tác giả có đính chính một số câu đối, câu văn của người Trung Quốc, đồng thời cũng chép các giai thoại của Việt Nam.

Sơ lược nội dung của tác phẩm trên chúng ta có thể so sánh với *Lịch triều hiến chương loại chí* ở dưới để nhận thấy rõ hơn sự phong phú về nội dung cũng như tính khoa học trong tư duy sắp xếp thư tịch của Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí* được chia làm 10 chí phân phối trong 49 quyển:

Dư địa chí (quyển 1 – quyển 5) chép về sự thay đổi bờ cõi qua các đời và sự khác nhau về phong thổ qua các tỉnh.

Nhân vật chí (quyển 6- quyển 12) chép về tiểu chuyện các bậc vua chúa, các danh nhân, những người có công lao xây dựng các triều đại, những tướng lĩnh có danh, những trí thức có đức nghiệp các đời.

Quan chức chí (quyển 13- quyển 19) chép về danh hiệu chức trưởng, phẩm tước, bổng lộc và cách tuyển cử các quan lại ở các đời.

Lễ nghi chí (quyển 20- quyển 25) chép về các điển lễ thuộc triều nghi như chế độ áo mũ xe kiệu, của vua chúa, chế độ phẩm phục, võng kiệu của quan lại, lễ thờ cúng tang ma lễ sách phong tế cáo...

Khoa mục chí (quyển 26 – quyển 28) chép về các phép tắc và chương

trình các khoa thi đồng thời liệt kê những khoa thi tiến sĩ, số lượng người thi và tên người đỗ đầu.

Quốc dụng chí (quyển 29- quyển 32) chép các phép định điền, các ngạch thuế các tiền tiêu, các lệ trung thu, các khoản kinh phí...

Hình luật chí (quyển 33- quyển 38), chép về việc định luật lệ các đời, luật các loại.

Binh chế chí (quyển 39 – quyển 41), chép về việc đặt các ngạch quân, phép tuyển chọn binh lính, chế độ lương bổng quân trang, quân dụng, phép thi võ.

Văn tịch chí (quyển 42- quyển 45) chép về tình hình sách vở của các đời.

Bang giao chí (quyển 46 – 49) chép về việc bang giao các đời, lễ nghi đón tiếp sứ thần các nước.

Trong *Dư địa chí* Phan Huy Chú đã chia ra làm các mục cụ thể: Sự khác nhau về bờ cõi các đời: Từ Hùng Vương đến năm cảnh Hưng thứ 35 (1774). Sự khác nhau về các phong thổ của các đạo trong đó ông có ghi về các địa phương: *Thanh Hóa – Nghệ An – Sơn Nam ; Kinh Bắc – Sơn Tây – Hải Dương; Hưng Hóa – Thái Nguyên – Cao Bằng – Lạng Sơn; Thuận Hóa – Quảng Nam – Phú Yên – Bình Khang; Diên Khánh – Bình Thuận – Định Viễn – Hà Tiên*. Mỗi địa phương ông ghi chép tương đối đầy đủ về vị trí, duyên cách các trấn, các phủ huyện, ghi chép núi sông, ghi chép về việc mở mang đất đai, những giống lúa mới, những sản vật vv... Đặc biệt là ông đã mô tả chi tiết về quần đảo Hoàng Sa một bộ phận khẳng khít của lãnh thổ Việt Nam, như vậy đồng nghĩa với việc ông khẳng định nó thuộc về chủ quyền của Việt Nam... So với *Phong vực* của Lê Quý Đôn thì *Dư địa chí* có phạm vi bao quát rộng hơn, nội dung cũng phong phú và đầy đủ hơn (phong vực- 3 địa phương; dư địa chí – 20 địa phương)

Nhân tài là một trong những yếu tố quan trọng đối với một quốc gia cho nên tiếp theo Phan Huy Chú đã xếp *Nhân vật chí* theo ông : “Có nước phải lấy người làm gốc”. Trong phần này tác giả sắp xếp theo thứ tự, trước

tiên giới thiệu các nhân vật được xếp theo công trạng như : *Dòng chính thống các đế vương* ; *Người phò tá có công lao tài đức* (72 người của các đời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê Trung Hưng); *Người có tiếng và tài giỏi* (35 người Lý, Trần, Lê sơ , Lê Trung Hưng); *Nhà nho có đức nghiệp*(29 người); *Bề tôi tiết nghĩa*(50 người) . Những nhân vật có tài văn học ông cũng chép lại các tác phẩm của họ, khi chép về tiểu chuyện các bậc vua chúa, các danh nhân,... Ngoài ra Phan Huy Chú chú ý đến vị vua sáng có công lớn trong việc chống giặc ngoại xâm hoặc có công xây dựng đất nước, bởi họ là tấm gương sáng cho tất cả mọi người noi theo. So với mục *Tài phẩm* của Lê Quý Đôn thì Phan Huy Chú biên chép số lượng nhân vật nhiều hơn, cách trình bày cũng rõ ràng, theo thứ tự các đời, có những lời nhận xét thú vị chính xác.

Khoa mục chí Phan Huy Chú chủ yếu trình bày hai vấn đề chính đó là đại cương về phép thi các đời, thứ hai là đi sâu vào từng mặt của vấn đề như thể lệ thi hương, thi hội, thi đình, tổ chức thi cử, số người đỗ đạt trong các khoa từ triều Lý cho đến Chiêu Thống (1787). Khi nêu những nét khái quát về quá trình học tập và thi cử, ông cho rằng: “ Đã đành chọn người phải có khoa mục, nhưng đạt phép thi phải có cân nhắc; nếu chỉ thiên về một lối, sao lấy được người đại tài? Cái việc văn chương rất quan tâm đến thể đời, việc xem thi hay hay dở, biết nhà nước thịnh hay suy”. Cũng như các phần khác bên cạnh việc ghi chép Phan Huy Chú thường hay có những lời bình luận nhận xét tương đối khách quan.

Lễ nghi chí Phan Huy Chú không dừng lại ở sự liệt kê các nghi lễ được đặt ra và qui định với từng đối tượng mà ông còn có những nhận xét thể hiện những quan điểm riêng của mình trước những cái còn dườm rà, phức tạp, hay ca ngợi những nghi lễ phù hợp và đúng với luân thường, đạo lý...

Bình chế chí ông cho rằng mất nước cũng do binh, có được nước cũng do binh chủ yếu là do người đứng đầu khéo cầm cương thì kẻ gian tham cũng dùng được, nếu lỏng tay cầm thì ngay quân túc vệ cũng chia lìa, việc làm thành hay bại đều do ở đấy, cho nên đưa tầm quan trọng của “*Việc dùng*

binh không thể không có quy chế”. Qua khảo xét tra cứu các sách cũ ông đã phân ra từng loại, từng điều, gồm: *Ngạch uân; Phép kén chọn; Lệ nuôi binh và cấp tuất; Cách luyện tập; Những điều cấm răn; Phép khảo thí; Lệ châu hầu*. Điều được ghi chép và phân chia rất rõ ràng theo từng triều đại cụ thể.

Quan chức chí Phan Huy Chú trình bày một cách khái quát việc chia đặt quan chức qua các đời và chỉ rõ chức vụ khác nhau của các quan, tước âm và đường xuất thân khác nhau, lệ ban tuất cho các quan, quy chế bổ dụng và khảo khoá. Nhìn chung ở mục này ông đã đưa ra một bản liệt kê tương đối đầy đủ về những vấn đề liên quan đến quan chức trong các triều đại khác nhau, đây là một bản tài liệu quan trọng cho những người nghiên cứu về các chức quan cũng như quy định phẩm phục.

Bang giao chí ngay từ những dòng đầu của *chí* này Phan Huy Chú khẳng định: “Trong việc trị nước, hòa hiếu với nước láng giềng là việc lớn, mà những khi ứng thù lại rất quan hệ, không thể xem thường,... Nước Việt ta có cả cõi đất phía nam mà thông hiếu với Trung hoa, tuy nuôi dân dựng nước, có quy mô riêng, nhưng ở trong thì xưng đế, mà đối ngoài thì xưng vương, vẫn chịu phong hiệu, xét lý thế thực phải như thế. Cho nên lễ sách phong, lễ cống sính, việc bang giao các đời đều xem là quan trọng...” [12, tr. 135]. Chính vì thế mà ông tìm khắp điển cũ, chép theo sách tày chia làm 4 mục đó là *Điển sách phong; Lễ cống sính; Nghi thức tiếp đãi và Việc biên cương*. Mỗi phần đều chép thứ tự theo từng đời, đây là một trong những tài liệu quan trọng đối với người nghiên cứu cũng như công việc liên quan đến ngoại giao. Một số *chí* như *Hình luật chí, Quốc dụng chí*... Nói chung đều được biên chép tương đối cẩn thận và có dựa vào những tư liệu còn lại từ các đời trước.

Tóm lại cả hai tác phẩm có những nội dung tương đồng nhưng về mặt dung lượng tư liệu nhưng tác phẩm của Phan Huy Chú phong phú hơn, trình bày cụ thể và kỹ lưỡng hơn. Tư duy phân loại trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú mang tính khoa học hơn hẳn: mỗi một loại đều có những khái quát chung, sau đó phân chia theo từng phần nhỏ, rõ ràng, dễ đọc,

cũng dễ hình dung về tư liệu. Phương pháp trình bày cụ thể có hệ thống, thứ tự sắp xếp các *chí* có tính khoa học cao và có ý nghĩa... Như vậy là cả về tư liệu lẫn phương pháp trình bày *Lịch triều hiến chương loại chí* xứng đáng là bộ bách khoa toàn thư của dân tộc.

1.3.3 Tổng quan về những đóng góp mới của Phan Huy Chú qua “Lịch triều hiến chương loại chí”

Những gì nói ở trên, phần nào cho thấy đóng góp của Phan Huy Chú qua bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* này. Dưới đây là một số kết luận được rút ra nhằm thể hiện rõ hơn những điểm mới của nhà biên soạn lịch sử đã làm được.

Thứ nhất *Lịch triều hiến chương loại chí* có tính khái quát hoá cao, được thể hiện ngay trong sự lựa chọn thể tài của tác phẩm, với thể *chí* Phan Huy Chú đã ghi chép và biên soạn một cách đầy đủ các mặt so với tất cả những tác phẩm tương đồng về tính chất. Trong “ Mỗi chí đều có lời tự đề thuật đại ý được chia làm tiết mục chép riêng cho tách bạch thấu suốt”. Như vậy là ngay trong tư duy phân loại tác giả đã có cái nhìn tổng quan nhất, định hình một cách rõ ràng phạm vi môn loại mình sắp xếp. So với cách phân loại mục của *Kiến văn tiểu lục* thì đây là một bước tiến hơn hẳn. Bởi tác giả của *Kiến văn tiểu lục* không đưa ra những lời khái quát mà thường thì chỉ dẫn ra một số lời của những *học giả* Trung Quốc.

Thứ hai: Những tư tưởng mới của Phan Huy Chú được thể hiện dưới nhiều góc độ như: dân tộc, nhân dân, kinh tế chính trị... Về tư tưởng về dân tộc: Trong quá trình biên soạn và sắp xếp thứ tự các chí Phan Huy Chú đã có dụng ý rõ ràng, đưa *Dư địa chí* lên vị trí “hàng đầu”. Theo quan niệm của tác giả thì đó là vì muốn khẳng định ý thức tự lập tự cường, lãnh thổ chủ quyền của dân tộc. Trong lời dẫn các chí tác giả có nói: “*Từ khi có trời đất thì có núi sông. Đất nào thuộc phận sao nào đều đã chia sẵn, bờ cõi mỗi nước đều đã phân biệt. Nước nào có địa phận của nước ấy*”. [16, tr. 15] Với những lời lẽ như trên, Phan Huy Chú khẳng định nước Việt Nam có quốc thổ rõ ràng, có

ranh giới rành rọt, không một nước nào có thể phủ nhận quyền độc lập tự chủ ấy : “Nước Việt ta...Từ Thương Chu trở về trước, còn là rừng rậm chằm lầy, chỗ rồng rắn ở. Khi ấy hoặc ở xen lẫn dưới sông, trên cạn hoặc chia ở miền núi, miền biển bờ cõi chưa được rõ ràng, tới khi dựng nước Văn Lang, mới chia ra từng bộ, nhưng quy mô đời cổ đều hã còn sơ sài”. [16, tr.15] Trên cơ sở kế thừa tư tưởng dân tộc của các bậc tiền bối như Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi...Phan Huy Chú đã phát huy và đưa ra những lý lẽ xác đáng khẳng định được nguồn gốc của dân tộc, đây cũng là cái mới trong quan niệm của ông.

Tư tưởng kinh tế, nhân dân có nhiều tiến bộ ví dụ như khi bàn về ruộng đất ông viết: “Chính sách nuôi dân không gì bằng cho dân có sản nghiệp chủ yếu là việc quân điền (tức cấp ruộng đất cho dân)...Nếu sản nghiệp của dân đều có thì dân còn lo gì không no đủ...để cho một tác đất nào cũng khai khẩn hết, một người dân nào cũng không bỏ sót. Thế là cứu chữa được cái bệnh đói khổ bao đời của người nghèo, ngăn chặn được tệ chiếm đoạt ruộng đất...” Phan Huy Chú cũng như nhiều nhà tư tưởng khác mong muốn có một xã hội ổn định công bằng nhưng con đường đi và quan điểm của ông lại khác, đó là ông đã chú ý đến cơ sở xã hội, coi giải quyết vấn đề ruộng đất giải quyết quyền sở hữu ruộng đất cho dân nghèo là cơ sở quan trọng...

Thứ ba: Phương pháp trình bày có hệ thống hơn so với *Kiến văn tiểu lục*, nếu như các tư liệu trong *Kiến văn tiểu lục* sắp xếp theo kiểu bút ký thấy gì ghi đó, không có thứ tự rõ ràng, rành mạch, mà có phần tạp nham, lẫn lộn thì trong LTHCLC tất cả các tư liệu đều qua quá trình *xử lý* nghiêm túc, thận trọng và rất hệ thống của nhà biên soạn. Không chỉ có trình tự về thời gian mà các tư liệu cũng được lựa chọn và sắp xếp phù hợp, chính xác.

Thứ tư : Nguồn sử liệu phong phú, đa dạng, có thể nói mười chí trong công trình nghiên cứu này là mười lĩnh vực khoa học riêng, nếu chia theo từng ngành khoa học cụ thể trong tác phẩm này gồm có: sử học, pháp luật, kinh tế, giáo dục, quân sự, thư tịch học, văn hoá, lịch sử. ..So với tác phẩm sử khác thì không có được sự đồ sộ và đa dạng về tư liệu như *Lịch triều hiến*

chương loại chí. Hơn nữa, hầu hết các tư liệu đưa ra đều có dẫn chứng rõ ràng, biên chép kỹ lưỡng và đầy đủ. Từ so sánh trên có thể thấy *Kiến văn tiểu lục* cũng là một tác phẩm có sự phong phú về sử liệu nhưng thiếu hẳn về tính hệ thống.

Trong bất kỳ lĩnh vực nào Phan Huy Chú cũng thể hiện rõ quan điểm, sự am hiểu và phương pháp làm việc khoa học, nghiêm túc của mình. Tóm lại *Lịch triều hiến chương loại chí* là tác phẩm có giá trị, nó cung cấp cho chúng ta một khối lượng tri thức rộng lớn. Dương Quảng Hàm nhận xét: “*Bộ ấy đã thu thập một cách có phương pháp các tài liệu các sách vở cũ về hiến chương về chế độ của nước ta trước đời nhà Nguyễn, rất tiện cho việc kê cứu. Ta có thể lấy bộ ấy làm gốc mà tham khảo thêm ở các sách sử ký, địa chí điển lễ của ta để biết được văn hóa cổ của nước ta...Xem đó thì biết bộ ấy là một bộ sách có giá trị đặc biệt vậy*” [31]. Nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam của Liên xô G.P.Muraseva đánh giá: “*Lịch triều hiến chương loại chí* là bộ sách xứng đáng được gọi là bộ bách khoa toàn thư về cuộc sống Việt Nam. Công trình này thực tế không có công trình nào sánh nổi về bề rộng của phạm vi các vấn đề trong khoa lịch sử, sử học Việt Nam thời phong kiến”. [Dẫn theo 29, tr. 6] Không chỉ có những người nghiên cứu nước ngoài nhận xét đánh giá về bộ sách mà đại đa số nhà nghiên cứu, học giả đều khẳng định tính chất bách khoa của nó. Lại Nguyên Ân khẳng định: “*Bộ sử này còn có thể coi là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam*”. [2, tr. 481] Nhìn chung những gì nhà nghiên cứu, biên soạn lịch sử Phan Huy Chú làm được trong bộ sách thực là nguồn tư liệu quý, có giá trị về nhiều mặt đối với nền văn hoá, văn học của dân tộc.

Tiểu kết

Có thể nói sự ra đời của *Lịch triều hiến chương loại chí* là sự kết hợp của rất nhiều yếu tố vừa khách quan lại vừa chủ quan. Trong bối cảnh đời sống văn hóa xã hội cuối 18 đầu 19 có nhiều biến đổi, dẫn đến sự đan xen

nhiều luồng tư tưởng khác nhau cùng với sự pha chộn nét văn hóa trong gia đình đã tác động không ít đến tác giả, hơn nữa bằng chính nội lực bên trong của mình, Phan Huy Chú đã khẳng định được tài năng lẫn những tư tưởng rất mới của ông trong quá trình biên soạn và khảo cứu tác phẩm với một tư duy khoa học, có hệ thống ông đã làm nên một tác phẩm mang tầm vóc thế kỉ. Hơn cả mong đợi của mình, *Lịch triều hiến chương loại chí* thực sự đã mở ra cho chúng ta những khám phá mới không chỉ về nội dung, hình thức, phương pháp mà cả về tư duy, tư tưởng của nhà khoa học này.

Lịch triều hiến chương loại chí ra đời đến nay đã gần hai trăm năm nhưng chúng ta khó mà hình dung rằng một công trình có qui mô rộng lớn như vậy lại là kết quả của một cá nhân trong thời đại còn nhiều hạn chế về kỹ thuật cũng như sự bảo quản tư liệu. Điều này thật hiếm trong lịch sử nước nhà, bởi trên thực tế, nhiều tác phẩm sử lớn chủ yếu là do cả một tập thể các nhà nho làm nhưng để nói về tính rộng lớn về tư liệu đời sống xã hội thì ngay cả một tập thể những người được coi là kiến thức sâu sắc cũng chưa thể làm được như ông.

Tóm lại, Phan Huy Chú đã cống hiến cho lịch sử nước nhà những giá trị tư liệu vô cùng phong phú cùng với tài năng khoa học của một nhà trí thức tài ba của thế kỷ thứ XVIII – XIX, ông thực sự đã tạo nên một công trình khoa học mang tầm vóc thế kỷ trong lịch sử văn hoá nước nhà.

CHƯƠNG 2. BỘ PHẬN SƯU TẦM BIÊN KHẢO VĂN HỌC TRONG *LỊCH TRIỀU HIẾN CHƯƠNG LOẠI CHÍ*

2.1 Văn tịch chí thể hiện tư duy phân loại của nhà biên khảo sưu tầm sử học.

2.1.1 Tư duy khoa học

Văn chương là một trong những bộ phận quan trọng trong các tuyển tập của các học giả. Từ thế kỉ 18 trở về trước có rất nhiều tác phẩm biên chép về thơ văn các đời nhưng đều ở qui mô nhỏ, mặc dù cũng có những tuyển tập ghi chép một hay vài triều đại nhưng nhìn chung còn rời rạc, có sự chắp nối của nhiều tác giả nên tính hệ thống không cao. Cuối thế kỷ 18 Lê Quý Đôn có làm những bộ sách văn sử như *Kiến văn tiểu lục*, *Vân đài loại ngữ*, *Đại Việt thông sử*... Nó có giá trị lớn về tư liệu văn sử nhưng về tư duy vẫn chịu hưởng lớn của tư duy phân loại truyền thống. Đến Phan Huy Chú với *Lịch triều hiến chương loại chí* thì trong tư duy của ông đã có bước tiến. Tuy chưa thực sự bứt ra khỏi tư duy phân loại truyền thống nhưng ít nhiều ông đã có bước đột phá trong lĩnh vực học thuật.

Về cơ bản khi biên soạn *Văn tịch chí* Phan Huy Chú có kế thừa những người đi trước mà tiêu biểu là phần *Nghệ văn chí* trong *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn. Với tư cách là nhà nghiên cứu sưu tầm, biên chép lịch sử ông đã hiểu rõ được những giá trị vô cùng to lớn của nguồn tư liệu văn học, và cũng xót xa trước một thực tế: “Sách vở các đời đã từng tản mát, sách mất đã khó sưu tầm, sách còn lại nhiều sai lẫn, đằng đẵng ngàn năm, biết theo đâu mà khảo xét? Nhưng sự học của nhà nho quý ở tìm rộng, cần phải tìm tòi ở giấy má còn lại.” Bằng niềm đam mê cùng trách nhiệm của một nhà soạn sử Phan Huy Chú đã: “xét tìm sử cũ, tham khảo các nhà, biên hết tên sách chia làm bốn loại : 1.*loại hiến chương*, 2. *loại kinh sử*, 3.*loại thi văn*, 4. *loại truyện ký*”. [9, tr.42] Cũng như toàn tác phẩm trong mỗi loại ông đều tóm tắt sơ lược nội dung và biên lên đầu.

Loại hiến chương: tất cả những tập như điệp phả, điển lễ, hình luật, quan chế cùng là bản đồ, bang giao có quan hệ đến việc nhà nước, đều xếp làm loại hiến chương.

Loại kinh sử phạm sách của nho giả các đời trước thuật, hoặc phát minh nghĩa lý trong kinh truyện hoặc soạn thuật Nam Bắc, đều theo thể thứ trước sau mà xếp làm loại *kinh sử*.

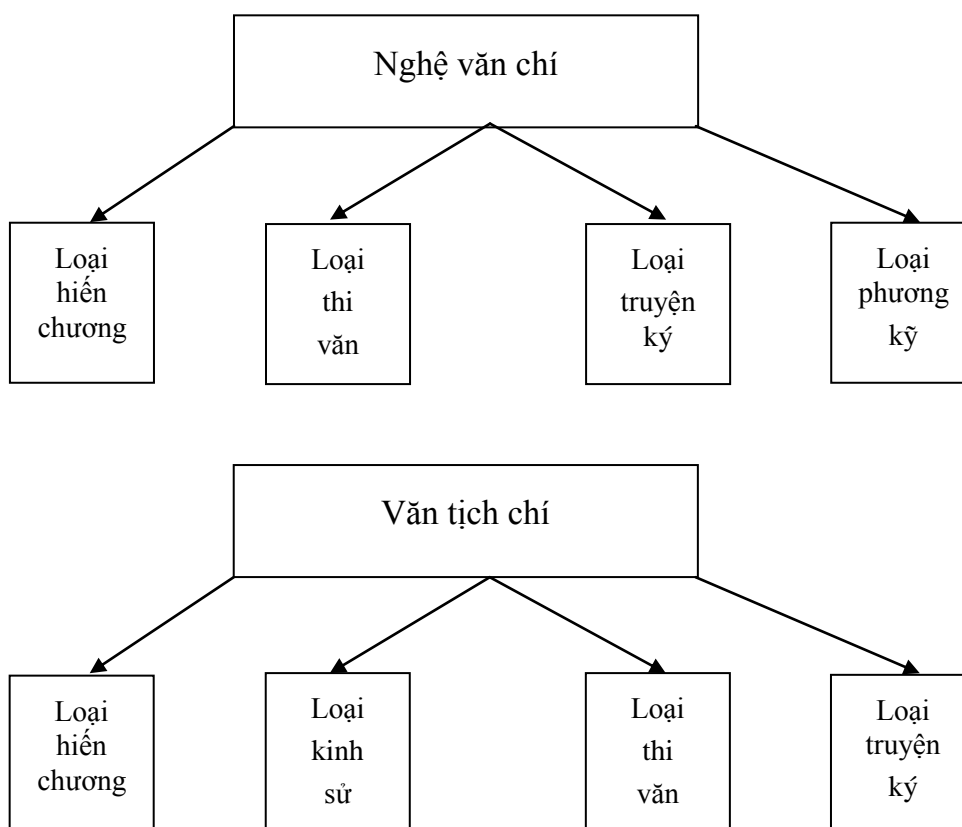
Loại thi văn phạm những tập ngự chế của các triều, những tác phẩm của các công khanh có tiếng, các văn nhân tài sĩ, cùng là những bộ do các nhà soạn chép, đều xếp làm loại thi văn

Loại truyện ký phạm những bản thực lục các triều, các sách ghi chép khác, các bản kiến văn tạp chí cho đến các sách chép về các môn phương thuật, đều xếp làm loại truyện ký.

Ngoài bốn loại trên, Phan Huy Chú có chép thêm các sách về *Phương kỹ* gồm có các tên sách sau:

TT	Tên sách	Tác giả	Số quyển
1	Pháp sự tân văn	Trần Anh Tông	1
2	Dược sự thập nhị	Sư Viên Chiếu	1
3	nguyên văn	Sư Viên Chiếu	1
4	Tham tòng hiến quyết	Sư Thường Chiếu	1
5	Thích đạo khoa giáo	Sư Thường Chiếu	1
6	Nam tông pháp đồ	Sư Huệ Sinh	1
7	Pháp sự trai nghi	Vũ Quỳnh	2
8	Đại thành toán pháp	Cao Biền	1
9	Cao Vương di cáo	Hoàng Phúc	1
10	Hoàng Phúc cáo	Trần Quốc Kiệt	1
11	Hình thể đại mạch ca	Hoàng Chiêm soạn	1
12	Tả ao địa lý luận	Tiên sinh Cẩm Giàng	6

Nhìn chung ở loại này chủ yếu là sách nhà Phật, sách y dược, sách địa lý, sách toán số... gọi chung là *Phuong kỹ*. Qua cách phân chia cụ thể như vậy chúng ta hình dung được cơ bản kết cấu và nội dung của *Văn tịch chí*. Dưới đây là một vài so sánh nhỏ về cách phân loại giữa *Nghệ văn chí* của Lê Quý Đôn và *Văn tịch chí* của Phan Huy Chú qua sơ đồ phác thảo dưới đây.



Từ sơ đồ trên, cho thấy cả hai ông phân làm 4 loại, và chủ yếu là dựa theo khung phân loại của các sách sử Trung Quốc như *Tiền Hán thư*, *Đường thư*, *Tống sử*, *Minh sử*... đều có thiên *Nghệ văn chí* hay *Kinh tịch chí* với mô hình phân loại chung :

Kinh: Các sách kinh điển của các đạo như Nho Phật...

Sử: Các bộ sử

Tử: Sách của các tác giả lớn

Tập: Những bộ tuyển tập

Tuy có dựa vào khung phân loại trên nhưng nhìn vào sơ đồ phân loại có thể thấy các sử gia nước ta đều không lệ thuộc hoàn toàn mà có sự sáng

tạo, đã đặt ra khung phân loại gọn hơn, phù hợp với tình hình thực tế của thư tịch Việt Nam. Nội dung chủ yếu là khảo cứu, biên chép lại những tên sách vở điển chương ... của người Việt từ thế kỷ thứ XI trở về sau, nghĩa là từ triều Lý đến khoảng đầu thế kỷ XIX. Trần Văn Giáp có nhận xét: “Có một điều là cả hai thiên ấy đều có đặc tính riêng của nó ...đó là tính dân tộc, tính sáng tạo của Việt Nam. Cả hai tác giả không chịu dập khuôn các loại mục trong các *Kinh tịch chí* của Trung Quốc như như *Kinh, Sử, Tử, Tập* vv...mà chia các sách của mình theo nhận xét riêng thích hợp với hoàn cảnh, với thực tế”. [19, tr.15]

So với Lê Quý Đôn thì cách trình bày và tư duy phân loại của Phan Huy Chú có những nét mới. Do xác định thêm một loại mới *Kinh sử* nên trong quá trình biên soạn Phan Huy Chú đã chuyển một số tác phẩm từ *Truyện ký* và *Thi văn* của Lê Quý Đôn sang. Điều này thể hiện tư duy phân loại của ông đã có bước tiến hơn hẳn Lê Quý Đôn vì ông đã xác lập được một ranh giới cụ thể hơn. Từ giữa thế kỷ 18 trở về trước tư duy phân loại của các tác giả khi làm tuyển tập vẫn chịu ảnh hưởng sâu sắc của quan niệm “*Văn sử triết bất phân*” nên không tránh khỏi sự hỗn hợp giữa các tác phẩm có văn sử và triết trong khung phân loại của mình. Phan Huy Chú đã nhìn ra được mặt hạn chế của các bậc tiền bối nên khi làm *Lịch triều hiến chương loại chí* ông đã khắc phục bằng cách lập ra một ranh giới mới đưa các tác phẩm về gần hơn với môn loại của mình. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử văn học cũng như tư duy phân loại lúc bấy giờ.

Dưới đây là bảng thống kê những tác phẩm được xếp trong loại *Kinh sử* của Phan Huy Chú

TT	Tác phẩm	Triều đại và tác giả	LQĐ	PHC BS
1	Chu dịch quốc âm giải nghĩa	Lê, Đặng Thái Phương		BS
2	Chu huấn toàn yếu	Lê, Phạm Nguyễn Du		BS
3	Dịch kinh phu thuyết	Lê, Quý Đôn		BS
4	Đại Việt sử ký	Trần, Lê Văn Hưu	TK	
5	Lê triều thông sử	Lê, Lê Quý Đôn		BS
6	Quần thư khảo biện	Lê, Quý Đôn		BS
7	Quốc sử tục biên	Lê, triều trần		BS
8	Quốc triều tục biên	Lê, Quý Đôn		BS
9	Sách học đề cương chú	Lê, Nguyễn Trù		BS
10	Sử ký toàn thư	Lê, Ngô Sĩ Liên	TK	
11	Sử ký tục biên	Lê, Lê Hy		BS
12	Sử ký tục biên	Lê, Phan Phu Tiên		BS
13	Tính lý toàn yếu	Lê, Nguyễn Huy Oánh		BS
14	Tứ thư thuyết ước	Trần, Chu An	TV	
15	Kinh thư diễn nghĩa	Lê, Lê Quý Đôn		BS
16	Việt giám thông khảo	Lê, Vũ Quỳnh	TK	
17	Việt giám thông khảo tổng luận	Lê, Lê Trùng		BS
18	Việt sử bị lãm	Lê, Nguyễn Nghiễm		BS
19	Việt sử cương mục	Trần, Hồ Tôn Thốc	TK	
20	Việt sử khảo giám	Lê, Nguyễn Dịch Tâm		BS
21	Việt sử tiêu án	Lê, Ngô Thì Sĩ		BS
22	Việt sử toàn thư bản kỷ tục biên	Lê, Phạm Công Trứ		BS
23	Xuân Thu quản kiến	Lê, Ngô Thì Nhậm		BS

Như vậy Phan Huy Chú đã chuyển 5 tác phẩm sử học của triều Trần (2 tác phẩm), triều Lê (3 tác phẩm) và một tác phẩm thuộc loại *Thi văn* theo cách phân loại của Lê Quý Đôn vào loại *Kinh sử*. Ngoài việc bổ sung các tác phẩm sử mà Lê Quý Đôn bỏ sót, ông cũng đưa các sách kinh để phù hợp với tiêu đề trong khung phân loại. Đây là một bước tiến mới hơn hẳn so với người đi trước.

Trong loại *Hiến chương*, Phan Huy Chú và Lê Quý Đôn có điểm giống nhau, đều xếp các tác phẩm liên quan đến công việc nhà nước như điệp phả, điển lễ, hình luật, quan chế, bản đồ, bang giao vào loại này.

Ở loại *Truyện ký* khung phân loại của cả hai người tương đối rộng Phan Huy Chú đưa các tác phẩm như bản thực lục (*Khoá hư lục, Di hậu lục*), sách ghi chép về môn phương thuật, hoặc các bản kiến văn ... (*Kiến văn tiểu lục, Vân đài loại ngữ*), còn Lê Quý Đôn gộp cả những tác phẩm sử học vào. Phạm vi phân loại trên cho thấy nội dung chính trong các tác phẩm mà Phan Huy Chú xếp mang tính ghi chép cao. Trên cơ sở đó, ông xếp một số tác phẩm vào loại này như *Lĩnh Nam chích quái, Truyền kỳ mạn lục, Tục truyện kỳ...* thường là những câu chuyện có yếu tố thần kì và nội dung kết cấu đảm bảo được những yếu tố của truyện. Phan Huy Chú cũng như bậc tiền bối đã tách *Truyện ký* ra thành một loại riêng mà không gộp vào loại thi văn, duy chỉ có một tác phẩm *Việt điện u linh* ông đã chuyển từ loại *Truyện ký* của Lê Quý Đôn sang loại *Thi văn*. Mặc dù những tác phẩm thuộc loại này chưa được đưa vào nhiều, nhưng qua đó thể hiện được quan niệm cũng như tư duy phân loại của nhà biên khảo.

Trong loại *Thi văn* chủ yếu là các tác phẩm thuộc địa hạt của thơ, tập thơ, về cơ bản phần này được xem là tương đối chính xác theo tiêu chuẩn của thể loại chung. Tuy nhiên ở phần văn Phan Huy Chú cũng như Lê Quý Đôn trong khung phân loại trên vẫn còn chịu ảnh hưởng của quan niệm truyền thống. Đó là đề cao tính chức năng nên phần lớn là các tác phẩm như *Phú,*

hịch, cáo, chế, biểu... còn những tác phẩm được coi là văn xuôi tự sự có cốt truyện có nhân vật thì không nhiều, số lượng hạn chế và có khi được xếp lẫn vào các loại khác. Quan niệm này được tồn tại tương đối dài, nó đã ảnh hưởng đến cách sắp xếp và phân loại thư tịch của Phan Huy Chú cũng như nhà biên soạn các tuyển tập trước đó.

Trong văn học cổ thì hầu như các tác phẩm thuộc phương thức trữ tình chiếm vị trí ưu thế hơn so với những tác phẩm thuộc phương thức tự sự. Những tác phẩm thuộc văn xuôi tự sự lại chủ yếu là văn học chữ Hán và nghiêng về ghi chép dưới dạng sử nhiều hơn là hư cấu. Suy cho cùng thực trạng văn học quy định sự tồn tại của các thể loại văn học. Từ thế kỷ thứ XVIII các tác phẩm thuộc thể loại tự sự phi chức năng cùng hệ thống truyện thơ Nôm đã hình thành và có bước phát triển nhưng trong thư tịch của cả hai người các tác phẩm đó ít được đề cập đến. Phan Huy Chú phân ra loại *Thi văn* nhưng một số tác phẩm thuộc loại văn theo quan niệm của chúng ta hiện nay, hay nói đúng hơn là những tác phẩm văn xuôi tự sự, phi chức năng hoặc tính chức năng không đậm nét thì ông xếp vào loại *Truyện ký*, Đúng về mặt thể loại, cách sắp xếp của Phan Huy Chú cũng không có gì sai nhưng đi vào xét chung những tác phẩm thuộc địa hạt văn học theo sự phân loại trên thì phạm vi phân loại của ông lại bị thu hẹp lại. Từ đó, giúp chúng ta nhìn nhận một cách rõ hơn quan niệm phân loại của Phan Huy Chú cũng như của Lê Quý Đôn, hai ông giống nhau ở điểm này. Trong một số tuyển tập văn học của các bậc tiền bối thì sách thuộc văn xuôi tự sự chiếm số lượng rất “khiêm tốn”, điều này cho thấy các nhà nho đã chịu ảnh hưởng quan niệm văn học truyền thống trong cách phân loại và sắp xếp thư tịch của mình.

Như trên đã nói, sự phân loại của ông có nhiều tiến bộ hơn so với một số người đi trước, nó tương đối hợp lý và chuẩn xác về hình thức cũng như nội dung. Tuy nhiên so với cách phân loại của chúng ta bây giờ thì vẫn còn những hạn chế, khung phân loại quá rộng nên dẫn đến việc ông đã sắp xếp một số trường hợp không được chính xác cho lắm ví dụ: có một số tác phẩm

thuộc loại *Truyện ký* có thể đưa vào loại *Kinh sử*, như :

Bùi gia huấn hài của Bùi Dương Lịch

Vạn Kiếp bình thư do Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn soạn

Binh gia yếu lược không rõ người làm,

Tăng già tạp lục do sư Bảo Giác soạn.

Thiền lâm thiết chủy ngữ lục, *Tăng già toái sự*, do Trần Nhân Tông soạn , làm sau lúc xuất gia ở núi Yên Tử, đều nói ý nghĩa tinh vi của đạo Phật...

Ngoài ra, còn một số tác phẩm thuộc loại kinh sử có thể chuyển sang loại hiến chương như:

Sách học đề cương chú do Nguyễn Trù soạn,

Chu huấn toàn yếu do Phạm Nguyễn Du soạn

Tác phẩm *Kim lăng ký* ở loại *Thi văn* có thể chuyển sang loại *Truyện ký*.

Những cuốn sách có cùng một nội dung khoa học lại bị phân tán và xếp vào nhiều môn loại khác nhau như các sách viết về địa lý, được ông xếp vào loại *Hiến chương (Nam Bắc phiên giới địa đồ)*, vào loại *Truyện ký (Tân định bản đồ)* vào loại *Phương kỹ (Tả Ao địa lý luận)* ...Nhìn chung có một số tác phẩm mang nhiều nội dung khoa học khác nhau, Phan Huy Chú cũng như những nhà biên soạn, khảo cứu trước đó do chưa có cách phân loại chính, phụ và trợ ký hiệu như ngày nay, nên nội dung của một tác phẩm cụ thể vẫn chưa được giới thiệu một cách đầy đủ, đây là hạn chế chung của thời đại. Song cơ bản, nhà sử học này đã tương đối nhất quán trong cách phân loại của mình. So với những người đi trước và cùng thời thì những gì ông làm được là một bước tiến mới đáng ghi nhận.

2.1.2 Tính hệ thống

Tư duy phân tích và hệ thống hóa các tư liệu là một trong những yếu tố quan trọng của việc nghiên cứu, nó không đơn thuần chỉ là chép lại những

sự kiện, hay những mốc thời gian theo thứ tự, như một công việc chép sử đơn thuần của những nhà biên soạn lịch sử theo thể biên niên. Khác với những tác phẩm sử khác *Lịch triều hiến chương loại chí* thể hiện một tư duy khoa học, có hệ thống.. Đây cũng là một nét nổi bật nữa của ông so với những nhà soạn thuật đương thời.

Trước tiên có thể khẳng định rằng trong suốt mười năm đóng cửa tạ khách, “nhật tích, nguyệt lũy”, Phan Huy Chú đã khảo cứu ở rất nhiều sách vở điển chương cũ, ở nhiều bản, nhiều đời khác nhau, rồi sau đó phân tích đánh giá để tìm ra được những cái đúng nhất, sao cho các tư liệu được chính xác, đầy đủ hơn, giúp các thế hệ có thể xem vào đây mà khảo cứu. Trong rừng rậm mê mông của kiến thức bắt buộc ông phải tìm cho mình một hướng đi đúng, một hướng đi làm sao để ít bị lạc lối, một hướng đi sao cho không bị lệ thuộc vào những người đi trước. Hướng đi này, phải thoát ra khỏi những đường vòng lẩn bụi rậm che ngang, khiến người ta dễ lầm đường hay nói đúng hơn là bị lạc trong mê cung rộng lớn của tri thức dân tộc. Phan Huy Chú đã phần nào giải quyết được những điều mà ông suy nghĩ vào tác phẩm của mình.

Như đã biết, trong lịch sử văn học Việt Nam ý thức sưu tập thơ văn của các đời thành tuyển tập đã có từ rất sớm như: *Việt Âm thi tập* của Phan Phu Tiên nhưng cuốn này chủ yếu là chép thơ của vua chúa, công khanh và các sứ thần thời Trần, những bài ngự chế của Cao Đế, Văn Đế (Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông) cùng những bài ngâm vịnh của các nho thần đương triều. Tiếp đó Dương Đức Nhan có chép thêm những bài không có trong *Việt âm thi tập* làm *Tinh tuyển thi tập*. Tác phẩm *Trích diễm thi tập* do Hoàng Đức Lương biên soạn, chép bổ sung thêm những bài còn thiếu trong cả hai tuyển tập *Việt Âm thi tập* và *Tinh tuyển thi tập*. Lê Quý Đôn làm *Toàn Việt thi lục* chủ yếu sưu tập thơ từ đời Lý đến đời Hồng Đức, sau đó học trò của ông là Bùi Huy Bích có biên soạn lại và thêm vào thơ đời Cảnh Hưng thành cuốn *Hoàng Việt thi tuyển*, tuyển tập gồm có 561 bài, chia thành 9 quyển, chủ yếu là chép thơ

từ Lý Trần đến cuối Lê. Ngoài tác phẩm này, Lê Quý Đôn còn viết các mục về văn học trong sách biên khảo sưu tầm như *Nghệ văn chí* trong *Đại Việt thông sử*. Đầu thế kỷ 19 Phan Huy Chú biên soạn *Lịch triều hiến chương loại chí* biên chép những tác phẩm từ đời Lý cho đến hết Lê – Trung Hưng (*Văn tịch chí*). Điểm khác biệt của Phan Huy Chú với những tuyển tập kể trên đó là tư duy phân loại khoa học có hệ thống. Nhà nghiên cứu sử học Lê Văn Lan có nhận xét rằng: “*Nếu chỉ tích lũy công phu, sưu tầm kỹ lưỡng tập hợp đầy đủ, sắp xếp chất chồng thì nhiều lắm Phan Huy Chú cũng chỉ thành một Lê Quý Đôn thế kỷ thứ XIX hoặc có thể tự hào là đã ngang sức mà thay thế được cả một nhóm lớn soạn giả quốc sử quán đời Tự Đức mấy chục năm sau khi họ làm bộ Đại nam nhất thống chí*” và ông cũng khẳng định rằng cái đề mà Phan Huy Chú hơn hẳn đó chính là ông đã “*Tạo ra được một chất lượng khoa học khác, làm nên giá trị lớn của một hiện tượng mang tên ông đó là một khuynh hướng tư tưởng duy lý, một phương pháp tư duy lý tính, mà từ sự phân tích phân loại đến cách tập hợp tổng hợp của ông đều thể hiện nhất quán, nổi bật thành tính hệ thống hợp lý trong công trình chủ yếu của đời ông.*” [26, tr.25]

Có thể nói với Phan Huy Chú công việc nghiên cứu sưu tầm biên soạn là công việc hệ thống hóa các tri thức. Trong bài biểu dâng sách *Lịch triều hiến chương loại chí* Ông có viết: “Tôi cho là điển cũ mênh mang, nếu nay không chia ra từng mối toát ra từng sợi; thì kiến văn mờ tối, theo đâu mà biết rộng việc xưa suy ra đời nay. Nên khi làm sách này ông đã: “Dùi mài gắng sức tầm, chấp nhặt quên mình cố lậu. Khảo sát trải nóng lạnh mười thu tổn hao tinh thần, sáng xóa bỏ tối lại thêm vào, tìm bới cả điển chương sáu đời lựa lọc yếu điểm: chia thành từng loại, tách riêng từng mối. Bình luận có lúc thêm lời ước đoán, quán triệt nay hãy tạm gọi thành pho.” [28, tr. 247] Như vậy, trong tư duy Phan Huy Chú đã có ý thức phân ra từng loại, tách ra từng mối riêng biệt trong cái đống tư liệu bộn bề không hệ thống ấy. Xác lập được phương pháp làm việc khoa học ngay từ đầu nên tác phẩm của Phan Huy Chú đều thống nhất theo một trình tự nhất định.

Như đã nói, *Lịch triều hiến loại chí* được chia làm mười chí, mỗi chí là một lĩnh vực riêng nhưng nó có mối quan hệ chặt chẽ mật thiết với nhau. Ở nội dung từng *chí* cách trình bày của Phan Huy Chú cũng theo trình tự cụ thể: Đầu mỗi chí thường có lời dẫn mang tính khái quát, sau đó phân thành từng loại, từng điều theo thứ tự thời gian. Ví dụ như *bang giao chí*, trước tiên là khái quát về tình hình quan hệ hòa hiếu, ứng xử với các nước láng giềng, sau đó chia làm bốn loại nhỏ: *Điện sách phong; lễ cống sính; nghi thức tiếp đãi; việc biên cương*. Trong mỗi loại đều sắp xếp theo trật tự thời gian như *Điện sách phong* ông xếp: Đinh – Lê – Lý – Trần – Hồ - Lê.

Đối với *Văn tịch chí* trong quá trình phân loại ông cũng đi theo một hệ thống chung, cái nào có trước thì sắp xếp lên trước, cái nào có sau đưa xuống sau, theo trật tự thời gian và niên đại. Nếu như trong loại *hiến chương* của *Nghệ văn chí* Lê Quý Đôn có sự đảo lộn thứ tự các triều : Lý – Trần – Lý – Trần – Trần – Trần – Trần – Trần – Trần – Lê – Lê – Lê – Lý. Phan Huy Chú có đổi khác đó là ông đảo lại trật tự cho phù hợp: Lý – Lý – Trần – Trần – Trần - Trần – Trần - Trần – Trần – Lê – Lê. Cách sắp xếp theo thứ tự thời gian này có thể nói là rất khoa học và thuận lợi cho việc tra cứu tài liệu.

Phan Huy Chú xếp theo từng loại mục cụ thể, trong mỗi loại mục các tác phẩm được xếp theo theo thứ tự từng đời, và sau khi chép xong thường có những lời xét ví dụ như chép xong thơ đời Trần ông chỉ rõ: “Trở lên là thơ đời Trần. Phạm có tên tập đều ghi cả. Trong đó tập nào còn thì chép ra một vài bài để biết đại khái, tập nào tên còn mà văn mất thì cũng tra qua sách cũ và chưa tên người làm, để cho cái khổ tâm của tác giả không đến nỗi cũng theo sách mà mất. [15, tr. 47]. Trong tác phẩm cách phân loại và xếp tư liệu đều theo hệ thống rõ ràng.

Là nhà biên soạn khảo cứu sử học có tư duy khoa học, nên cách làm việc của Phan Huy Chú mang tính khoa học cao. Việc sắp xếp tư liệu có hệ thống, trình tự nhất định là rất quan trọng trong khảo cứu đồng thời cũng thể hiện tính logic khách quan nhằm hạn chế những sai lầm do hoàn cảnh, hoặc

tính chủ quan của bậc tiền bối, nên mọi tư liệu Phan Huy Chú sử dụng đều có xuất xứ rõ ràng. Công việc biên soạn thật là một công việc hết sức khó khăn, không chỉ tìm tòi sắp xếp mà còn phải có một óc tổng hợp mang tính khái quát cao mới có thể đưa tất cả các “dữ liệu” vào vị trí từng môn loại của nó, sao cho vừa thống nhất, vừa rõ ràng để thế hệ sau có thể tin cậy mà khảo cứu. Trên thực tế, những nhà nghiên cứu sử học, văn học cổ hay một số lĩnh vực khác đã sử dụng tư liệu trong *Lịch triều hiến chương loại chí* để nghiên cứu các vấn đề có liên quan. *Văn tịch chí* là một bản thư mục tương đối đầy đủ về những thông tin tác giả cũng như tác phẩm văn, sử trong giai đoạn từ Lý Trần cho đến thời Lê. Nó thực sự có giá trị trong đời sống xã hội cũng như trong giới nghiên cứu.

2.2 Văn học là bộ phận quan trọng trong trước tác.

Trong lời tựa *Lịch triều hiến chương loại chí* Phan Huy Chú có dẫn lời của Không Tử: “Văn tức là lẽ phải của sự vật xưa nay, cốt yếu của điển lễ nhà nước. Kẻ học giả ngoài việc đọc kinh sử, còn phải xét hỏi sâu rộng, tìm kiếm gần xa, khảo cứu để định lấy lẽ phải, thế mới đáng là người học rộng, có phải chỉ nhặt từng câu, từng đoạn, nặn ra thành lời văn hoa, mà gọi thành văn đâu [9, tr. 17]. Điều này có nghĩa để biên soạn nên “lẽ phải của sự vật xưa nay”, “cốt yếu của điển lễ nhà nước” thì phải lao động một cách thực thụ, ngoài những kiến thức tích lũy được trong nhiều năm còn phải đọc sách *kinh sử* trong ngoài nước, phải có tư duy khoa học phán đoán đúng sai..., chứ không đơn thuần chỉ đọc được sao rồi thêm những lời hoa mỹ mà chép vậy. Đối với ông văn học thực sự là quan trọng trong việc biên khảo sưu tầm. Ngay từ những dòng đầu tiên của *Văn tịch chí* ông đã khẳng định: “*Cái diệu trong chế tác tỏ ra ở điển lễ hiến chương, cái hay trong tâm thuật ngụ vào văn chương sách vở, cho nên xem đến tư văn thì biết được đạo đời. Thư tịch văn minh của loài người là ở đó*”, và “*Nước Việt ta tiếng khen lễ nghĩa đã hơn nghìn năm, vốn có thư tịch đã từ lâu lắm. Kể từ Đinh Lê dựng nước*

...Đến Lý Trần nội trị văn vật mở mang...nho sĩ đời nào cũng có, văn chương nảy nở như rừng; sách vở ngày càng nhiều...” [15, tr 41]. Song trên thực tế thì nguồn thư tịch ấy đã bị tàn mất do binh lửa chiến tranh, do điều kiện lưu giữ không tốt, do sự sao chép có nhiều sai lầm...nên việc khảo cứu càng khó khăn hơn nhiều. Phan Huy Chú thừa nhận: “Từ Lý Trần trở về trước điển cũ đã mất, đại lược chỉ thấy chép trong sử. Còn triều Lê hồi sáng nghiệp buổi Trung Hưng điển chương hầy còn nhưng lại tàn mất ở các sách vở còn lại hầu không có hệ thống gì, nếu không để ý tìm tòi, phân biệt ra khu lại, chưa dễ gì mà kê cứu được...” Văn học là một lĩnh vực quan trọng, là tinh hoa văn hóa của dân tộc, là những thứ tinh túy nhất, mà nhà trước thuật không thể xem nhẹ. Vì thế, người học giả này đã rất dày công nghiên cứu tìm tòi bổ sung, phân tích, đánh giá, đính chính những lỗi sai của người đi trước để hạn chế những lầm lẫn cho người sau theo đó mà khảo cứu. Phan Huy Chú tự coi đây là một trong những trách nhiệm lớn lao mà người học giả như ông phải gánh vác.

2.2.1 Đính chính, sửa chữa những lỗi sai, bổ sung vào những tác phẩm còn thiếu.

Phan Huy Chú không chỉ là một người biên chép lịch sử mà còn là nhà biên tập nữa, với tư duy và phương thức làm việc nghiêm túc khoa học ông không chỉ dừng lại ở việc chép sự thật lịch sử khi chỉ dựa vào một tư liệu cụ thể nào đó, ngược lại ông phải tìm tòi khảo xét ở rất nhiều tư liệu hay di bản khác nhau, đánh giá phân tích bổ sung thêm hay bỏ bớt đi sao cho đúng và phù hợp nhất nhằm bảo lưu được nguồn thư tịch của dân tộc cho thế hệ sau. Trong việc nghiên cứu, Phan Huy Chú đã đính chính sửa chữa và bổ sung như thế nào thì chúng ta so sách với *Nghệ văn chí* trong *Đại Việt thông sử* của Lê Quý Đôn, bởi vì hai thiên này có những nét tương đồng.

Phan Huy Chú thực sự đã có một bước tiến mới hơn hẳn Lê Quý Đôn về mặt tư duy phân loại. Dù chỉ cách nhau khoảng 50 năm nhưng giữa hai

ông đã có những khác biệt về mặt tư duy. Trên thực tế quan niệm truyền thống về *Văn sử triết bất phân* vẫn còn đang tiếp tục bất phân, nhưng ở một góc độ nào đó sự xô dịch trong khối hỗn hợp này đã ảnh hưởng tới quá trình tư duy phân loại của Phan Huy Chú. Trong khi *Nghệ văn chí* Lê Quý Đôn vẫn xếp chung những tác phẩm sử vào loại *Truyện ký* thì chỉ khoảng nửa thế kỷ sau trật tự sắp xếp này đã thay đổi. Điều đó thể hiện được bước tiến mới trong tư duy phân loại của nhà biên soạn này.

Khi biên chép và đính chính lại những thông tin về tác phẩm mà Lê Quý Đôn có làm trong *Nghệ văn chí* do thiếu sót hoặc là sai lệch, Phan Huy Chú đã sửa lại một cách cụ thể, chính xác hơn. Dưới đây là ví dụ:

Lê Quý Đôn		Phan Huy Chú	
Tên tác phẩm	Số quyển	Tên tác phẩm	Số quyển
Kiến trung thường lễ	5	Kiến trung thường lễ	10
Sĩ hoạn châm quy	?	Sĩ hoạn châm quy	2
Trị bình bảo phạm	?	Trị bình bảo phạm	1
Thảo nhàn hiệu tân tập	Vài quyển	Thảo nhàn hiệu tân thi	1
Vong hài tập	2	Vong hài tập	1
Cru đài tập	2	Cru đài tập	1

Từ ví dụ trên, cho thấy Phan Huy Chú đính chính từng chi tiết nhỏ, như tên sách chẳng hạn, ông đã đổi chữ “tập” thành chữ “thi” trong tác phẩm *Thảo nhàn tân tập* (Lê Quý Đôn). Ngoài ra, tên tác giả cũng được đính chính, ví dụ như tác phẩm *Quần hiền phú tập* Lê Quý Đôn chép tác giả là Hoàng Tụy Phu còn Phan Huy Chú có sửa lại là Hoàng Sân Phu... Như vậy cách làm việc của Phan Huy Chú tương đối rất cẩn thận, độ chính xác cao.

Không chỉ dừng lại ở việc sửa sai, Phan Huy Chú bổ sung thêm những

tác phẩm còn thiếu đặc biệt là những tác phẩm của giai đoạn sau vào trong tất cả các loại. Như các sách không có trong *Nghệ văn chí* của Lê Quý Đôn chủ yếu là từ thời Lê trở lại sau tức đến giai đoạn Phan Huy Chú soạn *Lịch triều hiến chương loại chí*. Dưới đây là bảng thống kê những tác phẩm được bổ sung vào trong từng loại cụ thể.

Loại hiến chương:

TT	Tên sách (còn hoặc mất)	Triều đại và tác giả	Số quyển
1	Bách ti chức trường	Lê (1752)	1
2	Hoàng Lê ngọc phả	Lê, Trịnh Viêm...	2
3	Hồ thượng tư gia lễ	Lê, Hồ Sĩ Dương	2
4	Khám tụng điều lệ	Lê (1777)	0
5	Lý triều ngọc điệp (mất)	Lý (1026)	1
6	Mạc triều chính sự		6
7	Quốc triều điều luật	Lê	6
8	Quốc triều chính điển lục	Lê, Bùi Huy Bích	7
9	Quốc triều thiện chính tập		7
10	Quốc triều thống chế	Trần, Thái Tông	20
11	Tân định bản đồ	Lê (1723)	1
12	Thuật cổ quy huấn lục	Lê, Phạm Ích Khiêm	1

Loại truyện ký

TT	Tên sách (còn hay ít)	Triều đại và tác giả	Số quyển
1	Âm chất văn chú	Lê, Lê Quý Đôn	2
2	Bình Hưng thực lục	Trịnh, triều thần	1
3	Bình Ninh thực lục	Trịnh, triều thần	1
4	Bình Nam thực lục	Trịnh, triều thần	3

5	Bình Tây thực lục	Trịnh, triều thần	2
6	Bùi gia huấn hải	Lê, Bùi Dương Lịch	1
7	Cao bằng lục	Lê, Phan Lê Phiên	3
8	Cơ cầu tập	Trần Thánh Tông	2
9	Công dư tiếp ký	Lê, Vũ Phương Đề	1
10	Danh thần lục	Lê, Lê Quý Đôn	2
11	Đăng khoa lục	Lê, Nguyễn Hoàn	3
12	Hải Dương chí lược	Lê, Ngô Thị Nhiệm	4
13	Hoan châu phong thổ ký	Lê, Hồ Sĩ Dương	1
14	Kiến Văn tiểu lục	Lê, Lê Quý Đôn	3
15	Khoa bảng tiêu kỳ	Lê, Phan Huy Ôn	4
16	Khoá hư lục	Trần Thái Tông	1
17	Liệt truyện đăng khoa khảo	Lê, Phan Huy Ôn	6
18	Phủ biên tạp lục	Lê, Lê Quý Đôn	7
19	Tăng già toái sự	Trần Nhân Tông	1
20	Thạch Thất mỹ nữ	Trần Nhân Tông	1
21	Thiên Nam minh giám	Tôn thất họ Trịnh	1
22	Thiền lâm thết chủy ngữ lục	Trần Nhân Tông	1
23	Trung hưng thực lục	Lê, Hồ Sĩ Dương	2
24	Vân đài loại ngữ	Lê, Lê Quý Đôn	4
25	Việt Nam thế chí	Trần, Hồ Tông Thốc	2

Loại thi văn

TT	Tên sách(còn hoặc mất)	Triều đại và tác giả	Số quyển
1	Anh ngôn thi tập	Lê, Ngô Thi Sĩ	12
2	Bắc sử hiệu tần thi	Lê, Lê Hữu Kiều	1
3	Càn nguyên thi tập	Lê, Trịnh Doanh	4
4	Cúc Pha tập	Lê, Nguyễn Mộng Tuân	KR
5	Chinh phụ ngâm	Lê, Đặng Trần Côn	1

6	Chúc ông phụng sứ tập	Lê, Đặng Đình Tường	1
7	Dao đình sứ tập	Lê, Hồ Sĩ Đống	1
8	Dưỡng Hiên vịnh sử thi	Lê, Phạm Nguyễn Du	1
9	Đại Dương Hải Ấn thi tập	Trần, Nhân Tông	1
10	Đại Nam lịch khoa hội phú tuyển	Lê, Lý Trần Quách	1
11	Đoàn Hoàng giáp phụng sứ tập	Lê, Đoàn Nguyễn Thục	1
12	Hà Tiên thập vịnh tập	Lê, Mạc Thiên Tích	1
13	Hoàng Việt văn hải	Lê, Lê Quý Đôn	10
14	Lịch khoa tử lục	Lê, Tăng Cáp	2
15	Lịch triều thi sao	Lê, Bùi Huy Bích	6
16	Liên Châu thi tập	Lê, Lê Quý Đôn...	1
17	Mặc Trai thi tập	Lê, Đàm Thận Huy	1
18	Mỹ Đình thi tập	Lê, Nguyễn hương công	1
19	Nam tuần ký trình thi	Trịnh Sâm	1
20	Nam trình liên vịnh tập	Lê, Ngô Thi Úc,....	2
21	Nghệ An thi tập	Lê, Bùi Huy Bích	1
22	Ngọ Phong văn tập	Lê, Ngô Thi Sĩ	1
23	Nguyễn Thám Hoa thi tập	Lê, Nguyễn Huy Oánh	1
24	Nguyễn Trang nguyên phụng sứ tập	Lê, Nguyễn Đăng Đạo	2
25	Phong trúc tập	Lê, Ngô Thế Lân	2
26	Phùng công thi tập	Lê, Phùng Khắc Khoan	4
27	Quế Đường thi tập	Lê, Lê Quý Đôn	2
28	Quế Đường văn tập	Lê, Quý Đôn	3
29	Sứ hoa tùng vịnh	Lê, Nguyễn Tông Quai	2
30	Sứ hoa học bộ thi tập	Lê, Trịnh Xuân Thụ	1

31	Tâm thanh tôn duy tập	Trịnh Sâm	4
32	Tây tuần ký trình thi	Trịnh Sâm	1
33	Tình xà thi tập	Lê, Nguyễn Công Kháng	1
34	Toàn Việt thi tập	Lê, Lê Quý Đôn	1
35	Tùng Hiên văn tập	Lê, Vũ Cán	5
36	Tuyệt Trai thi tập	Lê, Ngô Thi Úc	1
37	Thi gia tinh tuyển	Lê, Dương Đức Nhan	5
38	Thi tự thanh ứng	Lê, Nguyễn Danh Dự	20
39	Trần Thái Tông ngự tập	Trần Thái Tông	1
40	Trí sĩ trường văn tập	Lê, Quý Đôn	4
41	Trúc Khê tập	Lê, Trình Thanh	KR
42	Vịnh sử tập	Lê, Đỗ Nhân,	1
43	Vu liêu tập	Nguyễn Trục	KR

Trong những loại bổ sung ở trên thì loại *Thi văn* được Phan Huy Chú sưu tầm và biên chép với một số lượng tương đối lớn, hơn 40 quyển. Những tác phẩm này đa số là của các tác giả làm sau thời của Lê Quý Đôn, nên thuận lợi hơn cho Phan Huy Chú tiếp cận, sưu tầm và biên chép. Tính tất cả đầu sách, chúng ta có thể làm thêm một phép so sánh nho nhỏ về số lượng trong hai thiên *Nghệ văn chí* và *Văn tịch chí*:

Trong *Nghệ văn chí* của Lê Quý Đôn gồm có:

Loại hiến chương (16)

Loại thơ văn (67)

Loại truyện ký (19)

Loại phương kỹ (14)

Tổng thể là có 116 đầu sách.

Trong *Văn tịch chí* của Phan Huy Chú bao gồm:

Loại hiến chương (26 bộ)

Loại kinh sử (27 bộ)

Loại thi văn (106 bộ)

Loại truyện ký (54 bộ)

Ngoài ra còn có phụ chép thêm phần *Phương kỹ* gồm 12 bộ, tổng thể có 225 đầu sách. Lấy con số 116 của Lê Quý Đôn so với 225 thì có thể thấy số lượng sách Phan Huy Chú gần gấp đôi. Như vậy là Phan Huy Chú đã sưu tầm biên khảo được một nguồn tư liệu tương đối lớn và đầy đủ hơn bậc tiền bối. Điều này ít nhiều thể hiện vốn kiến thức phong phú rộng lớn mà nhà sử học đã thu thập được trong những năm tháng dài.

Tóm lại, trong quá trình trước tác bằng tài năng và sức lực của mình Phan Huy Chú đã cố gắng tìm hiểu, phân tích so sánh với những văn bản khác nhau, nhằm tìm ra những điểm sai lẫn hoặc thiếu sót, sau đó đính chính sửa lại cho đúng. Đặc biệt ông còn sưu tầm biên khảo, bổ sung vào những tác phẩm mà người đi trước chưa biên soạn, tạo nên sự phong phú đa dạng về tư liệu cho thế hệ sau khảo cứu và biết đến. Đây là một trong những điều có giá trị quan trọng đối với nền văn hóa văn học nước nhà mà Phan Huy Chú đã làm được.

2.2.2 Những nhận xét đánh giá, phê bình văn chương của Phan Huy Chú.

Phan Huy Chú là nhà nghiên cứu biên khảo, sưu tầm đồng thời cũng là nhà thơ nên trong phần *Văn tịch chí* được ông kết hợp cả phương pháp nghiên cứu khoa học của nhà biên chép lịch sử, lẫn sự cảm thụ, thẩm định đánh giá của một nhà văn, nhà thơ. Khi đánh giá nhận xét hay trích dẫn mọi tư liệu sử dụng đều có xuất xứ rõ ràng để tránh những sai lẫn, khi bình luận ông cũng luôn thể hiện rõ quan điểm khen chê của mình. Ví dụ trong *Quốc triều chính điển lục* của Bùi Huy Bích ông xét: “Điển cố của nhà Lê sau thời Trung Hưng chỉ thấy chép ở thiên chính tập, từ trước chưa có sách. Đến thời Vĩnh Hựu mới sai soạn *Quốc triều hội điển* nhưng chưa làm xong. Sách này biên chép tuy đã chia từng việc, từng loại, nhưng tình hình diễn cách qua các

triều cũng chưa được kỹ. Trải hơn 300 năm trị bình mà điển chương không có toàn thư, thế mới biết soạn thuật là rất khó.” Trong *Việt sử bị lãm* của Nguyễn Nghiễm ông khen:” Bình luận tinh khiết, gọn đúng, được khen là danh bút. Đặc biệt trong từng phương diện khác nhau cách bình của Phan Huy Chú mang đặc trưng riêng, dưới đây là những nhận xét về các tác phẩm sử học:

Quốc triều tục biên của Lê Quý Đôn: “Theo thể biên niên từ Trang tông trung hưng đến Gia tông, tất cả 144 năm, chép việc kỹ lưỡng, bổ sung cho chỗ còn thiếu của sử cũ.”

Việt sử tiêu án của Ngô Thì Sĩ thì “ Sửa chữa những chỗ sai lầm của sử cũ, cách viết kỹ lưỡng”.

Lê triều thông sử của Lê Quý Đôn ông vừa khen “Sách này Lê Công kỹ lưỡng đầy đủ, đáng làm toàn sử cho muôn đời” nhưng ông cũng chê rằng: “Hiềm vì từ Trung hưng về sau khi chép còn thiếu công việc soạn thuật buổi đầu về bản triều, không thể không để chờ đợi người sau...”. Phải nói rằng trong lĩnh vực sử học Phan Huy Chú đã có cách nhìn nhận và đánh giá các tác phẩm sử theo từng tiêu chí nhất định, tạo nên một sự thống nhất khách quan trong quan niệm của người chép sử đó là tính chính xác và đầy đủ.

Trong quá trình sưu tầm biên khảo Phan Huy Chú còn thể hiện rõ mình là một nhà thơ, nhà nghiên cứu phê bình văn học. Các tác phẩm thơ văn ông biên soạn thường đưa ra lời bình của một người am hiểu văn chương, nêu lên được cái thần thái của tác phẩm chỉ bằng vài lời súc tích, dưới đây là một vài dẫn dụ:

Minh Tông thi tập: “Lời thơ hùng hồn, mạnh mẽ và phóng khoáng, không kém gì đời Thịnh Đường”

Giới Hiên thi tập- Nguyễn Trung Ngạn soạn, lời thơ phần nhiều hào mại phóng khoáng, có khí phách và cốt cách Đỗ Lăng. Những bài làm trong khi sang sứ Trung - Quốc, như các bài thơ luật *Động Đình hồ*, *Nhạc Dương lâu* Hùng Trưng dịch, Ung châu, bài nào lời thơ cũng mạnh mẽ, phóng khoáng khác thường.

Tiêu Ẩn thi tập : lời thơ nhàn nhã, tự nhiên, có thể thấy lý thú thanh cao của người ở ẩn.

Xuân vân thi tập: Lê Thánh Tông ngự chế , bài nào cũng có khí khái mạnh mẽ, lời ý bay bướm.

Úc Trai thi tập: Nguyễn Trãi soạn. “Lời thơ đều ôn nhã trung hậu làm danh gia ở thời Lê Sơ, lời đặt chỉ cần khí phách không cần chải chuốt.”

Nham Khê thi tập, Vương sư bá soạn. “Lời thơ xinh đẹp, tế nhị dồi dào, đại để có phong khí của họ Ôn, họ Lý.”

Băng Hồ ngọc hác tập của Trần Nguyên Đán : “Lòng lo đời thường thường thấy ở lời ngâm vịnh ...đại khái là cảm khái thời sự thân tuy về ẩn nhưng lòng không quên việc nước.”

La Sơn tiên sinh thi tập do Nguyễn Thiếp soạn “ Thơ đều tao nhã thanh thoát, lý thú thung dung, thực là lời nói của người có có đức, các tao nhân ngâm khách không thể sánh được.

Quế Đường thi tập của Lê Quý Đôn ông có bình rằng: “ Ông là người học vấn rộng khắp, hạ bút thành văn. Cách thơ đều trong sáng. Lời văn thì hồn nhiên như thiên thành. Không cần suy nghĩ mà trôi chảy dồi dào như sông dài bể rộng, không chỗ nào là không đạt đến. Thực là phong cách đại gia, những người làm văn phải thu xếp bày đặt, không thể so sánh được một phần.”

Tác phẩm *Ngọ Phong văn tập* của Ngô Thì Sĩ, ông có bình rằng: Cách điệu thơ bắt trước Bạch Cư Dị, đại để bình dị, chất phác chân thật. Đến khi tuổi già thơ lại càng bình dị...Ông về văn thì rất thần diệu, biến hóa, rộng rãi, phóng khoáng, lời hùng hồn, ý phiêu dạt, có thể theo kịp được các ông Âu Tô, nhưng về thơ thì hình như không phải sở trường của ông. Xưa có câu: *Cái nỏ sức cứng đến nghìn cân thì người khỏe đến đâu cũng khó lòng mà giương lên được lần nữa. Ý hẩn là thế chăng?* .

Lời bình thật tinh tế, mà sâu, thấy được thế mạnh của từng người như người thơ hay, người văn giỏi..., và cái tài là cách dùng từ ngữ khi bình luận

khuyến cho người đọc dù chưa đọc đến tác phẩm cũng cảm nhận được cái tinh tế và dư vị trong đó. Có thể nói, mỗi một tác phẩm, Phan Huy Chú đều đọc tương đối kỹ lưỡng và cảm nhận với tư cách người nghệ sĩ. Điều đặc biệt là ông đã phát hiện ra được những đặc trưng, phong cách riêng của từng tác giả, tìm được những cái hay, cái tài, qua lời thơ, ý văn mà có thể đoán biết được phong thái tính cách của họ. Thật là một điều tuyệt diệu, có lẽ ít ai có được khả năng này.

Là người làm việc có tư duy khoa học, khách quan, nên khi đánh giá nhận xét tác phẩm nào biên chép không rõ ràng hoặc sai lệch nhiều ông cũng không ngại gì đặt bút chê, ví dụ:

Tứ thư ngũ kinh toàn yếu của Nguyễn Huy Oánh “Lặt tất cả đọc bản của các danh gia, soạn những điều cốt yếu. Nhưng tựu chung sửa chữa thay đổi rất nhiều, thành ra xuyên tạc.”

Chu huấn toàn yếu của Phạm Nguyễn Du : “Đại khái phỏng theo các sách cận tư lục, lấy toàn bộ tập văn của Chu Văn Công , chia ra từng loại xếp thành từng mục, cộng hơn 600 điều”.

Càn nguyên thi tập là thơ của Trịnh Doanh và Trịnh Sâm sai Hàn Lâm là Phan Lê Phiên biên sắp, chia từng việc từng loại, tất cả hơn hai trăm bài thơ. Ở đây Phan Huy Chú có trích dẫn lời dâng sách của Lê Phiên, sau đó ở dưới ông có bình rằng: “Tám đời chúa Trịnh, trước chưa đời nào ham thích văn thơ. Đến Hy tổ [Trịnh Cương] và Dụ tổ [Trịnh Giang] tuy có ưa chuộng văn nghệ nhưng cũng chưa lưu ý đến thú ngâm vịnh. Đến Ân vương dụng công về việc làm thơ, làm đến vài trăm bài, cũng đáng gọi là một vị chúa hiền thích văn. Nhưng tập thơ này đặt tên là Càn nguyên cũng là tiếm lạm quá, thế mà các từ thần bầy giờ biên chép, lại tôn sùng rất mực như thực là thiên tử rồi, sự thế bầy giờ như thế nên phải như thế, có gì lạ đâu.”. Qua một số lời nhận xét, đánh giá của Phan Huy Chú chúng ta có thể cảm nhận một cách rất rõ ràng rằng phải là một người có kiến thức uyên thâm mới có thể đưa ra những lời nhận xét khách quan đến vậy. Đồng thời, cũng phải đọc một số

lượng lớn sách trong và ngoài nước nên khi nhận xét ông mới dẫn dụng được những tư liệu xác đáng, thể hiện kiến thức rộng lớn của một nhà bách khoa. Đây là một trong những ưu điểm được các nhà nghiên cứu đánh giá cao về ông.

Như vậy là khi nhận xét đánh giá, chỗ nào được hay chưa được, đầy đủ hay thiếu sót Phan Huy Chú đều đưa ra ý kiến tương đối chính xác, chỉ dẫn rõ ràng nội dung cũng như những nguồn tư liệu mà các sách có biên chép, điều này sẽ giúp cho người đọc nhìn nhận tác phẩm một cách toàn vẹn hơn. Bên cạnh việc nhận xét, đánh giá của mình Phan Huy Chú còn trích dẫn những lời phê bình nhận xét đánh giá của các học giả về các tác phẩm ví dụ như:

Việt sử cương mục do Hồ Tông Thốc soạn Ngô Sĩ Liên khen “Sách chép việc cẩn thận mà có phương pháp, bàn việc xác đáng mà không rườm rà nhưng sau bình luận sách ấy không còn”

Việt giám thông khảo đời Hồng Thuận do sử thần Vũ Quỳnh soạn, Lê Nại khen là qui mô đúng với kinh trù với sử.

Ngoài ra, những lời nhận xét đánh giá trong các bài tựa cũng được ông đưa vào như: *Lam Sơn thực lục* do Lê Thái Tổ ngự chế có đoạn: “ Ôi quyền *Lam Sơn thực lục* này không nói chuyện hoang đường như *Lĩnh Nam trích quái*, không chép những điều quái loạn như *Việt điện u linh tập*, chỉ thêm vào bớt đi cho đúng sự thực, để rõ chính thống và làm sáng tỏ đế nghiệp mà thôi. Sẽ thấy huân nghiệp của tổ tông tỏ rõ ở sách chép, công lao của tổ tông rực rỡ sử xanh, công ấy đức ấy chói lọi ngàn đời vậy.”

Bằng những lời khái quát ngắn gọn Phan Huy Chú cho chúng ta thấy được cái tinh thần chung nhất của tác phẩm, hơn nữa qua những lời lẽ của người đương thời nhận xét, đánh giá, càng giúp cho thế hệ sau nắm bắt được quan niệm cũng như khả năng văn chương của các bậc tiền bối.

Trong phần *thi văn* có một mảng quan trọng mà Phan Huy Chú đã không quên đưa vào đó là một số tập thơ, bài thơ bang giao. Thơ bang giao là

một loại thơ tương đối độc đáo, tạm thời được chia làm hai loại một là những bài thơ do các sử giả Việt Nam xướng họa với văn nhân Trung Quốc hoặc viết về những điều cảm xúc, tai nghe mắt thấy trong chuyến đi sứ, hai là những bài thơ chữ Hán do các vua chúa, quan chức và nhà thơ Việt Nam xướng họa với các sứ giả Trung Quốc sang sứ Việt Nam khi đón, tiễn họ. Nói tóm lại thơ bang giao là một hiện tượng văn học đặc biệt trong lịch sử văn học Việt Nam. Nó được nảy nở từ những thế kỷ thứ X cho đến thế kỷ thứ XIX. Nội dung đa dạng phong phú, khi thì biểu hiện tài ngoại giao và chiến lược hoạt động ngoại giao quyết tâm bảo vệ tổ quốc đồng thời cũng biểu thị tinh thần hòa bình, lòng mong muốn có quan hệ tốt đẹp với nước láng giềng. Có khi nó lại phản ánh tấm lòng yêu nước, nỗi nhớ nhà nhớ quê hương của các sứ thần trong những ngày trên đất khách quê người, những lời tâm sự của tác giả trước hiện thực xã hội mà họ chứng kiến...Có khi nó biểu hiện lòng tự hào dân tộc về nền văn minh, văn hóa cũng như lễ nghĩa của dân tộc Việt Nam. Nhìn chung là chỉ các mối quan hệ qua lại giữa các nước láng giềng đặc biệt là với Trung Quốc. Phan Huy Chú nhận thấy được những giá trị văn hóa mà cha ông để lại, đó là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Cũng như các tác phẩm văn học khác, ông đưa ra những thông tin về tác giả tác phẩm, và còn đưa ra tên tuổi các vị vua, hay những sứ thần đề tựa, ca ngợi ví dụ:

Phùng công thi tập của Phùng Khắc Khoan soạn, trong đó có bài Hiến thọ được vua nhà Minh rất khen ngợi có sứ Triều Tiên là Lý Viên Quang đề tựa.

Kinh Trai sứ tập do Phạm Ích Khiêm soạn. Khi đi sứ gặp điềm lạ “nhật nguyệt hợp bích” dâng thơ chúc tụng. Vua Thanh ban thưởng và khen ngợi vì thế quốc thể thêm trọng.

Liên châu thi tập của Lê Quý Đôn Phan Huy Chú có ghi: Khi đi sứ, cùng với chánh sứ là Trần Huy Bật và phó sứ là Trịnh Xuân Thụ cùng liên ngâm với nhau và thay nhau xướng họa, tất cả được hơn bốn trăm bài. Trong đó có những bài cùng với các quan người Trung Quốc và sứ bộ Triều Tiên là

trạng nguyên Hồng Khải Hi đề tựa, thể văn thanh cao cổ kính, bình luận thơ của ba ông rất là xác đáng.”

Không chỉ dừng lại những tập thơ với những lời trích dẫn hay những lời tựa, lời đề bạt mà ông còn trích dẫn cả những bài thơ trong một số tập thơ đó như tập *Sứ hoa tùng vịnh* của Nguyễn Tông Khuê, sau khi giới thiệu tác giả và lời xét, ông viết: “Tập này làm khi đi sứ. Lời thơ đều điều luyện mới mẻ, đáng ưa”. Sau đó trích nguyên một số bài như *Chiều ngắm cảnh Tiêu Tương, Hồ Động – Đình*, có khi chỉ trích vài câu như:

Nghiêm cổ xao tàn thiên lĩnh nguyệt

Chinh phu ngạo tận ngũ canh sương

[Dịch]

Trông nghiêm khua tàn trăng trên nghìn đèo núi

Chinh phu dầm sương suốt năm canh

(*Đêm Lạng Sơn*)

Âm tàn giang quốc thiên ba nguyệt

Ngâm động tinh hà ngũ dạ thiên

[Dịch]

Uống tàn bóng nguyệt trong nghìn sóng

Ngâm động sông Ngân suốt cả đêm

(*Qua bến Thái Thạch nhớ Lý Bạch*)

Bên dưới chép “Tập thượng tập hạ đều có người Trung Quốc đề tựa và bạt để phê bình.” Đồng nghĩa với việc ghi chép này, Phan Huy Chú đã khẳng định tài năng, giá trị văn học của các bậc tiền bối trước con mắt cảm nhận của những người nước ngoài khi đọc thơ văn nước mình.

Sự biên chép, trích dẫn cùng những lời bình, lời nhận xét về thơ bang giao, hay còn gọi là thơ đi sứ là một mảng quan trọng góp phần tạo nên sự phong phú về thơ văn của nước ta. Bên cạnh việc nhận xét đánh giá, Phan Huy Chú còn trích dẫn những lời tựa để thay cho lời bình luận của mình. Đối với tập thơ bị mất, hay thất lạc ông thường chép những bài còn sót lại như *Bài thơ gửi cho nhà sư ở am Thanh Phong* của Trần Thái Tông.

Phiên âm:

Phong đả tùng quan nguyệt chiếu đình

Tâm kỳ phong cảnh cộng thê thanh

Cá trung tư vị vô nhân thức

Phó dữ sơn tăng lạc đảo minh

Dịch nghĩa:

Gió đập cửa tùng trăng chiếu sân

Lòng hện với phong cảnh cùng mát trong.

Thú vị trong ấy không ai biết

Để cho nhà sư vui suốt đêm.

Cùng lời nhận xét “lời thơ thanh nhã đáng đọc”. Đây là thơ của một vị vua nhưng cuộc đời lại gắn liền với cửa Phật, vì thế khi đọc lên ta cảm được một nét gì đó rất riêng. Tác giả biên soạn đã nhận ra điều ấy trong những dòng thơ của người *ẩn cư* một sự thanh tao, nhã nhặn.

Trong *Tiết Trai thi tập* (Lê Thiệu Đĩnh soạn). Phan Huy Chú có trích bài *Sơn tự*:

Hiểu khóa cao sơn thứ nhất đặng

Thứ môn la tiết nhiếp tầng tầng

Bạch văn già đoạn bất kiến tự

Ngo phạm sở thanh tri hữu tăng

Dịch:

Sớm trèo núi cao lên chùa một chuyến

Tay vói dây leo tầng này tầng kia

Mây trắng che lớp không thấy chùa

Nghe tiếng mõ mới biết có sãi

Bài *Lên núi Dục Thúy*

Phiên âm:

Tam triết lưu biên Dục Thúy sơn

Cô cao như trước, ngọc phong hàn

*Tâm lai phé tự lãng phong thượng
Lãm tận haong bi đỏi minh hoàn
Xuyên mặt khước nghi thiên địa tiếu
Đặng cao đốn giác thủy vân khoan
Sơn quang bất cải hôn như tạc
Hồi thủ anh hùng nhất mộng gian*
Dịch:

Núi Dục Thúy bên dòng sông ba khúc
Cao đột ngọt như đẽo, ngọn ngọc lạnh lùng
Tìm đến chùa hoang đờ gió mà lên
Xem hết bia tàn, lúc về trời tối
Lòn hang những tưởng trời đất nhỏ
Lên cao thấy nước mây mênh mông
Cảnh núi non vẫn nguyên như trước
Tưởng lại anh hùng, giấc chiêm bao.

Còn *Ức Trai thi tập* của Nguyễn Trãi, ông viết: “Lời thơ đều ôn nhã trung hậu, làm danh gia ở thời Lê Sơ. Lời đặt chỉ cần khí phách, không cần chải chuốt,” và trích:

*Vũ trụ nhãn cùng thương hải ngoại
Tiếu đàm nhân tại bích vân trung*
(Vũ trụ nhìn cùng ngoài biển cả,
Nói cười ngồi lững giữa mây xanh.)
(*Lên núi Yên Tử*)
*Giang sơn như tạc anh hùng thế
Kim cổ không cùng sự biến đa*
(Giang sơn như cũ anh hùng mất
Kim cổ không cùng sự biến nhiều)
(*Cửa biển Thần Phù*)

*Cố viên quy mộng tam canh vũ
Lữ xá ngâm hoài tứ bách trùng
(Mộng về vườn cũ đêm mưa vắng
Quán trọ kêu sâu bốn vách trùng)
(Gửi bạn)*

Ông bình: “*Tình tứ thấm thía, đủ là tay giỏi, không thể đem từng chữ từng câu ra bàn được.*” Những lời bình của Phan Huy Chú thật “đắt” khiến cho người đọc cảm nhận được cái thần thái của từng nhà thơ, ông thực sự đã cảm nhận được ý tứ sâu sắc chứa ẩn trong từng câu, từng chữ của các bậc tiền bối. Và cũng phải có tài mới có thể viết ra được những lời bình ngắn gọn mà xúc tích đến vậy.

Khi đưa ra những dẫn dụ Phan Huy Chú thường có chú dẫn để nói rõ nguồn gốc của nó, nếu tham khảo sách trong nước hay của Trung Quốc cũng nói rõ. Mục *Phàm lệ* ông viết: “Các sách của Trung Quốc dẫn chứng vào thì có các bộ như *Chu Lễ, Hai mươi một bộ sử, Văn hiến thông khảo, Đại Hạ diễn nghĩa, Đại Thanh hình luật*. Còn sự dẫn dụng sử sách của nước ta thì mục lục đã chép đủ ở *Văn tịch chí* rồi không kể lại thêm thừa”. Khi bình luận ông luôn chú trọng đến những ý kiến của những người đi trước, tìm hiểu thêm ở họ những kiến thức cũng như cách nhìn nhận, tư tưởng để sao cho những lời nhận xét và bình luận chuẩn xác mà không sai lệch. Cũng trong mục *Phàm lệ* ông khẳng định “Sự biên chép ở sách này từ thượng cổ, xuống đến cuối [Hậu] Lê chứng dẫn đều có điển tích. Về các sử thần bàn luận có phát minh được điều gì đều chép vào để xem. Nếu có chỗ nào phải hay trái nên đính chính lại thì tôi lấy ý riêng để cân nhắc, biện luận ở dưới rồi nêu lên một chữ “án” lên đầu để phân biệt. Đó là vì đắn đo sự lý tìm đến lẽ phải, không dám chê bai xằng bậy” [16, tr.22]. Như vậy, Phan Huy Chú không đơn thuần chỉ là biên chép lại theo cách thông thường mà ông đã dùng một tư duy khoa học và phương pháp làm việc nghiêm túc, để biên soạn tác phẩm.

Trở lại với những điều vừa trình bày trên, Phan Huy Chú không chỉ để lại cho chúng ta những kiến thức quan trọng về văn chương mà với một số lượng hơn 200 đầu sách cùng những bài tựa, bài thơ, câu thơ được trích dẫn, cùng những lời đánh giá nhận xét ông thực sự đã để lại cho chúng ta một khối lượng tư liệu lớn, một bản thư mục tương đối đầy đủ về thơ văn của các đời. Trong khi tình hình văn bản đặc biệt là văn bản chữ Hán bị thất lạc và nhiều dị bản thì đây là một trong những giá trị mà chúng ta không thể phủ nhận. Điều ấy cho thấy, tài năng lẫn công phu của một nhà biên soạn lịch sử, đó là cả một quá trình làm việc, lao động vất vả kéo dài trong suốt một thập kỷ. Thành quả của cá nhân ông cũng chính là thành quả của cả một dân tộc trải qua bao nhiêu năm đều được tích tụ và lưu giữ trong những áng văn chương. Phải nói rằng *Văn tịch chí* thực sự là một bộ phận quan trọng trong tác phẩm. Nó là nguồn tư liệu vô cùng quý giá cho mọi thế hệ. Có thể coi đó là một trong những cuốn sơ lược lịch sử văn học Việt Nam, bởi đã bao quát được hầu hết những tác phẩm thơ văn, của nhiều thế hệ khác nhau, kéo dài trong nhiều thế kỷ.

Ở đây chúng ta cũng phải mở rộng và nói thêm đến một mặt khác, trong cuốn *Lịch triều hiến chương loại chí* có một *chí* mà không thể bỏ qua bởi nó cũng góp phần khẳng định thêm sự đa dạng và phong phú nền văn học dân tộc đó là *Nhân vật chí*, một trong những chí tương đối quan trọng của tác phẩm. Phan Huy Chú không chỉ cung cấp cho người đọc về những nhân vật tài giỏi, những bậc danh thần nổi tiếng, những tài năng được lưu truyền trong sử sách mà cùng với việc biên chép và trích dẫn những tác phẩm của họ ông đã cung cấp thêm cho độc giả một nguồn tư liệu văn học vô cùng quý giá đó là những đoạn trích dẫn văn thơ của chính những nhân vật ông giới thiệu, hoặc liên quan đến nhân vật ấy. Các bài thơ, đoạn văn nội dung cũng rất đa dạng, phong phú, chứa chất nhiều tâm sự của các nhà nho. Đó là những bài thơ nói tâm sự chí hướng như thơ của Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Trung Ngạn, đó là những đoạn thơ văn thể hiện ý chí sáng suốt, dự đoán được cả hướng xoay

chuyên của thời cục như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Huy Cận, hay những vần thơ, bài ca dao phê phán, ca ngợi, có khi lại là những vần thơ câu văn biểu dương đức hạnh sự nghiệp của các nhân vật...

Phan Huy Chú khen Phạm Sư Mạnh : “*Ông có tài chí hùng hơn hơn người, nguồn thơ lai láng, đi khắp muôn dặm non sông đi đến đâu cũng ngâm đề khắc để lại, lời đều hào hùng thanh thoát đáng đọc.*”, có khi vừa khen vừa trích những câu thơ như đối với Phạm Tông Mại: “Thơ ông thanh thoát, bay bướm, có thú thanh cao” và chép hai câu thơ ghi là *Đề ở chỗ ẩn cư*:

Đào lệnh quy tâm đới tùng cúc

Thiếu Lãng ngâm hứng động giang san

(Lòng muốn về của Đào Tiềm ảnh hưởng đến cả tùng cúc

Còn hứng của Đỗ Phủ ngâm lên động đến giang sơn)

Sau mỗi triều đại Phan Huy Chú đều có những lời “án” để nhận xét tài năng cũng như công trạng của các nhân vật chẳng hạn ở triều Lê: “*Các người phò tá buổi đầu nhà Lê, có huân nghiệp, có văn chương thì ông Ước Trai (Nguyễn Trãi) là hơn cả...*”. Có khi ông lại chép thơ của một số tác giả mừng các nhân vật ví như Băng Hồ Trần Nguyên Đán làm thơ mừng Chu Văn An không làm chức tư nghiệp.

Học hải hồi lan tục tái thuần,

Thượng tường Sơn Đẩu đắc tư nhân,

Cùng kinh bác sử công phu đại,

Kính lão sùng nho chính hoá tân

Bố miệt mang hài qui Hán nhật

Thương đâu lạnh phát dục Nghi xuân

Huân hoa chỉ thị thùy y trị

Tranh đắc Sào, Do tác nội thân

Dịch

(Làm quay trở lại làn song của bể học, để phong tục lại thuần hậu

Nhà Quốc học được ông làm bậc thầy như núi Thái Sơn, như sao Bắc Đẩu.
Học rộng khắp cả kinh sử là công phu lớn của ông
Kính người già, chuộng đạo nho là chính hoá mới của nhà vua
Ngày mà người mang bít tất vải, dép cỏ về với nhà Hán
Lúc mà bậc tuổi giắt cái đạo đức của Khổng Tử ở sông Nghi
Nghiêu Thuấn chỉ là rủ áo để trị thiên hạ
Khó bắt được Sào Phủ, Hứa Do làm bề tôi cho mình).

Phan Huy Chú còn biên chép toàn vẹn một số tác phẩm nổi tiếng của những nhân vật có tài văn như bài *Phú chùa Phi Lai* của Nguyễn Đăng, hay *Phú trách ma nghèo* của Ngô Thì Sĩ ... Bên cạnh việc biên chép thơ văn tác giả còn trích dẫn những bài sớ bài khải khuyên ngăn bậc vua chúa, quan chức... của những công thần có lòng trung trực kiên nghị (*Sớ Giáp Hải, Sớ Trần Văn Bảo, Khải Lưu Bật Tứ, Khải Lưu Đình Chất...*) Có thể nói trong điều kiện về ấn loát cũng như sự hạn chế về việc lưu truyền thì những tác phẩm được sưu tầm trong *Nhân vật chí* đã trở thành một trong những tài liệu quan trọng cho chúng ta học hỏi và nghiên cứu. Đồng thời nó góp phần làm phong phú thêm, đa dạng thêm nguồn thư tịch văn sử học của dân tộc.

Tóm lại với *Văn tịch chí*, Phan Huy Chú đã có một cống hiến vô cùng to lớn trong lĩnh vực nghiên cứu văn sử học về mặt phương pháp, tư duy, cũng như về nội dung tư tưởng và hàm lượng thông tin khoa học. Không chỉ dừng lại ở việc miêu tả liệt kê theo cách thông thường như những người khác, mà quan trọng hơn ông đã đưa ra lời nhận xét đánh giá, đính chính, sửa chữa những lỗi sai. Đó là những suy nghĩ, tài năng của một con người uyên bác, có tâm huyết, có trách nhiệm với ngòi bút của mình trước lịch sử. Chúng tôi cho rằng những gì Phan Huy Chú làm được thực sự là những đóng góp vô cùng to lớn cho nền văn học sử nước nhà.

Tiểu kết:

Có thể nói trước Phan Huy Chú không xa trong tư duy phân loại của các học giả thì thể loại được xếp vào loại *truyện ký* đó chính là các bộ sử và ký sự lịch sử ngoài ra còn một loại ký khác nữa nhưng về cơ bản nó vẫn là hình thức ghi chép việc thực, người thực. Đến Phan Huy Chú tình hình có biến chuyển hơn. Điểm mới trong tư duy phân loại của ông là *đã chia ra một loại mới – loại kinh sử và nhờ phạm trù này, ông đã hợp lý hơn khi phân biệt danh giới giữa sách kinh sử và truyện ký* [65, tr. 67]. Ở một góc độ khác, tuy Phan Huy Chú không coi *phương kỹ* là một loại chính trong hệ thống phân loại của mình, nhưng dù sao ông cũng đã *mặc nhận coi đó là một loại sách độc lập với các loại kia*. [65, tr 67]. Như vậy là so với khung phân loại chung đặc biệt là với Lê Quý Đôn thì ông đã học tập và kế thừa, nhưng điểm khác là ông đã tạo ra được một vài cái mới về hình thức trong cách sắp xếp và phân loại thư tịch của mình mà không quá lệ thuộc vào người đi trước.

Khung phân loại của hai người có sự thiên lệch giữa số lượng tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm mặc dù ở thời kỳ này cả văn xuôi lẫn thơ chữ Nôm rất phát triển. Nhưng ở *Văn tịch chí* và *Nghệ văn chí* hầu như là *vắng bóng* những tác phẩm này. Ngay cả tập thơ nổi tiếng *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi có từ thế kỷ 15 cũng không được xếp vào, mặc dù trong phần *Thi văn* cũng như trong *Nhân vật chí* Phan Huy Chú đánh giá cao về tác giả này.

Thời kỳ thế kỷ 18 đầu 19 là một thời kỳ nở rộ về sự phát triển văn sử học, với một khối lượng sách tương đối lớn mà Phan Huy Chú bổ sung chủ yếu là của giai đoạn này cho thấy không phải cứ thời bình thì văn hoá văn học mới phát triển mạnh, gặt hái được những thành tựu lớn.

Trong khuôn khổ của một nền lý luận phê bình chưa phát triển thì với những gì Phan Huy Chú làm được trong tác phẩm đặc biệt trong *Văn tịch chí* quả là những đóng góp không nhỏ cho sự ra đời của lý luận phê bình văn học sau này.

Phan Huy Chú có những mặt phát triển vượt trội so với nhiều người đương thời. Tuy nhiên là một nhà nho ông cũng chịu ảnh hưởng và bị chi phối bởi những quan niệm truyền thống như *Văn sử triết bất phân*, hay coi trọng chữ Hán hơn chữ Nôm (chữ Nôm trong con mắt của các nhà nho trong suốt nhiều thế kỷ chưa thực sự có địa vị chính yếu), một trong những nguyên nhân đó là do *Tâm lý tiếp nhận* và *Tâm lý sáng tạo* trước ảnh hưởng của cả một hệ thống thể loại lẫn văn tự Hán – mà trong tiềm thức của họ thì nền văn học Hán thực sự vĩ đại so với nền văn học chưa mấy trưởng thành, do vậy việc coi các thể loại văn chương chữ Hán hơn chữ Nôm cũng là một điều dễ hiểu. Hơn nữa với những chuẩn mực sẵn có, họ chỉ cố sao để theo kịp tài thơ văn của cổ nhân đã được định danh. Tuy nhiên về sau những yếu tố này đã có sự thay đổi trong cảm hứng sáng tạo của các nhà nho Việt Nam trong các sáng tác bằng Chữ Nôm)... Do đó Phan Huy Chú cũng không tránh khỏi những hạn chế trên.

CHƯƠNG 3: SÁNG TÁC THƠ VĂN CỦA PHAN HUY CHÚ.

3.1 Vài nét về dòng văn Phan Huy.

Như đã nói, Dòng họ Phan Huy có nguồn gốc từ Thạch Châu, Thạch Hà, Nghệ Tĩnh. Sau di chuyển ra Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Tây, nay là Hà Nội. Người đầu tiên “khai khoa” cho dòng họ Phan ở Sài Sơn là Phan Huy Cận ông nội của Phan Huy Chú. Đỗ tiến sĩ năm 1759 làm quan dưới thời vua Lê, ông có nhiều đóng góp cho triều đình và cho đất nước. Con cháu của Phan Huy Cận không ngừng tiếp nối cha ông làm cho dòng họ Phan Huy ở Sài Sơn trở thành một dòng văn nổi tiếng.

Sài Sơn là vùng đất cách Kinh thành Thăng Long không xa, nơi đây có núi non hùng vĩ, có cảnh đẹp, cùng những di tích cổ, cuộc sống người dân vốn yên bình, là nơi mà các tác giả họ Phan cảm thấy được sự yên tĩnh để nghiên cứu và sáng tác nhưng vẫn giữ được mối dây liên hệ với bạn bè làng thơ nơi Kinh thành Thăng Long.

Dòng văn này được hình thành và phát triển đến từ cuối Lê, Tây Sơn và đến đầu Nguyễn. tức là khoảng cuối thế kỷ XVIII - đầu XIX, gồm có những tác giả tiêu biểu như Phan Huy Ích, Phan Huy Ôn, Phan Huy Sảng, Phan Huy Quynh, Phan Huy Thực, Phan Huy Chú. ...Như đã biết một dòng họ được hình thành và phát triển bao giờ các thành viên trong gia đình cũng có ý thức bảo vệ và phát huy truyền thống của gia đình và dòng tộc mình. Người đỗ đạt cao nhất họ hoặc một nhà nho có uy tín nhất trong vùng thường là chỗ dựa và là niềm tự hào của dòng tộc, và những người trong gia đình tiêu biểu của dòng họ đều có ý thức rằng mỗi việc làm của họ hoặc mang lại vinh hạnh cho cả dòng tộc, cả làng xã hoặc ngược lại. Chính vì thế chúng ta cũng dễ hiểu vì sao trong các gia tộc lớn, các thành viên thường có gắng bảo vệ và phát huy danh tiếng của dòng tộc mình. Dòng văn Phan Huy cũng như những dòng họ lớn khác luôn tạo lập cho mình một *mảnh đất riêng* để khẳng định mình.

Người mở đầu cho dòng họ là Phan Huy Cận nhưng mở đầu cho dòng văn này là Phan Huy Ích (con Phan Huy Cận). Con đường sự nghiệp cũng như văn chương của ông gắn liền với triều Tây Sơn - Một triều đại đã làm thay đổi cuộc đời nhà nho sống trong bối cảnh xã hội có sự biến động lớn . Được sự trọng dụng của Quang Trung, Phan Huy Ích “thả sức” cống hiến cho triều đại và văn hoá của dân tộc. Ngoài các tác phẩm hành chính thì ông còn có những tác phẩm như: *Dụ Am văn tập*, *Dụ Am ngâm lục*, *Lịch triều điển cố*, *Chinh phụ ngâm diễn âm khúc*. Thơ văn của Phan Huy Ích thường gắn với những sự kiện trong cuộc đời của ông và trong mỗi bài đều thể hiện tâm tư tình cảm lẫn những suy nghĩ của mình về những sự kiện ấy . Điều này cũng tạo nên sự đa dạng và nét độc đáo riêng trong lĩnh vực nghệ thuật của nhà nho này.

Phan Huy Ôn là em của Phan Huy Ích thi đỗ tiến sĩ, làm quan dưới triều Lê. Ông cũng có nhiều đóng góp trong lĩnh vực khoa học khác nhau như toán học, văn sử học tác phẩm của ông gồm *Liệt truyện đặng khoa lục*, *Khoa bảng tiêu kỳ*, *Nghệ An tạp ký*, *Thần quật ký* và *Chỉ minh lập thành toán pháp*.

Phan Huy Sáng, thi đỗ hương cống và thi hội trúng tam trường ông có tác phẩm *Tu bổ liệt huyện đặng khoa khảo*.

Trên là những tác giả tiêu biểu thuộc hàng con của Phan Huy Cận. Hàng cháu của ông cũng tiếp nối truyền thống cha ông không ngừng đóng góp và làm phong phú thêm cho dòng văn của gia đình.

Phan Huy Quýnh (con Phan Huy Ích) không tham gia thi cử chỉ ở nhà dạy học nhưng ông đã viết một số tác phẩm: *Lịch đại điển yếu*, *Kinh sử toát yếu*, *Phan gia thế phả*.

Phan Huy Thực (em Phan Huy Quýnh) trước bối cảnh biến động đó là lúc triều Tây Sơn suy sụp triều Nguyễn lên thay, nên ẩn dật ở quê nhà một thời gian, đến năm 1913 nhờ Phan Huy Đăng tiến cử ông đã ra làm quan cho triều Nguyễn, và được cử làm phó sứ sang Trung Quốc... Là một người có tài năng âm nhạc và định ra điển lễ, Minh Mệnh từng khen: “ Văn học mạc như

Quyền, chính sự mạc như Phiên, quốc gia điển lễ tắc phi Phan Huy Thực bất khả” (Văn học không ai bằng Hà Tông Quyền, chính sự không ai bằng Hà Duy Phiên, còn điển lễ quốc gia nếu không có Phan Huy Thực thì không ai làm nổi.) [29, tr.245-246] Về văn chương thì Phan Huy Thực là người “nổi danh”. Cao Bá Quát từng viết trong một bài phú làm tặng Phan Huy Thực khi về hưu ở Sài Sơn (Phan thượng thư qui Sài nham phú) rằng:“...*Khuê nhạc danh công, văn chương thế mỹ...*” Có nghĩa là (Văn chương làm đẹp cho đời / Thụy Khê đất núi có người nổi danh.) Trong lời bạt viết trong *Sứ trình tập vịnh* Phan Huy Chú viết: “Thơ của ông anh tôi tình cảm lâm ly, làm ra trong lúc ngắm nhìn sông khói, trên đầm Vân Mộng, trên sông Hán, sông Tương, cảnh sắc của lầu Hoàng Hạc, Lầu Nhạc Dương, cùng với các dấu tích đẹp của cảnh hưng phế ở đất Trung Hoa và chỗ du thắng phồn lệ ở Yên Kinh, ngọn bút miêu tả những cảnh vật ấy cứ hiện lên trước mắt vậy...” Phan Huy Thực kế thừa lối thơ *kỷ sự* của Phan Huy Ích do đó thơ của ông chứa nhiều sự kiện của cuộc sống gắn liền với cuộc đời của mình. Đây cũng là một trong những đặc điểm nổi bật trong thơ của dòng họ này. Phan Huy Thực có cả tác phẩm chữ Nôm và chữ Hán như: *Sứ trình tập vịnh, Khuê nhạc thi văn, Nhân ảnh vấn đáp, Nhân nguyệt vấn đáp, Bản nữ than*. Tiêu biểu là bản dịch *Tì bà hành* ra chữ Nôm ta mới thấy cái tài về thơ Nôm của ông.

Người làm rạng danh cho dòng họ Phan Huy đó chính là Phan Huy Chú tuy chỉ đỗ tú tài ở hai lần thử nghiệm nơi trường ốc nhưng trong mảng văn chương trước thuật thì ông lại là người có đóng góp lớn nhất cho dòng văn Phan Huy. Ông không chỉ là nhà bác học lỗi lạc với tác phẩm *Lịch triều hiến chương loại chí* mà còn là tác giả của nhiều tác phẩm có giá trị khác như: *Hoa thiều ngâm lục, Hoa thiều tục ngâm, Hoàng Việt du địa chí, Dương trình ký kiến...* Có thể nói, đỉnh cao của dòng văn này chính là Phan Huy Chú. Bởi ông không chỉ để lại những tác phẩm thơ văn mà ông còn để lại cho đời một bộ bách khoa toàn thư có giá trị vô cùng to lớn đối với nền văn hoá, văn học của dân tộc. Ngoài ra dòng họ Phan Huy vẫn tiếp tục phát triển và có những

nhân vật ở các thế hệ sau tiếp nối truyền thống văn hóa, văn học của dòng tộc với các tên tuổi như Phan Huy Tùng , Phan Huy Quát (1911- 1979), Phan Huy Lê... Tuy nhiên trong phạm vi cụ thể chúng tôi chủ yếu nhấn mạnh về những người trong dòng họ Phan trong khoảng ba đời là từ Phan Huy Cận đến Phan Huy Chú.

Về cơ bản một số tác giả của dòng văn Phan Huy có tham gia làm chính trị các triều, đặc biệt là các hoạt động bang giao ví dụ như Phan Huy Ích, Phan Huy Vịnh, Phan Huy Chú. Trong quá trình đi sứ họ hay làm thơ, mà điểm nổi bật của các tập thơ này lại là lối *thơ nhật ký*. Trong thơ thường ghi lại những công việc hàng ngày, những sự kiện, hoặc những tiêu dẫn về sự ra đời của bài thơ...đó là những tư liệu quý báu giúp người đọc hiểu thêm về tác giả, tác phẩm, cũng như một số sự kiện một cách chính xác. Đặc điểm này thể hiện rất rõ nét trong thơ của Phan Huy Chú, tiêu biểu nhất là trong các tập thơ được làm trong những lần đi sứ của ông.

Thơ văn của dòng họ bên cạnh những tác phẩm chữ Hán, thì một số tác giả của dòng văn này đã sáng tác một số lượng lớn các tác phẩm chữ Nôm. Đặc biệt là Phan Huy Ích và Phan Huy Thực, những cây bút thơ Nôm tiêu biểu của dòng họ. Sáng tác của Phan Huy Ích ngoài những bài thơ và chiếu biểu bằng chữ Nôm trong *Dụ Am văn tập* và *Vân du tùy bút* ông có rất nhiều những bài văn tế bằng chữ Nôm như *Văn tế vợ* (1793) và một chùm gồm 5 bài văn tế khi Ngọc Hân qua đời (1799), *Văn tế các tướng sĩ* (1802). Phan Huy Thực có một số thơ chữ Nôm như: *Nhân ảnh vấn đáp*, viết theo thể lục bát gồm 190 câu còn *Nhân nguyệt vấn đáp* viết theo thể song thất lục bát dài 60 câu, được làm trong thời gian giữ chức Hàn lâm trong Kinh, và ông còn là dịch giả của tác phẩm *Tì bà hành* ra chữ Nôm.

Có thể nói văn viết bằng chữ Nôm được một số người trong dòng văn Phan Huy rất chú ý. Điều này thấy được phần nào sự phát triển của văn học chữ Nôm trong giai đoạn này. Nhưng ở một khía cạnh khác chúng ta cũng cần hiểu thêm, văn Nôm nhận được sự “tiếp đón” tương đối “nhiệt tình” vào

sáng tác của một số người trong dòng họ Phan cũng là có nguyên do riêng. Phải chăng nó có mối dây liên hệ với cội nguồn của dòng họ này? Theo Phan Huy Lê [29, tr.176-177] thì tổ tông của Phan Huy Cận vốn làm nghề xướng ca mà theo luật thì những con nhà làm nghề này không được tham gia thi cử, nhưng nhờ thế lực của mấy người cung tần của Chúa Trịnh nên Phan Huy Cận đã được đi thi, đỗ đạt làm quan, lập nên một dòng họ nổi danh của đất Sài Sơn. Truyền thống ca xướng của dòng họ ít nhiều ảnh hưởng đến truyền thống thơ Nôm của những nhà thơ này.

Tóm lại, dòng văn Phan Huy là một trong những dòng văn lớn của dân tộc được hình thành và phát triển qua nhiều thế hệ và dưới những triều đại khác nhau, mỗi tác giả trong dòng văn có những đóng góp ở những mặt khác nhau nhưng giữa họ vẫn có được những điểm chung đó là mạch ngầm nghệ thuật ẩn chứa bên trong, tạo nên những đặc trưng riêng so với những dòng văn đương thời như dòng văn họ Ngô Thì, dòng văn họ Nguyễn Tiên Điền. Do đó tìm hiểu qua về vấn đề này giúp chúng ta hiểu rõ hơn sự tiếp nối và ảnh hưởng của dòng họ đối với sáng tác của Phan Huy Chú.

3.2 Giá trị văn học trong sự nghiệp sáng tác của Phan Huy Chú.

3.2.1 Quan niệm sáng tác thơ văn của Phan Huy Chú

Như đã biết, quan niệm về thơ văn đã được hình thành cách chúng ta khá lâu, ngay từ thời Khổng Tử đã xuất hiện và ảnh hưởng sâu đậm đến các nhà nho không chỉ ở Trung Quốc mà ngay cả những nhà nho Việt Nam. Văn có nghĩa rất rộng nó bao gồm rất nhiều lĩnh vực khác nhau như kinh học, sử học, luân lý, triết học... Hơn nữa đối với các nhà nho thì văn luôn là một công cụ dùng để giáo hóa, và nó gắn liền với đạo lý, “*Văn dĩ tải đạo*”, “*Thi dĩ ngôn chí*” là hai mệnh đề chủ đạo để các họ sáng tác văn chương, và quan niệm này đã ảnh hưởng rất sâu đậm trong các nhà nho Việt Nam trong nhiều thế kỷ.

Một số quan niệm của những người đã từng viết thành tuyển tập thơ

văn như Phan Phu Tiên khi viết tựa cho *Việt âm thi tập* cho rằng: “Trong lòng có chí hướng gì ắt thể hiện ra lời nói, cho nên thơ là để nói lên cái chí của mình. Lời xướng họa giữa vua tôi đời Đường – Ngu và câu ca dao dân gian thời Liệt quốc, mặc dù trong đó dấu vết thời thịnh trị và loạn lạc không giống nhau, nhưng xúc cảm phát ra từ trong lòng thì là một” [12, tr.810]. Như vậy với quan niệm trên thì thơ không nằm ngoài phạm trù *thi dĩ ngôn chí*, tức thơ là để nói lên chí hướng của thi nhân, mà nó lại được phát ra bởi cảm xúc ở trong lòng. Còn Nguyễn Bình Khiêm trong lời tựa *Bạch Vân Am thi tập* thì có viết : “*Ôi nói tâm là nói tới cái chỗ chí đạt tới vậy, mà thơ là để nói chí*”. Phùng Khắc Khoan đã dùng hai chữ *Ngôn chí* để đặt tên cho tập thơ của mình. Hoàng Đức Lương trong lời tựa *Trích diễm thi tập* có viết: “...Sắc đẹp của thơ lại ở ngoài mọi sắc đẹp, mắt thường không thấy được; cũng vậy vị ngon của thơ lại ở ngoài mọi vị ngon, miệng thường không nếm thấy. Chỉ có thi nhân mới có thể nếm thấy được sắc đẹp đó, nếm được vị ngon đó”. [19, tr.810] Như vậy thì với ông thơ là sắc đẹp mà sắc đẹp này không giống với những vẻ đẹp bình thường khác, hơn nữa không phải người nào cũng thưởng thức và cảm thụ được cái đẹp đó, chỉ có một loại người đặc biệt mới “thấy” và “nếm” được đó là “thi nhân”. Bậc thi nhân vừa là người sáng tác lại cũng là người thưởng thức vẻ đẹp của thơ...Nói tóm lại theo suốt dọc mấy thế kỷ quan niệm *thi dĩ ngôn chí* vẫn như một dòng nối gắn liền với quan niệm của các nhà thơ nhà văn. Cho đến Phan Huy Chú thì quan niệm này cũng không tách ra khỏi tư tưởng của mình. Ông từng coi (những sáng tác thơ văn) là *lời ký thác tâm sự của các bậc tao nhân cơ khách*. Nhưng điểm khác so với các bậc tiền bối là việc phân biệt giữa *trước thuật* (biên khảo sưu tầm) và (ngâm vịnh) sáng tác văn chương, được thể hiện trong bài tựa *Quế đường thi tập* mới tìm thấy gần đây...

Như vậy có thể thấy rằng trước Phan Huy Chú một số những tác giả của các tuyển tập văn vẫn còn giữ những quan niệm về văn mang tính truyền thống. Đến Phan Huy Chú thì quan niệm văn chương mặc dù vẫn bị ảnh

hưởng ít nhiều của quan niệm văn học truyền thống nhưng về cơ bản đã có những nét mới khác biệt và mang chiều hướng tiến bộ. Đó là ông đã phân biệt rõ ràng giữa thể nào là văn sáng tác và thể nào là trước thuật. Điều này khẳng định tư tưởng cũng như tư duy phân loại của Phan Huy Chú.

Có thể nói, trong thời kỳ trung đại *tư duy lý thuyết chưa thực sự phát triển*, những luận điểm lý luận cũng chưa thực sự phát triển, mà những luận điểm lý luận thường được bộc lộ qua việc phê bình cụ thể, điều đó giải thích tại sao để tìm hiểu quan niệm văn học của một cá nhân nào đó trong giai đoạn này chúng ta phải quan tâm và tìm hiểu đến những bài tựa, bài bạt, bài dẫn, hay những lời phát biểu được xen kẽ trong các tác phẩm của họ. Để hiểu thêm về quan niệm văn chương của Phan Huy Chú chúng tôi cũng không loại trừ yếu tố này, bởi qua bài tựa tư tưởng quan niệm của nhà văn, nhà thơ thường được bộc lộ ở đó.

Trong *Quế đường thi tập* Phan Huy Chú đã viết lời tựa rằng: “Văn chương cổ nhân thường chia làm hai lối mà người ta vẫn lo ít ai có tài kiêm được cả hai, người có cái học chuyên về trước thuật thì phần lớn kém ở lời văn hoa mỹ, trái lại người có tài ngâm vịnh thì nói chung lại thiếu sự uyên bác. Có tài kiêm được cả hai phương diện ấy thật khó lắm thay.

Bởi vì các nhà trước thuật muốn bắt nguồn từ thể Kinh Thư Xuân Thu mà ra, cô đọng sâu suốt bao quát xa rộng cốt ở tính chất mực thước và hệ thống, mà chỉ với cảm hứng nhẹ nhàng bay bổng không thôi dường như không đủ. Còn các nhà ca vịnh thì lại bắt nguồn từ thể Tỷ và hứng ở kinh thi, ở mỗi xúc cảm, tiếng than thở của Ly Tao diễn đạt tình cảm đến tuột mức và thu lượm mọi cảnh hay vật lạ, thông thường đây là lời ký thác tâm sự của những bậc tao nhân cơ khách, sống trong cảnh đất khách quê người mà nhà học giả điển chương không thể rời đâu để tâm đến cũng không có tài làm ra”. [36]

Qua lời tựa này chúng ta có thể thấy rõ quan niệm văn chương của

Phan Huy Chú. Điều đầu tiên ông khẳng định văn chương được chia làm hai lối đó là trước thuật và ngâm vịnh. Mà không phải ai cũng có tài kiêm được cả hai lĩnh vực này. Như ông chỉ rõ *người có cái học chuyên về trước thuật thì phần lớn lại kém ở lời văn hoa mỹ*, bởi người học giả điển chương thường dành thời gian nhiều để thâm tóm mọi kiến thức cho tác phẩm của mình, không phải ai cũng có nhiều thời gian rảnh và có tài để nặn nọt, tìm kiếm những lời hoa mỹ. Còn người ngâm vịnh thường có lời văn mượt mà, trau chuốt thì thường kém ở sự uyên bác. Cho nên để kiêm được cả hai lĩnh vực này thì thật là khó và không phải người nào cũng làm được.

Điểm thứ hai theo ông sáng tác văn chương (ngâm vịnh) và nghiên cứu biên soạn (trước thuật) là hai phương diện khác nhau về phương thức cũng như nội dung. Khi làm công việc trước thuật thì điều quan trọng đầu tiên đó là cô đọng, sâu suốt, bao quát, xa rộng, cốt ở tính mục thước và hệ thống, và phải chính xác nữa. Trong tác phẩm trước tác của mình ông viết: *“Khảo xét dấu tích đời xưa mà không dám nói, thêm tên phân tích mọi việc bằng lý để tìm ra lẽ phải, có thể tường tận mà không đến nỗi rườm, có chỗ sơ lược mà nắm được cốt yếu, khiến cho công việc chế tác các đời được rõ rệt đủ làm bằng chứng đều ở trong sách này.”* Như vậy đối với người làm trước thuật thì phải đòi hỏi ở họ tính khách quan, chính xác khi đánh giá, ghi chép, ... Đây là một quan niệm tiến bộ hơn so với những người đương thời. Bởi công việc trước thuật là một công việc mang tính khoa học đặc biệt là tính hệ thống cao. Đòi hỏi người biên soạn không chỉ có kiến thức rộng lớn mà còn phải có óc tổng hợp khái quát mới mong thâm tóm được những điều cốt yếu nhất, vừa cô đọng nhưng lại không thiếu, điều này không phải ai cũng có khả năng. Như ông đã nói nếu *Chỉ có cảm hứng nhẹ nhàng bay bổng không thôi dường như chưa đủ*. Có nghĩa là trong trước thuật cũng cần có những yếu tố cảm xúc nhẹ nhàng xen kẽ của nhà thơ nhà văn nhằm tạo nên sự mượt mà cho người đọc cảm giác không cứng nhắc, khô khan. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải có sự kết hợp khéo léo của một nhà văn với một nhà biên soạn lịch sử.

Phan Huy Chú đã làm được điều này trong tác phẩm của mình, tạo nên nét độc đáo riêng.

Còn đối với loại *Ngâm vịnh* hay nói đúng hơn là sáng tác văn chương thì các nhà văn nhà thơ lại chú trọng đến cảm xúc, đó là tiếng than thở, những lời tâm sự của bậc tao nhân cơ khách đối với những cảnh vật, sự việc mà họ nhìn thấy chứng kiến... Như vậy ở đây điều cốt yếu trong sáng tác chính là cảm xúc, tình cảm của thi nhân được diễn đạt ở mức thăng hoa. Trên thực tế, tác phẩm thơ Phan Huy Chú viết là những vần thơ thể hiện những cảm xúc khác nhau trong các cuộc hành trình ông đã qua, đó có thể là những cảm nhận về cảnh vật, con người, sự kiện, hay những suy tư, tình cảm trước những kỷ niệm, di bút của người thân để lại... Tuy cảm xúc chiếm vị trí chủ yếu nhưng bên cạnh đó còn những lời tự đề gắn liền với những sự kiện, sự việc hay những kỉ niệm của bài thơ. Hầu hết tác phẩm thơ văn của Phan Huy Chú đều được làm trong quá trình đi sứ, và những lần đi công cán nơi xa. Nó ghi lại một cách sinh động những điều mắt thấy tai nghe trên đường đi, song điểm nổi bật trong thơ ông lại là những vần thơ mang nặng tâm tư nỗi niềm của một thi nhân khi xa xứ. Ông gọi đó là *lời ký thác tâm sự của các bậc tao nhân cơ khách sống trong cảnh đất khách quê người*. Như vậy là Phan Huy Chú khẳng định một cách rõ ràng sáng tác thơ văn (ngâm vịnh) thì tình cảm, cảm xúc của thi nhân là rất quan trọng, đó phải là *cảm xúc lên đến tuột bậc* và thu nhận được những gì đẹp nhất (*cảnh hay vật lạ*) vào trong thơ. Qua lời tựa này cho thấy rõ quan niệm về thơ văn và trước thuật của Phan Huy Chú, đồng thời ông đã chỉ ra được sự khác biệt của từng lĩnh vực cụ thể. Nhưng điều quan trọng là ông khẳng định được cái tài của người có kiến thức uyên thâm và lời văn hoa mỹ, đó chính là sự kết hợp hoàn hảo của phong cách người làm sử và người thi nhân.

Như vậy, với Phan Huy Chú thì sáng tác thơ văn và công việc biên soạn lịch sử là hai lĩnh vực mà không phải người nào cũng có tài kiêm cả hai. Bởi đây là hai lĩnh vực khác nhau, một cái là xuất phát từ tình cảm, cảm xúc

trong lòng còn một cái thì lại xuất phát từ những dữ liệu thực tế, từ sự phân biệt đúng sai...Do vậy khi sáng tác thơ văn Phan Huy Chú đứng ở góc độ của một thi nhân, còn khi biên khảo sưu tầm ông đứng ở góc độ của người làm sử. Từ điểm này chúng ta sẽ thấy được sự khác biệt trong quá trình trước thuật và quá trình sáng tác của ông . Tuy nhiên điều quan trọng là ông đã khéo léo kết hợp cả hai lĩnh vực này tạo nên một nét đặc trưng riêng trong tác phẩm của mình. Dưới đây chúng ta cùng tìm hiểu thêm một phần nữa đó là phần sáng tác thơ văn của Phan Huy Chú nhằm làm sáng tỏ thêm quan niệm sáng tác này.

3.2.2 Thơ văn của Phan Huy Chú

Có thể nói Phan Huy Chú không chỉ là nhà sử học mà còn là nhà thơ. Đối với ông công việc trước thuật và sáng tác thơ văn tuy là hai lĩnh vực khác nhau nhưng không đối nghịch nhau mà ngược lại nó còn bổ sung cho nhau, tạo nên nét độc đáo riêng trong tác phẩm của mình. Như đã nói ở trên, ngoài *Lịch triều hiến chương loại chí* ông còn có những tác phẩm khác, tiêu biểu là hai tập thơ *Hoa thiều ngâm lục* và *Hoa thiều tục ngâm* gồm có khoảng trên 400 bài thơ. Những tập thơ này ra đời trong hoàn cảnh rất đặc biệt, đó là kết quả của hai chuyến đi sứ của ông (chuyến thứ nhất từ 1824 đến 1826), (chuyến thứ hai từ 1830 đến 1832). Tìm hiểu những tập thơ này sẽ giúp chúng ta làm rõ hơn tài năng cũng như quan niệm nghệ thuật và cách ứng dụng của tác giả vào trong tác phẩm của mình.

Điều đầu tiên có thể nhận ra trong thơ Phan Huy Chú đó là *lời thơ nhật ký*. Khi nói tới đặc điểm này chúng ta cùng trở lại với mối dây liên hệ của gia đình mà nhất là người cha của ông để tìm thấy sự tiếp nối của truyền thống cũng như sự ảnh hưởng của người cha đến người con như thế nào. Trong bài tựa *Dụ Am ngâm lục* Phan Huy Ích đã từng viết “...*Bác sĩ quân tử lúc nhàn rồi miêu tả tâm tình, ghi lại hành trạng bình thường hình thành ra thiên chương truyền lại cho người sau dùng làm niên phả để lại cho dài lâu.*”

Đó thực là kho báu trong nhà đâu chỉ để phô bày ý tứ văn vẻ, phẩm bình phong vật mà thôi...". Thơ của Phan Huy Ích mang tính kỷ sự nhiều hơn, dường như mỗi bài thơ của ông đều gắn với một sự kiện, sự việc nào đó để lại những ấn tượng sâu sắc đối với ông. Ví như: “Mùa thu năm Quý Ty được thăng chức tả mao sứ Sơn Nam, khi lên đường nhậm chức làm bài thơ này...” hay “Mùa xuân năm Ất Mùi, nghe tin quân nhà vua tiến đánh lấy được thành Phú Xuân làm bài thơ này...”. Khi nghe tin Phan Huy Chú ở kinh thành lên đậu đã khỏi ông đã rất vui mừng làm thơ, có kèm thêm lời chú: “Mùa đông năm Nhâm Dần (1782) sinh Chú, mùa xuân năm nay lên đậu đã khỏi. Khi ấy tôi ở trấn Thanh Hoa, ở nơi xa xôi gửi tin mừng để an ủi lòng...” Như vậy là với ông, thơ đã trở thành nơi thể hiện, ghi lại những sự việc, những tâm sự trước cuộc sống.

Phan Huy Chú đã kế thừa đầy đủ truyền thống gia đình và phát huy cao độ tài năng của bản thân mình. Trong tập thơ *Hoa thiều ngâm lục* ông có viết: “Người xưa nói không đọc muôn quyển sách thì nên đi muôn dặm đường ... Tôi hơn mười năm qua, đọc sách nằm mà du lịch trong tưởng tượng. Nay được đến tận nơi, tầm mắt mở rộng, tinh thần sáng khoái bất giác nảy ra thơ ca miêu tả những điều mắt thấy cũng chỉ cốt gửi gắm tình hoài, ngợi ca cảnh trí chưa từng dùng sức vào câu chữ âm điệu làm gì.” Như vậy Phan Huy Chú viết thơ để ghi lại những điều mắt thấy tai nghe bằng cảm xúc của chính mình mà không bị gò bó vào câu chữ và cũng không phải gắng sức nặn nọt, gọt giũa.

Thơ của Phan Huy Chú khá đa dạng và phong phú về nội dung, hầu như mỗi chuyến đi của ông đều để lại dấu ấn trong thơ. Với ông, thơ không chỉ là những lời bộc lộ cảm xúc ở trong lòng mà thơ còn là những dòng ký sự ghi chép về những sự việc con người, cảnh vật nhìn thấy ở nơi ông từng đi qua, nhìn thấy trên đường đi. Tất cả đều được ông gửi gắm vào trong thơ. Lúc đi đường nhìn thấy cuộc sống sung túc, nhộn nhịp, giàu có của phố Kỳ Lừa tác giả bày tỏ niềm vui:

*Nhà ngói người tỵ hội
Sọt xanh, hàng hóa đầy
Ngược xuôi, đất qua lại
Phong vị mờ màu thay*

Đa số thơ của ông có những lời tiêu dẫn rất thú vị giúp cho người đọc hiểu rõ hơn hoàn cảnh ra đời của nó. Tất nhiên không phải bài thơ nào của ông cũng đạt được những thành công, đôi khi có những bài chỉ là sự miêu tả, hay thuật lại một cảnh vật, hoặc một sự việc nào đó, nhưng không phải không có những bài thơ hay mà những bài ấy thường nằm trong dòng cảm xúc mà ông muốn gửi gắm cái tình của mình trong đó. Với bài *Vọng phu sơn* (Núi vọng phu):

*Vóc đá vững kiên trinh
Mặt sương trông thùy mị
Đăm đăm quên tháng ngày
Chinh phu đâu đó nhỉ*

Bài thơ nhiều ẩn ý, hình ảnh thơ gợi cảm, khiến người đọc liên tưởng đến hình ảnh người phụ nữ kiên nhẫn đợi chồng mặc cho thời gian sương gió vẫn đứng vững kiên trinh, từ *đăm đăm* khiến cho người đọc có một cảm giác xa xăm mơn mõi nhưng luôn hướng về phía người *chinh phu* với một sự khắc khoải, *đâu đó nhỉ* vừa như hỏi lại vừa như là niềm cảm thông, sự chia sẻ chân tình của thi nhân trước những nỗi vất vả, sự chịu đựng cũng như lòng chung thủy đợi chờ của người phụ nữ.

Thơ của Phan Huy Chú không có nhiều cái khắc khoải đau đớn, dằn vặt như Nguyễn Du khi viết về những số phận con người, đặc biệt là người phụ nữ nhưng trong thơ ông thể hiện một nỗi niềm chất chứa, ẩn dấu trong tận đáy lòng khó nói thành lời. Ở một góc độ nào đó những ưu tư ấy cũng khiến cho bạc mái đầu (*Muôn cây nghìn núi đầu phơ bạc / Tóc bạc nào riêng có một mình*).

Lúc đi sứ sang đất khách quê người gặp lại dấu tích của người thân để lại, ông không khỏi bồi hồi xúc động mà gửi tâm tình qua những dòng thơ mang nhiều suy tư, đó là khi bước vào một ngôi chùa gặp được bút tích của cậu mình đã làm bài thơ *Tự bích kiến cửu thị cựu đề túc cảm* (Cảm hoài khi thấy trên vách chùa có bài thơ của cậu đề khi trước). Và ông có đề tựa “ Vách chùa trên tầng núi sau cây tháp, trông thấy nét chữ đã mờ, theo bậc leo lên thì mới biết đây là thơ đề của cậu tôi là Lê Khê hầu. Những câu phía trên không còn rõ nữa, chỉ có câu kết đọc được: “Đâu bờ đâu bến mà lòng biết - tháp báu cao vời, ngất cổ kim”. Dòng lạc khoản ghi: “Tháng ba năm Kỷ Tị - sứ giả Việt Nam Ngô Thì Vị đề”. Mười ba chữ đó nét mực còn như mới. Từ Kỷ Tị đến nay đã hai mươi ba năm, cậu tôi đã đi vĩnh viễn, không trở lại nữa, còn tôi thì đã hai lần đến đây mà hôm nay mới nhận ra tên tuổi dấu tích của cậu giữa chốn chùa chiền. Trước cảnh này cảm khái, ngẫm chuyện xưa nay, ngẫu hứng làm một bài thơ ghi lại.” Bài thơ đó như sau:

Sông Nhuệ bè tiên đã mịt mờ

Núi Tương còn rõ chữ đề thơ

Nhà chùa quang cảnh không kim cổ

Cõi tục vinh hoa thoát đón đưa

Vách phấn tên hay còn thấy rõ

Rêu xanh, nét mực đã che mờ

Tiêu Tương cháu cũng lên làm khách

Ngoảnh Vị Dương nhìn muôn mối tơ

Ngô Thì Vị là cậu ruột của Phan Huy Chú. Do vậy bài thơ mang nhiều trạng thái cảm xúc khác nhau lúc thì bồi ngùi xúc động trước dấu tích của người thân, lúc thì ngậm ngùi trước cảnh cũ rêu phong mà người đã xa cách, lúc thì thoáng buồn bởi sự đời thuật đến thoát đi... Quang cảnh u tịch của ngôi chùa càng tăng thêm nỗi niềm trong lòng tác giả, cả sự đổi thay của thế tục như đổi lập lại sự vĩnh cửu của đạo Thiên nơi cửa Phật.

Như đã biết, các nhà thơ xưa thường lấy cảnh để tả tình, Phan Huy Chú cũng không ngoại lệ, với ông thì một chút ngoại cảnh như tiếng chuông, dòng sông, hay như cơn mưa trong đêm lạnh cũng khiến ông xao lòng. Nỗi cô đơn của một con người nơi xa sứ khắc khoải khôn nguôi, làm hồn thơ dâng trào, nỗi lòng cũng theo đó mà dần mở ra. Có lẽ màn đêm và những cơn mưa nơi sứ người là ngoại cảnh phù hợp để cho nhà thơ bộc lộ tâm trạng của mình như bài *Tân Lạc đêm cảm hoài*:

*Quán khách đêm thu lạnh
Bâng khuâng canh sắp tà
Ái Bắc trăng sáng buốt
Biển Nam mây khuất xa
Cương ngựa mãi dò hỏi
Gian nguy từng trải qua
Nghĩ mãi, không thành giấc
Đâu mộng núi quê nhà?*

Hơn tất thấy những cơn mưa khác trận mưa đêm ở Thuận Đức đã trở thành cái nền cho người nghệ sĩ thể hiện tài năng cũng như trái tim cô đơn của mình. Trong lời tiểu dẫn bài thơ *Bài hành đêm mưa* ông viết : “Buổi chiều sau ngày rằm, tôi trú ngụ ở thành Thuận Đức, Mưa rào chợt đến, cả đêm không tạnh. Tôi một mình ngồi ở nhà trọ, bối rối không ngủ được, cửa trống đèn lạnh, nỗi niềm hiu hắt, viết thành câu thơ. Nửa đêm trước đèn, mười năm sự việc một lúc tràn đến tâm tư. Mưa đất khách trên người. Xưa nay trong tình huống này ai chẳng có tâm tư?” Và cái tâm tư ấy được giải bày:

*Bên thành Thuận Đức ngày thu muộn
Gió tây nổi lên mưa trút xuống
Nước mưa tràn khắp, bụi đầy đường
Róc rách cây cành tiếng mưa rộn*

*Hơi thu vi vút thêm lạnh lùng
Vào đêm hiu hắt tiếng chưa ngừng
Có khách choàng khăn chưa ngủ được
Đốt ngọn đèn xanh, quán trống không*

*Sự việc mười năm chẳng nói ra
Cuối thu xa cách buồn lòng ta
Đồng ướt loanh quanh ruồi vó ngựa
Thư nhà vắng bật phượng trời xa*

*Giường trọ chần đờn sương lạnh tênh
Đêm nay giờ nọ há vô tình?
Núi sông Việt Sở bồi hồi mộng
Yên Triệu ca xoang nghe lặng thình*

*Muôn dặm móng hồng lưu dấu tích
Vi vu Ký Bắc từng du lịch
Đường liễu cát bay đường đã kinh
Lại rét thấu đêm mưa rả rích
Thấm bao cảm xúc, một mình thôi
Nỗi khách lòng quê những rối bời
Một khúc ngâm vang ai biết nhỉ?
Đế giun rỉ rả khắp nơi.*

Có lẽ không cần phân tích nhiều chỉ đọc bài thơ lên cũng khiến cho người đọc một cảm giác buồn đến nao lòng, và dường như cảm thấy mình đang đứng trước cơn mưa áy. Trong bài thơ, cái nền của phong cảnh nổi lên là một ngày thu muộn. Nói đến mùa thu là nói đến một vẻ đẹp nhưng là vẻ đẹp mang hơi hướng của cái buồn man mát mà thi nhân bao đời đã từng viết thành thơ, nhưng ở đây cái buồn này không còn là cái buồn man mát ấy nữa

mà trở thành một nỗi buồn ra riết, nỗi buồn sâu thẳm từ trong tâm can của thi nhân, bởi đó không phải là một chiều hoàng hôn hay là một buổi sáng se se lạnh mà là một đêm mưa, trong cái đêm mưa vắng lạnh ấy lại có một người khách không ngủ được *quán trống không* một mình đối mặt với “*ngọn đèn xanh*” và những tiếng mưa rơi, tiếng những con côn trùng kêu lạc trong đêm, khiến cho tâm hồn nhà thơ lắng lại, nỗi niềm ưu tư của cuộc sống trở về, “*Sự việc mười năm chẳng nói ra*”. Dù chẳng nói ra, và chúng ta cũng không thể lý giải được tất cả nhưng chúng ta có thể hiểu rằng trong mười năm đó cái vui ít hơn cái buồn, cái vất vả mệt nhọc nhiều hơn cái thanh nhàn, thư thái... Đó là những năm tháng ông *lênh đênh* trên con đường công danh của mình.

Khi ở phương trời xa đúng vào ngày sinh của mình Phan Huy Chú đã làm bài thơ *Cảm xúc ngày sinh* (*Sinh nhật cảm hoài*) thể hiện tâm sự của tác giả:

Ngập đường tuyết phủ cuối năm
Nhớ công cha mẹ sinh nhằm con trai
Đền sao ơn ấy, biển trời
Tóc hoa còn ngại đường đời xiết bao
Sống Lô vườn cũ lối nào?
Cánh buồm trời Sở nao nao một mình
Ruổi rong, còn khỏe thân hình
Bến sông chén lạnh ta đành mừng ta.

Sinh nhật thường là lúc con người ta được quây quần vui vẻ bên người thân bạn bè nhưng lần này, sinh nhật của Phan Huy Chú lại đúng vào lúc xa quê hương không một ai thân thiết, trong cái buốt giá mùa đông, trong cái lạnh lẽo của tuyết rơi càng làm cho lòng kẻ thi nhân thêm buồn và nhớ về cha mẹ, nhớ về quê hương nơi sinh ra mình nhưng trước mặt không phải là con Sông Lô, vườn cũ mà là *Cánh buồm trời Sở*, nên đành *Chén lạnh ta đành mừng ta*. Có lẽ đến đây chúng ta càng cảm nhận một cách sâu sắc hơn cái quan niệm về thơ của ông thật đúng với những gì ông viết: sáng tác chính là

“Lời ký thác tâm sự của những bậc tao nhân cơ khách, sống trong cảnh đất khách quê người”. Bài thơ là sự gửi gắm những tâm sự của ông - một con người mang nhiều nỗi ưu tư, trầm lắng. Qua đó càng làm cho chúng ta thấu hiểu hơn nỗi lòng của tác giả cũng tâm tư tình cảm của một thi nhân trước hoàn cảnh xa nhà.

Tìm hiểu qua một số tác phẩm thơ văn Phan Huy Chú giúp cho chúng ta thấy được nét nổi bật trong thơ ông đó là lối *Thơ nhật ký*, thơ ghi về những sự kiện, sự vật, sự việc ... tuy nhiên không vì thế mà thơ không có cảm xúc, ngược lại tính cảm xúc được thể hiện sâu sắc qua những dòng thơ cũng như lời đề tựa. Cũng là thơ vịnh sử tả việc nhưng những thơ của Lê Hữu Trác lại thể hiện một cái gì đó sâu xa ẩn dấu một nụ cười hóm hỉnh, châm biếm. Còn thơ Phan Huy Chú lại thể hiện những tâm sự nỗi lòng của một thi nhân thực thụ, điều này giúp chúng ta có một cái nhìn đầy đủ hơn về con người cũng như những quan niệm sáng tác của ông. Như ông đã từng nói làm được cả hai điều này không phải là ai cũng có cái tài đó. Những lời khen ngợi ông luôn giành cho bậc tiền bối, mà không nghĩ rằng mình cũng là một trong những nhà nho tài năng, hiếm có. Có lẽ để khẳng định và nhận ra điều này thì thế hệ sau ông mới là những người nhận ra một cách rõ ràng và đầy đủ nhất.

Tiểu kết

Phan Huy Chú là một trong những nhân vật tiêu biểu nhất của dòng văn Phan Huy, ông đã có những đóng góp lớn cho truyền thống văn học của gia đình, dòng họ đồng thời góp phần làm phong phú kho tàng văn học của dân tộc.

Trong tác phẩm của Phan Huy Chú có sự kết hợp hài hoà giữa tư duy khoa học của người làm nghiên cứu biên soạn sử học cùng tư duy nghệ thuật của nhà thơ nhà văn. Sự kết hợp này tạo nên một phong cách riêng, được thể hiện qua những văn thơ nhật kí ghi lại những sự việc, sự kiện diễn ra mà ông chứng kiến, đồng thời qua đó nhà thơ đã bộc lộ được tình cảm cũng như cảm

xúc của mình, tạo nên những vần thơ trữ tình độc đáo.

Nhìn chung sáng tác thơ văn của ông tuy chưa có gì nổi bật so với những nhà văn nhà thơ cùng thời nhưng ít nhiều qua đó cho ta thấy được những tâm tư tình cảm, nỗi lòng của một thi nhân khi xa quê hương, cũng như những trăn trở trong lòng của một nhà nho đầy ưu tư. Đồng thời cũng chính những vần thơ được ghi chép theo dạng *Bút ký* này là nguồn tư liệu quý giá để tìm hiểu thêm những sự kiện, phong cảnh, vùng đất ... mà ông đã đi qua.

Tóm lại, những gì mà Phan Huy Chú để lại cho chúng ta bây giờ là vô giá. Đó là những giá trị tinh thần được lưu giữ và truyền lại cho các thế hệ sau biết đến và tự hào về truyền thống văn hóa của dân tộc của mình. Còn đối với những người nghiên cứu làm khoa học, những người yêu thích văn chương cổ thì đây là tư liệu quý giá để họ nghiên cứu tham khảo. Có thể nói qua những tác phẩm sáng tác của Phan Huy Chú càng làm cho chúng ta thấy rõ hơn sự kết hợp tài tình của nhà nghiên cứu khoa học và một nhà thơ nhà văn đích thực.

PHẦN KẾT LUẬN

Phan Huy Chú là một trong những nhân vật nổi tiếng của thế kỷ thứ XIX với tác phẩm *Lịch triều hiến chương loại chí* được coi là bộ bách khoa toàn thư của dân tộc Việt Nam. Sinh ra và lớn lên trong một thời kỳ có nhiều biến đổi, không chỉ về chính trị mà cả về kinh tế văn hóa tư tưởng, cùng với những trào lưu mới đã tác động không ít đến tư tưởng của ông. Hơn nữa Phan Huy Chú là sự kết nối và hun đúc bởi hai dòng họ tiếng tăm lẫy lừng mà ở mỗi dòng họ đều có những con người mang những tư tưởng mới được ông tiếp thu và thừa hưởng....đã tạo nên một Phan Huy Chú tài năng. Cái tài ấy lại được thể hiện và bộc lộ qua những thành công trên con đường văn chương trước thuật hơn là con đường quan trường.

Có thể nói công trình khảo cứu *Lịch triều hiến chương loại chí* đã khẳng định được khả năng tư duy cũng như phương pháp làm việc khoa học của Phan Huy Chú. Đây là một trong những điểm mới, tiến bộ so với những nhà trước thuật đương thời.

Thứ hai về mặt tư liệu *Lịch triều hiến chương loại chí* là một pho bách khoa tư liệu về các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Mà bằng tài năng của mình ông đã tiếp nhận và hội tụ vào trong tác phẩm một cách khái quát nhất và cũng tương đối đầy đủ. Đặc biệt ở phần văn chương bằng sự kết hợp khéo léo cả phương pháp làm sử và cảm hứng văn chương với những lời nhận xét bình luận tinh tế, Phan Huy Chú đã tạo nên một *Văn tịch chí* vừa đầy đủ chính xác về tư liệu lại vừa phong phú về nội dung. Đây thực sự là những giá trị vô cùng quan trọng, là sự kết những tài năng của cha ông được hội tụ trong tác phẩm, và cũng là tinh hoa văn hóa của dân tộc được bộ óc của một cá nhân hoạt động “hết công suất” trong suốt mười năm làm nên. Bộ sách đã trở thành tài liệu tham khảo có giá trị quan trọng đối với những nhà nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Cùng với quan niệm văn chương về sự phân biệt giữa trước thuật và sáng tác Phan Huy Chú đã có những đóng góp mới cho sự phát triển văn học giai đoạn sau. Đặc biệt những sáng tác thơ văn theo lối thơ nhật ký của ông góp phần làm phong phú cho dòng văn Phan Huy và tạo ra nét riêng cho dòng văn của gia tộc mình. Tuy chưa có được thành công như trong lĩnh vực trước thuật nhưng những bài thơ của ông đã cho ta chúng ta cảm nhận một cách sâu sắc và thấu hiểu hơn nỗi lòng của một nhà nho trước thế sự đời thường, trước những tâm tư tình cảm mà chỉ có thơ mới là người bạn tâm giao để giải bày tâm sự.

Tóm lại luận văn này giúp người đọc có một cái nhìn bao quát nhất về tác phẩm mà đặc biệt là phần văn chương của Phan Huy Chú, bên cạnh đó bằng sự so sánh phân tích đánh giá tư liệu, luận văn cũng chỉ ra được những điểm mới, tiến bộ cùng những đóng góp về mặt văn học sử... Tuy nhiên ở luận văn này, chúng tôi cũng mới chỉ đi sâu vào tìm hiểu một phương diện cụ thể trong tác phẩm của Phan Huy Chú, mà toàn bộ tác phẩm của ông là một pho bách khoa toàn thư. Do vậy, với những gì chúng tôi làm được chỉ là một phần rất nhỏ trong biển cả mênh mông của kiến thức. Cho nên với Phan Huy Chú và tác phẩm của ông vẫn còn là một thế giới tư liệu rộng mở cho rất nhiều người muốn tìm hiểu nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau. Ở đây để thay cho những gì cần nói chúng tôi xin trích nguyên lời của Nguyễn Đồng Chi đã viết trong bài “Thư tịch cổ và nhiệm vụ mới” : *“Nói đến truyền thống, nói đến di sản văn hóa của dân tộc, không thể không nói đến cái gia tài thư tịch Hán Nôm của chúng ta ... Hiện nay chúng ta tuy đã quan tâm thống kê, nhưng thực ra chưa thống kê thu thập được bao nhiêu. Chưa một ai dù giỏi đến đâu dám tự cho rằng mình đã biết được những gì cha ông để lại trong cái gia tài thư tịch ấy. Ngay như một vài tác giả nổi tiếng và rất quen thuộc vào một thời kỳ không xa lắm như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Ngô Thì Nhậm chẳng hạn, chúng ta nào đã nắm được chắc chắn những gì họ viết ra, nào đã đọc được hết những gì họ để lại đâu”*[7]. Đây cũng là những lời mà chúng

tôi tâm đắc, và muốn góp một phần nhỏ vào cái vốn thư tịch cổ của dân tộc, chúng tôi cũng cố gắng hết sức khám phá một khía cạnh nhằm làm sáng tỏ thêm những tư liệu quý báu của cha ông để lại cho thế hệ của chúng ta và cũng như thế hệ mai sau.

Trên thực tế, trong quá trình nghiên cứu và viết luận văn này chúng tôi biết vẫn còn những thiếu sót, vậy kính xin các thầy cô cùng độc giả góp ý kiến cho luận văn được hoàn thiện hơn. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

□ Sách tham khảo

1. Đào Duy Anh (1998), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nhà xuất bản ((Nxb) Đồng Tháp, (tái bản)
2. Lại Nguyên Ân, (1997), *Tự điển văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
3. Lại Nguyên Ân (1997), *Các thể tài chức năng trong văn học trung đại Việt Nam*, Tạp chí văn học (số 1)
4. Bùi Huy Bích (1957), *Hoàng Việt thi văn tuyển*, (tập 1) Nxb Văn hoá Hà Nội
5. Bùi Huy Bích (1958), *Hoàng Việt thi văn tuyển* (tập 2), Nxb Văn hoá Hà Nội.
6. *Dòng họ Ngô Thì – Một dòng họ - Một dòng văn*, <http://www.cuocsongviet.com.vn/index.ap?>
7. Nguyễn Đông Chi (1979) *Thư tịch cổ và nhiệm vụ mới*, Nxb Khoa học Xã hội.
8. Nguyễn Huệ Chi (2000), *Nắm bắt những vấn đề phong phú của văn học thế kỷ thứ XVIII đầu thế kỷ thứ XIX*, Tạp chí Văn học (số 4).
9. Nguyễn Huệ Chi (2003), *Mấy đặc trưng loại biệt của văn học Việt Nam thời trung đại*, Tạp chí Văn học (số 5).
10. Vu Tại Chiếu (2006) *Thơ bang giao chữ Hán Việt trong sự giao lưu văn hóa Việt Nam và Trung Quốc trong lịch sử trung đại*, Tạp chí Văn học (số 5)
11. Nguyễn Đình Chú (2005) *Hiện tượng văn sử triết bất phân trong văn học Việt Nam thời trung đại*, Tạp chí Văn học (số 5).
12. Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, (bản dịch), Nxb Sử học.
13. Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2,

(bản dịch) Nxb Sử học.

14. Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 3, (bản dịch), Nxb Sử học.

15. Phan Huy Chú (1961), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 4, (bản dịch) Nxb Sử học.

16. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb Giáo dục.

17. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 2, Nxb Giáo dục.

18. Nguyễn Du (2002), *Truyện Kiều*, Nxb Văn hóa Thông tin Hà Nội.

19. Phạm Trọng Điềm (2000), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 4, Nxb Khoa học Xã hội.

20. Lê Quý Đôn (1961), *Vân đài loại ngữ*, tập 1, Nxb Văn hóa Xã hội.

21. Lê Quý Đôn (1962), *Vân đài loại ngữ* (tập 2), Nxb Văn hoá, Hà Nội.

22. Lê Quý Đôn (1962), *Kiến văn tiểu lục*, Nxb Sử học, Hà Nội

23. Lê Quý Đôn (1973), *Đại việt thông sử*, (bản dịch của Lê Mạnh Liêu), Bộ văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Sài gòn

24. Lê Quý Đôn (1978), *Đại Việt thông sử*, Toàn tập (tập 3), Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội.

25. Khu lưu niệm Nguyễn Du và dòng họ Nguyễn Tiên Điền, <http://www.gtvthatinh.gov.vn/?url:detail&id=28>, Ngày 24/3/2008.

26. Trần Văn Giáp (1971), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập 1, Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội.

27. Trần Văn Giáp (1972), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

28. Trần Văn Giáp (1990), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm Việt Nam*, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà nội.

29. Nhiều tác giả (1983), *Phan Huy Chú và dòng văn Phan Huy*, Sở Văn hoá Thông tin Hà Sơn Bình.
30. Vũ Thanh Hà (2005), *Hoàng Lê Thống nhất chí và thể loại tiểu thuyết chương hồi trong văn học trung đại Việt Nam*, Nghiên cứu Văn học (số 4)
31. Dương Quảng Hàm (2002), *Việt Nam văn học sử yếu*, Nxb Hội nhà văn (tái bản theo đúng bản in ban đầu năm 1943).
32. Đinh Minh Hằng (1994), *Thêm một hướng tiếp cận di sản văn học của Lê Quý Đôn*, Tạp chí Văn học (số 4)
33. Nguyễn Văn Hoàn (1969), *Tình hình biên soạn lịch sử văn học Việt Nam từ xưa đến nay*, Tạp chí Văn học (số 8)
34. Phạm Đình Hổ (2003), *Vũ trung tùy bút*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội
35. Nguyễn Phạm Hùng (2001), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ thứ XX*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
36. Nguyễn Kim Hưng (1997), *Học giả và thi nhân*, Tạp chí Văn học (số 2)
37. Đỗ Văn Hỷ (1993), *Người xưa bàn về văn chương*, Nxb Khoa học Xã hội.
38. Trần Trọng Kim (2008), *Việt Nam sử lược*, Nxb Tổng hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.
39. Trần Trọng Kim (2003), *Nho Giáo*, Nxb Văn học, Hà Nội.
40. Tạ Ngọc Liên (1968), *Tìm hiểu thể loại địa chí*, Tạp chí Văn học (số 6)
41. Tạ Ngọc Liên (1999), *So sánh giữa thể tài trong chính sử Việt Nam với chính sử Trung Quốc*, Tạp chí Hán Nôm (số 3).
42. Nguyễn Lộc (1976), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 18 nửa đầu thế kỷ thứ 19*, tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
43. Nguyễn Lộc chủ biên (1993), *Tổng tập văn học Việt Nam*, Nxb

Khoa học Xã hội – Hà Nội.

44. Nguyễn Lộc chủ biên (1976), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ 18 nửa đầu thế kỷ 19*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp Hà Nội .

45. Phương Lưu, (2002), *Góp phần xác lập hệ thống quan niệm văn học*, Nxb Văn hóa Thông tin.

46. Phương Lưu (1983), *Tìm hiểu nguyên lý văn chương, một vài phương diện lịch sử và lý thuyết về tính dân tộc*, Nxb Khoa học Xã hội.

47. Trần Thanh Mai (1960), *Tình hình biên soạn lịch sử Văn học Việt Nam từ xưa đến nay*, Tạp chí Văn học (số 8)

48. Nguyễn Phong Nam, chủ biên (1977), *Những vấn đề lịch sử và văn chương triều Nguyễn*, Nxb Giáo dục.

49. Nguyễn Ngọc Nhuận (1996), *Nghiên cứu và đánh giá văn bản thơ văn bang giao của Phan Huy Ích*, Luận án tiến sĩ Văn học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

50. Nguyễn Ngọc Nhuận (2006), *Họ Phan và gia phả họ Phan ở Thạch Châu - Hà Tĩnh*, Tạp chí Hán Nôm (số 5)

51. Trần Nghĩa (1970), *Góp phần tìm hiểu quan niệm “Văn dĩ tải đạo” trong văn học cổ Việt Nam*, Tạp chí Văn học(số 2)

52. Trần Nghĩa chủ biên (1993), *Di sản Hán Nôm Việt Nam: “Thư mục đề yếu”*, Nxb Khoa học Xã hội.

53. Phạm Thế Ngũ (1996), *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, tập 1, Nxb Đồng Tháp,

54. Ngô gia văn phái (2005), *Hoàng Lê thống nhất chí*, Nxb Văn học, Hà Nội

55. Vũ Tiến Quỳnh (1998), *Tuyển chọn và trích dẫn những bài phê bình và bình luận văn học của các nhà văn và các nhà nghiên cứu Việt Nam*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

56. Nguyễn Kim Sơn (1995), *Tư liệu thư tịch cuối thế kỷ thứ XVII – Thế kỷ thứ XVIII và khuynh hướng khảo chứng học*, Tạp chí nghiên cứu Lịch

sử (số 4).

57. Nguyễn Kim Sơn (1995), *Sự tiếp xúc của Lê Quý Đôn với học thuật đời Thanh Trung Quốc (Cuối thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XVIII)*, Nghiên cứu Trung Quốc, (số 3)

58. Nguyễn Kim Sơn (1996), *Những nhân tố làm khởi phát khuynh hướng khảo chứng học thế kỷ thứ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX*, Thông báo Hán Nôm học.

59. Trần Đình Sử (1999), *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục Hà Nội.

60. Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đông Chi (1960), *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam (Giai đoạn nửa đầu thế kỉ XIX)*, Nxb Sử học Hà Nội.

61. Bùi Duy Tân (2006), *Thơ vịnh sử - một thể loại đặc trưng trong văn học trung đại*, Nghiên cứu Văn học số 6

62. Văn Tân, Hoài Thanh, Nguyễn Đông Chi (1995), *Sơ thảo văn học Việt Nam thế kỉ thứ 18*, (quyển 4), Nxb Văn Sử Địa Hà Nội.

63. Phạm Hồng Toàn (1994), *Phải chăng thư mục Việt Nam có từ thế kỷ thứ XVI*, Nghiên cứu lịch sử .

64. Nguyễn Quang Thanh, *Văn hóa dòng họ và dòng họ văn hóa*, <http://www.baobinhdinhh.com.vn/565/2003/5/3669>.

65. Trần Nho Thìn (2003), *Văn học Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục.

66. Lê Tài Thư (1980), *Cao Bá Quát con người và tư tưởng*, Nxb Khoa học Xã hội.

67. Nguyễn Đức Vân (1963), *Quan niệm văn học của một số nhà Nho Việt Nam*, Tạp chí Văn học (số 12).

68. Đinh Công Vĩ (1992), *Tìm hiểu phương pháp trình bày phân loại sách vở trong “Nghệ văn chí” của Lê Quý Đôn*, Tạp chí Hán Nôm, (số 1)

69. Đinh Công Vĩ (1994), *Phương pháp làm sử của Lê Quý Đôn*, Nxb

Khoa học Xã hội.

70. Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình học tác giả văn học: Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục Hà Nội.

71. Trần Ngọc Vương (1999) *Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

72. Trần Ngọc Vương (2001), *Một số vấn đề nghiên cứu Nho Giáo ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.

73. Trần Ngọc Vương (2005), “*Vọng ngôn về một cuộc lâm chung*”. *Kỷ yếu hội thảo 240 năm sinh đại thi hào Nguyễn Du*, Viện nghiên cứu Văn hóa – Thông tin.

74. Trần Ngọc Vương (2005) *Văn hóa họ tộc*. Kỷ yếu hội thảo, Viện nghiên cứu Văn hóa – Thông Tin.

75. Trần Ngọc Vương (2007) *Tuyển tập Trần Đình Hượu*, tập 2, Nxb Giáo dục Hà Nội.

76. Trần Ngọc Vương (2008), “*Lưỡng đầu chế thời Lê Trịnh và những hệ quả lịch sử của nó*”, Kỷ yếu hội thảo Khoa học nghiên cứu tư tưởng Nho giáo từ hướng tiếp cận liên ngành, Viện nghiên cứu Hán Nôm.